



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

Con số SỰ KIỆN

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 60 - KỲ I - 02/2021



THỐNG KÊ VIỆT NAM
NỖ LỰC VƯỢT KHÓ HOÀN THÀNH
XUẤT SẮC NHIỆM VỤ NĂM 2020



KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM
DẤU ẤN 5 NĂM



BẮC KẠN HƯỚNG TỚI MỤC TIÊU
GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG



COVID-19 - PHÉP THỬ SỨC BỀN
HỆ THỐNG AN SINH XÃ HỘI
CỦA NHIỀU QUỐC GIA

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN: PHẦN ĐẦU TRỞ THÀNH TRUNG TÂM ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG



Lễ khánh thành Bệnh xá thú y - Tạo địa điểm thực hành, thực tập rất tốt của học sinh, sinh viên nghề chăn nuôi thú y

Ổn định bộ máy - giữ vững chất lượng đào tạo

Tháng 3 năm 2020, thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của Tỉnh uỷ Bắc Kạn và Quyết định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, Trường cao đẳng Bắc Kạn chính thức được thành lập trên cơ sở sáp nhập Trường cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn vào Trường cao đẳng Nghề DTNT Bắc Kạn. Trường CĐ Bắc Kạn là đơn vị công lập duy nhất đào tạo đến trình độ cao đẳng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Sau khi hợp nhất 2 đơn vị, Trường có cơ hội thuận lợi để mở rộng quy mô, ngành nghề đào tạo, tuy nhiên, thách thức với Trường cũng không hề nhỏ, đặc biệt là việc ổn định tổ chức bộ máy, nhân sự. Song với tinh thần đoàn kết, quyết tâm cao, Đảng uỷ và Ban Giám hiệu Trường đã tập trung làm tốt công tác tư tưởng, bố trí sắp xếp vị trí việc làm phù hợp với chuyên môn, năng lực từng cán bộ, giáo viên, nhân viên. Đồng thời, Trường cũng xây dựng quy chế chung và định hướng cán bộ, giáo viên nhân viên vào nề nếp, làm việc năng động, hiệu quả, phù hợp với nền kinh tế thị trường nhiều cạnh tranh.

Song song với công tác tổ chức, Trường cũng tập trung nâng cao chất lượng đào tạo, từng bước tiệm cận với chuẩn đầu ra ở tầm quốc gia và khu vực, đặc biệt đối với những ngành nghề có thể mạnh như:

Trường Cao đẳng Bắc Kạn tiền thân là Trường dạy nghề Bắc Kạn được thành lập từ năm 2002. Sau các lần nâng cấp và sáp nhập, Trường không ngừng được củng cố về quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo. Qua gần 20 năm xây dựng và phát triển Trường đã đào tạo hàng nghìn lượt học viên, cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho các đơn vị, doanh nghiệp trong cả nước và xuất khẩu lao động.

Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật điện, điện tử; Nông lâm nghiệp; Du lịch, Khách sạn và dịch vụ cá nhân; Kế toán - Kiểm toán; Sư phạm (giáo dục mầm non)... Được sự quan tâm của Bộ và tỉnh Bắc Kạn, Trường cũng được thụ hưởng nguồn vốn đầu tư từ các chương trình, đề án, dự án đào tạo nghề. Đây là nguồn lực quan trọng



Giờ thực hành lớp kỹ thuật điện

giúp Trường xây dựng hạ tầng hiện đại, mua sắm trang thiết bị đồng bộ đồng thời nâng cao năng lực cán bộ quản lý và đào tạo giáo viên. Ngoài ra, sau khi sáp nhập, Trường phát huy được sức mạnh tổng hợp của 2 đơn vị trước đây để bổ sung thêm giáo viên có năng lực trình độ, bố trí thêm các phòng học, phòng chức năng, phòng ký túc, xây dựng khu thực hành đáp ứng tốt hơn yêu cầu học các ngành nghề mới.

Tăng cường gắn kết với doanh nghiệp

Dù trong quá trình kiện toàn bộ máy vẫn còn khó khăn nhưng khi bước vào năm học học 2020 - 2021, Trường CĐ Bắc Kạn quyết tâm duy trì ổn định các lớp học cũ, đồng thời làm tốt việc tuyển sinh. Kết quả, hệ trung cấp và cao đẳng chính quy

tuyển được 289 chỉ tiêu và hệ sơ cấp là 571 học viên.

Bên cạnh đó, Trường đã xây dựng cơ chế phối hợp 3 bên: Nhà trường - Doanh nghiệp - Người học để các doanh nghiệp tham gia đóng góp những nội dung cần thiết, phù hợp với thực tiễn của sản xuất, kinh doanh. Mặt khác, Trường thường xuyên cử cán bộ theo dõi nắm bắt nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp và làm cầu nối để giới thiệu việc làm cho học sinh sau khi tốt nghiệp.

Những năm qua, Trường đã ký hợp tác đào tạo với trên 20 doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, trong có các công ty sử dụng lao động kỹ thuật cao như: Công ty CP Lilama 69-1, Công ty CP Kết cấu thép Sóc Sơn, Công ty Điện tử Towada, Công ty TNHH Thiên Sơn, Công ty CP Xây lắp điện 1, Công ty TNHH Cơ khí Việt Trung, Công ty TNHH Chăn nuôi Hoà Phát Bắc Giang, Công ty CP Phát triển Chăn nuôi Dabaco... Các doanh nghiệp trước khi ký kết hợp tác, Trường đều đã tìm hiểu kỹ về năng lực, chế độ đãi ngộ, môi trường làm việc nên khi giới thiệu các học sinh, sinh viên đều được sắp xếp làm việc ở vị trí phù hợp với ngành nghề đào tạo và có thu nhập ổn định.

Hiện nay, có doanh nghiệp đã liên kết phối hợp với nhà trường để đào tạo (nghề kết hợp học ngoại ngữ, kỹ năng mềm) rồi đưa học viên đi làm việc tại nước ngoài theo những đơn hàng uy tín. Điều đó mở ra hướng phát triển mới cho Trường và cũng là tín hiệu cho thấy thị trường ngày càng chấp nhận "sản phẩm" đào tạo của Trường./

Trung Long

KHAI MẠC TRỌNG THỂ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG

Sáng ngày 26/1, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã khai mạc trọng thể tại Trung tâm Hội nghị quốc gia (Thủ đô Hà Nội), bắt đầu chương trình làm việc chính thức với sự tham gia của 1.587 đại biểu, đại diện cho hơn 5,1 triệu đảng viên cả nước.

Đoàn Chủ tịch tham gia Đại hội gồm 16 đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị và một đồng chí Bí thư Trung ương Đảng; trong đó có các đồng chí: Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng; Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân, Thường trực Ban Bí thư Trần Quốc Vượng...

Thay mặt Đoàn Chủ tịch tuyên bố khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc khẳng định: Đại hội XIII của Đảng diễn ra trong bối cảnh đất nước đang đứng trước nhiều thời cơ và thách thức đan xen, nhiều vấn đề chiến lược mới đặt ra cần phải giải quyết, từ tình hình quốc tế, khu vực dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, đến các thách thức mang tính toàn cầu về biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và cả những thành tựu ngoạn mục của tiến bộ khoa học công nghệ đang tác động, ảnh hưởng mạnh mẽ tới đời sống kinh tế - xã hội của đất nước ta cũng như toàn thế giới. Cán bộ, đảng viên, Nhân dân đang mong muốn và đặt nhiều kỳ vọng vào những quyết sách đúng đắn, mạnh mẽ của Đảng để khơi thông mọi nguồn lực, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục đà phát triển đất nước nhanh và bền vững, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc nêu rõ: Đại hội được tổ chức vào thời điểm toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta thực hiện thắng lợi nhiều chủ trương, mục tiêu và nhiệm vụ đã được xác định trong Nghị quyết Đại hội XII của

Đảng, đạt được nhiều thành quả rất quan trọng, khá toàn diện, tạo nhiều dấu ấn nổi bật; góp phần tô đậm những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của 35 năm đổi mới; 30 năm thực hiện cương lĩnh năm 1991; 10 năm thực hiện cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020. Đồng thời, chúng ta cũng thẳng thắn nhìn nhận những mặt còn hạn chế, những vấn đề cần khắc phục, vượt qua cho giai đoạn 5 năm tiếp theo, hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước Việt Nam hùng cường, thịnh vượng vào năm 2045. Trong bối cảnh đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng có trách nhiệm lịch sử to lớn đối với Tổ quốc, đồng bào và dân tộc ta, không chỉ trong giai đoạn 5 năm 2021 - 2025 mà cho cả những thập niên tới, cho những thế hệ tương lai của đất nước. Với quan điểm nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật, đổi mới, hội nhập và phát triển, phát huy truyền thống đoàn kết, chung sức, đồng lòng, kiên định niềm tin vào chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường mà Đảng và Bác Hồ kính yêu đã lựa chọn, Đại hội có nhiệm vụ kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng gắn với việc đánh giá 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới; 30 năm thực hiện cương lĩnh năm 1991; 10 năm thực hiện cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020; đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; xác định mục tiêu, phương hướng đến năm 2030 và tầm nhìn phát triển đất nước đến năm 2045.

Đồng thời, Đại hội kiểm điểm sâu sắc, toàn diện công tác xây dựng Đảng và sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; xác định phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ mới; đánh giá việc thi hành Điều lệ Đảng; đặc biệt là

bầu Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII gồm những đồng chí thực sự tiêu biểu về phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, năng lực lãnh đạo, bản lĩnh và trí tuệ đủ sức đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới.

Sau lễ khai mạc, Đại hội nghe Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng trình bày báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và nêu bật chủ đề Đại hội đó là: Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khơi dậy ý chí và quyết tâm phát triển đất nước, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; phấn đấu để đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành một nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng là một sự kiện chính trị trọng đại của Đảng ta, đất nước ta và dân tộc ta, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong quá trình tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển của đất nước, cán bộ, đảng viên và nhân dân ta đang náo nức chờ mong, tin tưởng và đặt nhiều kỳ vọng vào những quyết sách đúng đắn, mạnh mẽ, sáng suốt của Đảng.

Với định hướng đúng đắn, khát vọng phát triển mạnh mẽ và quyết tâm chính trị cao, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta nhất định sẽ lập nên thành tựu phát triển mới vì một nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc, cùng tiến bước, sánh vai với các cường quốc năm châu, thực hiện thành công tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại và ước vọng của toàn dân tộc ta, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc nhấn mạnh trong phát biểu khai mạc./.

Thu Hương

NGÀNH THỐNG KÊ TỔ CHỨC HỘI NGHỊ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2021

Trong 2 ngày 14-15/01/2021, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức Hội nghị Triển khai kế hoạch công tác năm 2021. Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng tham dự và chỉ đạo Hội nghị. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương và các Phó Tổng cục trưởng: Phạm Quang Vinh, Nguyễn Trung Tiến chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị tại Trụ sở Tổng cục Thống kê có đại diện một số Bộ, ngành, đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư; cùng sự tham gia của các đồng chí nguyên là Lãnh đạo TCTK, đại diện Lãnh đạo Hội Thống kê Việt Nam; Lãnh đạo các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục, 63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các công chức, viên chức của các đơn vị thuộc Tổng cục.

Tham dự Hội nghị tại 223 điểm cầu trực tuyến là Lãnh đạo, công chức, viên chức 63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các đơn vị sự nghiệp đóng ngoài địa bàn Hà Nội; Lãnh đạo, công chức các Chi cục Thống kê huyện ở vùng núi cao, hải đảo, vùng sâu, vùng xa.

Phát biểu tại Hội nghị Triển khai kế hoạch công tác năm 2021, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương trình bày Báo cáo Kết quả công tác Thống kê năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021. Theo đó, một số thành tựu chính của Ngành năm 2020 là: (1) Ngành Thống kê đã hoàn thành



xuất sắc nhiệm vụ bảo đảm thông tin thống kê kinh tế - xã hội phục vụ lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các cấp, các ngành, các địa phương và nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế; (2) Hoàn thiện môi trường pháp lý, thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 và các đề án lớn của Ngành; (3) Công tác phương pháp chế độ Thống kê và Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thống kê và công tác chỉ đạo điều hành được trú trọng thực hiện; (4) Công tác hợp tác quốc tế trong hoạt động thống kê đi vào thực chất giúp nâng cao vị thế của Thống kê Việt Nam trong cộng đồng thống kê khu vực ASEAN nói riêng và quốc tế nói chung; (5) Tổng cục Thống kê đã quyết liệt thực hiện

đổi mới công tác tổ chức, sắp xếp lại mô hình tổ chức theo hướng chuyên môn hóa quy trình sản xuất thông tin thống kê.

Báo cáo đề ra 3 phương hướng nhiệm vụ năm 2021: Thứ nhất, thực hiện có hiệu quả công tác thu thập và xử lý thông tin thống kê, ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong công tác thu thập và xử lý thông tin thống kê; Thứ hai, tiếp tục thực hiện tốt công tác biên soạn và phổ biến thông tin thống kê, phục vụ lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các cấp, các ngành, các địa phương; Thứ ba, nâng cao năng lực hệ thống thống kê.

Để thực hiện Kế hoạch công tác năm 2021 của Ngành, TCTK sẽ tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp: (i) Quyết liệt thực hiện và đổi mới cơ cấu tổ chức và công tác cán bộ ngành Thống kê

theo Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ; (ii) Đổi mới toàn diện quản lý tài chính; (iii) Chuyển đổi số mạnh mẽ trong hoạt động thống kê.

Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đồng thời đề xuất Bộ trưởng xem xét một số nội dung như: Xem xét, giao đủ dự toán chi NSNN năm 2021 đối với định mức biên chế chi quản lý hành chính và kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đặc thù; Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Hệ thống sản xuất thông tin thống kê điện tử; Cho phép TCTK được đề xuất chủ trương đầu tư dự án Mở rộng hệ thống hạ tầng kỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin để lắp đặt hệ thống hội nghị trực tuyến cho các Chi cục Thống kê còn lại, từ nguồn vốn đầu tư phát triển ngành Công nghệ thông tin của Bộ trong giai đoạn trung hạn tới và xây dựng kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025 của ngành Thống kê (ưu tiên chuyển đổi số quản lý, điều hành và xây dựng hệ thống thông tin thống kê quốc gia), trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, phê duyệt và bố trí vốn thực hiện; Xem xét việc bố trí vốn cho 08 dự án xây dựng Chi cục Thống kê còn tồn tại thuộc kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 được tiếp tục

thực hiện đầu tư trong giai đoạn tới và phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án cấp thiết (đặc biệt là các dự án cấp Chi cục Thống kê) của Tổng cục Thống kê trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025.

Phát biểu chỉ đạo Hội nghị, Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng biểu dương, ghi nhận những nỗ lực thành tích đạt được của toàn ngành Thống kê, góp phần tạo nên tầm vóc, vị thế và uy tín của ngành Kế hoạch và Đầu tư. Bộ trưởng cho biết, tuy trong bối cảnh đầy khó khăn, thách thức ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của đất nước, song Việt Nam đã có một năm 2020 thành công rực rỡ, nền kinh tế Việt Nam đã nhanh chóng phục hồi trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 và đạt tăng trưởng dương, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao nhất thế giới. Kết quả này có sự đóng góp rất lớn của ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê, trong đó có ngành Thống kê.

Bộ trưởng nhấn mạnh, năm 2021 là một năm ngành Thống kê sẽ có nhiều nhiệm vụ lớn và nặng nề, đề nghị TCTK tiếp tục duy trì tinh thần trách nhiệm để hoàn thành tốt các công việc năm 2021, tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ chính sau:

Một là, tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ bảo đảm, tuyên truyền và phổ biến thông tin thống kê, trong đó cần tiếp tục chủ động nắm bắt tình hình kinh tế - xã hội để đề xuất các kịch bản kinh tế.

Hai là, tập trung thực hiện tốt Tổng điều tra kinh tế năm 2021.

Ba là, tập trung xây dựng và triển khai có hiệu quả Chiến lược phát triển Thống kê giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Bốn là, đổi mới công tác phương pháp chế độ thống kê, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thống kê để hiện đại hóa công tác thống kê.

Năm là, tập trung đào tạo, đào tạo lại nhằm trau dồi nghiệp vụ chuyên môn, nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm.

Bộ trưởng tin tưởng, với việc tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết, sáng tạo, đặc biệt phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành và các đơn vị trong cả nước, ngành Thống kê sẽ hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ được giao năm 2021; góp phần xây dựng truyền thống của Ngành cũng như nâng cao tầm vóc và uy tín của ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê.

Tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cảm ơn sự quan tâm,



chỉ đạo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cá nhân Bộ trưởng đối với ngành Thống kê. Thay mặt Lãnh đạo TCTK, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương hứa sẽ lĩnh hội, quán triệt và triển khai đầy đủ những ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng bằng những hành động cụ thể, thiết thực theo đúng phương châm hành động của Bộ là “Phát huy truyền thống, nắm bắt cơ hội, đổi mới sáng tạo, quyết liệt hành động”.

Tiếp theo chương trình Hội nghị, Phó Tổng cục trưởng Phạm Quang Vinh báo cáo Tổng kết công tác thi đua khen thưởng giai đoạn 2016-2020 và phát động phong trào thi đua năm 2021. Sau Báo cáo công tác thi đua khen thưởng, Hội nghị đã tổ chức Lễ ký giao ước thi đua năm 2021.

Các đại biểu đồng thời được nghe đại diện Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ ngành Thống kê báo cáo Tổng kết công tác Vì sự tiến bộ phụ nữ ngành Thống kê giai đoạn 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025.

Tại Hội nghị Triển khai kế hoạch công tác năm 2021, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục trưởng và các Phó Tổng cục trưởng TCTK đã trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cho các tập thể và cá nhân đạt thành tích xuất sắc.

Sau một buổi sáng (14/1/2021), Hội nghị hoàn thành đầy đủ các nội dung và đúng tiến độ. Chương trình Hội nghị sẽ tiếp tục vào buổi chiều và ngày hôm sau (15/1/2021), với nhiều nội dung quan trọng về công tác tổ chức cán bộ, công tác tài chính của ngành; Định hướng chuyển đổi số ngành Thống kê; Một số nội dung về công tác phối hợp, chia sẻ dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê Nhà nước... Ngoài ra, Hội nghị tổ chức sự kiện ra mắt Hệ thống điều hành quản lý công việc của ngành Thống kê./

Bích Ngọc

Sáng ngày 11/01/2021, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã khai mạc Hội nghị tập huấn Tổng điều tra kinh tế năm 2021. Tổng cục trưởng TCTK, Phó trưởng ban Ban chỉ đạo Tổng điều tra TW Nguyễn Thị Hương tham dự và chỉ đạo Hội nghị.

Tham dự hội nghị có các Phó Tổng cục trưởng: Phạm Quang Vinh, Nguyễn Trung Tiến; đại diện lãnh đạo, chuyên viên các đơn vị thuộc TCTK, 63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trong cả nước. Hội nghị có sự tham dự của đại biểu là đại diện lãnh đạo của các Bộ, ngành và một số lãnh đạo UBND tỉnh/TP trực thuộc Trung ương là Trưởng ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế cấp tỉnh.

Hội nghị được kết nối trực tuyến với 200 điểm cầu từ các Cục Thống kê và Chi cục Thống kê tại các địa phương trong cả nước, với trên 1.500 người tham dự.

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, bà Nguyễn Thị Hương Tổng cục trưởng TCTK, Phó trưởng ban Ban chỉ đạo Tổng điều tra TW cho biết, thực hiện Chương trình Điều tra thống kê quốc gia, năm 2021, TCTK, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ thực Tổng điều tra kinh tế năm 2021. Đây là một trong 3 cuộc Tổng điều tra lớn của toàn ngành Thống kê (cùng với Tổng điều tra dân số và nhà ở; Tổng điều tra Nông nghiệp - Nông thôn). Cuộc Tổng điều tra kinh tế năm 2021 sẽ cung cấp số liệu toàn bộ về khu vực công nghiệp, xây dựng và khu vực dịch vụ; giúp phản ánh quy mô GDP, cơ cấu từng ngành kinh tế trong GDP, làm tiền đề quan trọng cho việc tính toán số liệu GDP của toàn quốc và GRDP của mỗi địa phương. Điều đó có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với công tác chỉ đạo, điều hành của các Bộ,

ngành, địa phương, giúp Đảng và Nhà nước có được bức tranh kinh tế tổng thể của cả nước; nắm bắt được thực trạng của nền kinh tế nói chung và của từng ngành, từng địa phương để từ đó định vị được từng ngành, từng địa phương đang ở đâu trong quá trình phát triển; xác định những tiềm năng, lợi thế cần phải khai thác; nhận diện được những rào cản, thách thức phải vượt qua; và quan trọng nhất là đưa ra được những quyết sách, chỉ đạo, điều hành phù hợp để phát triển nền kinh tế nhanh, bền vững. Kết quả của cuộc điều tra này cũng sẽ là căn cứ quan trọng để thực hiện thành công các nhiệm vụ lớn của Bộ, ngành và của Chính phủ về cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao hiệu quả, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương cũng cho biết, đây là cuộc Tổng điều tra có quy mô rộng, nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều đối tượng điều tra khác nhau như doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng. Do vậy, để thực hiện thành công cuộc Tổng điều tra, thay mặt Ban chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế TW, Tổng cục trưởng đề nghị: (1). Ngành Thống kê thực hiện tốt vai trò chủ trì, hướng dẫn phương án, nghiệp vụ, kế hoạch triển khai Tổng điều tra đối với Ban Chỉ đạo Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, các Ban Chỉ đạo địa phương, Tổ công tác các Bộ, ngành; tham mưu và lập kế hoạch cho Lãnh đạo Bộ, Lãnh đạo địa phương chỉ đạo Tổng điều tra theo phương án thống nhất, phù hợp với đặc thù của ngành và mỗi địa phương; (2) Các Bộ ngành, Ủy ban nhân dân các cấp,



TỔNG CỤC THỐNG KÊ KHAI MẠC HỘI NGHỊ TẬP HUẤN TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2021

Sở, Ban, Ngành phối hợp chặt chẽ với TCTK và cơ quan thống kê các cấp, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc tuyên truyền và triển khai thực hiện Tổng điều tra. Tăng cường cung cấp, chia sẻ thông tin từ dữ liệu quản lý hành chính như dữ liệu Thuế, đăng ký kinh doanh, quản lý y tế, giáo dục, văn hóa, thông tin, truyền thông... cho mục tiêu Tổng điều tra. Các đơn vị điều tra chấp hành yêu cầu cung cấp thông tin thống kê theo bảng hỏi Tổng điều tra; thực hiện nghiêm túc kế hoạch Tổng điều tra đã đề ra, đảm bảo hoàn thành các công việc đúng tiến độ. (3). Thực hiện tốt công tác tập huấn nghiệp vụ ở các cấp, tăng cường công tác tuyên truyền để điều tra viên, người cung cấp thông tin ở các đơn vị điều tra hiểu rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình trong việc cung cấp số liệu; cần cung cấp số liệu gì và tính toán như thế nào nhằm đảm bảo chất lượng và tính nhất quán của số liệu; (4). Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát với mọi hình thức để đảm bảo phương án Tổng điều tra được triển khai thống nhất ở các Bộ ngành, địa phương, điều tra viên thực hiện tốt quy định khi thu thập số liệu. Trưởng ban Ban Chỉ đạo Tổng điều tra và Cục trưởng Cục Thống kê tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, giám sát để đảm bảo tất cả điều tra viên phải thu thập thông tin từ các đơn vị điều tra; (5). Công tác kiểm tra, xử lý số liệu Tổng điều tra cần được tiến hành khẩn trương, chặt chẽ để sớm hoàn thành tổng hợp, phân tích và công bố số liệu. TCTK xây dựng đề cương và thực hiện



biên soạn các báo cáo chuyên đề từ thông tin của Tổng điều tra, nhằm cung cấp kịp thời thông tin thống kê chuyên sâu phục vụ cho đánh giá tình hình, xây dựng kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của nền kinh tế, của các ngành, lĩnh vực và địa phương, phục vụ công tác tham mưu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, của các Bộ, ngành và địa phương nhằm đưa ra các khuyến nghị chính sách phù hợp, giúp Đảng và Chính phủ nắm bắt, chỉ đạo tốt chiến lược phát triển đất nước trong tình hình mới.

Tổng cục trưởng cũng nhấn mạnh, trong bối cảnh ngân sách Nhà nước ngày càng hạn hẹp, chúng ta cần phát huy tối đa mọi nguồn lực, sử dụng kinh phí điều tra phải đúng quy định, linh hoạt và thật hiệu quả để thực hiện thành công Tổng điều tra kinh tế năm 2021.

Tại Hội nghị, ông Nguyễn Trung Tiến, Phó Tổng cục trưởng TCTK, Ủy viên Ban chỉ đạo Tổng điều tra TW đã giới thiệu nội dung chính của Phương án và các điểm mới của Tổng điều tra kinh tế năm 2021.

Theo kế hoạch, chương trình Hội nghị tập huấn được tổ chức trong 03 ngày (từ 11-13/01/2021). Nội dung tập huấn bao gồm: Quy trình thu thập thông tin, quy trình chọn mẫu đối với doanh nghiệp, hợp tác xã; Giải thích nội dung và cách ghi phiếu toàn bộ, ghi phiếu lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và vốn đầu tư; phiếu lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; lĩnh vực tài khoản quốc gia, phiếu Vận tải-Lưu trữ-Lữ hành-Y tế và Giáo dục; phiếu Gia công-FATS-Văn phòng đại diện; Giới thiệu: Quy trình, nội dung, phương pháp thu thập thông tin phiếu cá thể, phiếu tôn giáo, phiếu hiệp hội, tổ chức phi chính phủ...; Phần mềm thu thập thông tin cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, thông tin cơ sở tôn giáo, thông tin sự nghiệp, hiệp hội, tổ chức phi chính phủ...; Giới thiệu các bảng danh mục trong Tổng điều tra kinh tế; Công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát; Hướng dẫn quản lý sử dụng kinh phí Tổng điều tra; Giới thiệu trang Web điều hành tác nghiệp./.

Thu Hòa



THỐNG KÊ VIỆT NAM - NỖ LỰC VƯỢT KHÓ HOÀN THÀNH XUẤT SẮC NHIỆM VỤ NĂM 2020

Năm 2020 là một năm đầy khó khăn, thách thức ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của đất nước: Đại dịch Covid-19 xảy ra trên toàn cầu làm cho các hoạt động kinh tế bị đình trệ, chuỗi cung ứng bị đứt gãy, gây hậu quả nghiêm trọng tới nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng; thiên tai dị thường, phức tạp gây hậu quả nặng nề, đặc biệt lũ lụt ở miền Trung đã làm hư hỏng cơ sở vật chất, hạ tầng, tác động xấu tới đời sống của người dân. Trong bối cảnh đó, được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng và Lãnh đạo Bộ; sự ủng hộ, phối hợp của các Bộ, ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và người dân, toàn ngành Thống kê đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, chủ động, sáng tạo, đoàn kết, hợp tác, khắc phục khó khăn và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ đặt ra tại Hội nghị triển khai Kế hoạch công tác năm 2020.

Một số thành tựu chính của Ngành năm 2020

Thứ nhất, ngành Thống kê đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo đảm thông tin thống kê kinh tế - xã hội phục vụ lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các cấp, các ngành, các địa phương và nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế

Trước biến động phức tạp của dịch Covid-19, ngay từ đầu năm 2020, Tổng cục Thống kê chủ động lồng ghép các chỉ tiêu phục vụ điều hành nhanh cho Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành như: Bổ sung các thông tin về đánh giá tác động của dịch Covid-19 đến tình hình lao động, việc làm và thu nhập của người lao động trong điều tra lao động việc làm; lồng ghép phiếu khảo sát nhanh thu thập thông tin đánh giá tác động của dịch Covid-19 đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong Điều tra doanh nghiệp năm 2020.

Tổng cục Thống kê đã ước tính các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2020 báo cáo Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư sử dụng cho công tác chỉ đạo, điều hành



Trong năm 2020, toàn Ngành đã thực hiện 30 cuộc điều tra theo kế hoạch, trong đó: Tập trung cải tiến đồng bộ về công tác chuẩn bị điều tra như tập huấn trực tuyến, bài giảng điện tử (Điều tra Nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ; điều tra Khảo sát mức sống hộ dân cư), áp dụng triệt để công nghệ thông tin trong hoạt động thu thập thông tin (hầu hết các cuộc điều tra áp dụng CAPI, điều tra doanh nghiệp lần đầu tiên áp dụng webform thành công), chủ động lồng ghép các chỉ tiêu phục vụ điều hành nhanh cho Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành.

và báo cáo Chính phủ, giúp Chính phủ có căn cứ để xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021. Tại địa phương các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cũng đã tập trung đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội phục vụ thiết thực cho việc hoạch định chính sách của địa phương,



tích cực tham gia chuẩn bị Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; phối hợp với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tham mưu với cấp ủy, chính quyền xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và 5 năm 2021-2025 của địa phương.

Tổng cục Thống kê đã cung cấp thông tin thường xuyên và đột xuất cho Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành. Cung cấp thông tin kinh tế - xã hội trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời phục vụ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm giai đoạn 2021-2025 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030 phục vụ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII và đại hội Đảng các cấp ở địa phương. Đồng thời, Cục Thống kê cấp tỉnh cũng tham mưu và phối hợp với các ngành xây dựng Bộ chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Bên cạnh việc phục vụ tốt yêu cầu thông tin của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, Tổng cục Thống kê tiếp tục thực hiện tốt việc cung cấp thông tin thường xuyên, đột xuất tới các đối tượng dùng tin khác trong nước, ngoài nước và các tổ chức quốc tế.

Thứ hai, hoàn thiện môi trường pháp lý, thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 và các đề án lớn của Ngành.

Trong năm 2020 với sự chủ động của ngành Thống kê, công tác xây dựng và hoàn thiện môi trường pháp lý về hoạt động thống kê đã đạt được những kết quả tích cực, bảo đảm về tiến độ và chất lượng. Nhiều Văn bản quy phạm pháp luật đã được xây dựng

và trình Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành tạo môi trường pháp lý đồng bộ, thuận lợi cho hoạt động thống kê.

Năm 2020, Tổng cục đã làm thủ tục cấp mới chữ ký số cho 9 đơn vị và 191 cá nhân; tổng số văn bản xử lý trên hệ thống E-office là 215431 văn bản đến và 35057 văn bản đi; đã tổ chức 86 cuộc họp, hội thảo trực tuyến với số lượt người tham dự khoảng 10 nghìn người, tiết kiệm cho ngân sách nhà nước khoảng 4,1 tỷ đồng.

Công tác tổng kết Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030 được thực hiện bài bản. Tổng cục Thống kê đã trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kế hoạch tổng kết Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030. Trên cơ sở Kế hoạch chi tiết, các Bộ, ngành và địa phương đã thực hiện công tác tổng kết Chiến lược nghiêm túc, đảm bảo chất lượng.

Với sự nỗ lực của các đơn vị trong Ngành, Tổng cục Thống kê đã thực hiện thành công Đề án 715 về đổi mới quy trình biên soạn tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các đề án lớn khác của ngành như: Đề án thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát, Đề án ứng dụng và phát triển Công nghệ thông tin - truyền thông trong Hệ thống thống kê nhà nước giai đoạn 2017 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, Đề án hội nhập thống

kê ASEAN giai đoạn 2016 - 2020 được thực hiện đúng kế hoạch và đảm bảo chất lượng.

Thứ ba, công tác phương pháp chế độ Thống kê và Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thống kê và công tác chỉ đạo điều hành được chú trọng thực hiện

Tổng cục Thống kê đã đổi mới công tác phương pháp chế độ thống kê theo tiêu chuẩn quốc tế và phù hợp với thực tiễn của Việt Nam, tập trung vào nghiên cứu phương pháp luận thống kê mới, hiện đại, giảm thiểu vùng trống thông tin thống kê phản ánh năng suất, chất lượng, hiệu quả nền kinh tế.

Xác định công nghệ thông tin, số hóa, trí tuệ nhân tạo là chìa khóa của mọi hoạt động, đặc biệt là hoạt động thống kê ngay thời điểm hiện tại và trong tương lai. Trong năm 2020, hạ tầng công nghệ thông tin của Tổng cục được đầu tư, nâng cấp, là nền tảng quan trọng tạo điều kiện cho ngành Thống kê triển khai các hoạt động đầy đủ theo kế hoạch trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp.

Tổng cục Thống kê đã thực hiện chuyển đổi số trong công tác điều hành, quản lý của ngành Thống kê: áp dụng Hệ thống hội nghị trực tuyến đến 63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, lắp đặt và đưa vào sử dụng Hệ thống hội nghị trực tuyến đến 160 Chi cục Thống kê cấp huyện; triển khai hệ thống xử lý văn bản điện tử, chữ ký số trong toàn bộ công chức, viên chức; triển khai phần mềm quản lý công việc.

Thứ tư, công tác hợp tác quốc tế trong hoạt động thống kê đi vào thực chất giúp nâng cao vị thế của thống kê Việt Nam trong cộng đồng thống kê khu vực ASEAN nói riêng và quốc tế nói chung

Với vai trò là Chủ tịch ASEAN về thống kê, Tổng cục Thống kê đã chủ trì thành công các Phiên họp của Tiểu ban Kế hoạch và Điều phối lần thứ 19 và 20 bằng hình thức trực tuyến; Tổ chức thành công kỳ họp lần thứ 10 của Ủy ban Hệ thống Thống kê cộng đồng ASEAN và Diễn đàn cấp cao về Hệ thống Thống kê cộng đồng ASEAN và Hệ thống Thống kê Việt Nam.

Việc Tổng cục Thống kê thực hiện thành công vai trò Chủ tịch ASEAN về Thống kê năm 2020 thể hiện sự cam kết mạnh mẽ, trách nhiệm cao của thống kê Việt Nam trong việc duy trì sự ổn định và phát triển của thống kê khu vực. Đồng thời, đây cũng là cơ hội để thống kê Việt Nam phát huy vai trò dẫn dắt, kết nối các hoạt động của cộng đồng thống kê ASEAN, nâng cao vị thế, vai trò, thể hiện tính chuyên nghiệp của đội ngũ công chức thống kê Việt Nam với các quốc gia trong khu vực và cộng đồng Thống kê quốc tế.

Thứ năm, Tổng cục Thống kê đã mạnh mẽ đổi mới trong công tác tổ chức, sắp xếp lại mô hình tổ chức theo hướng chuyên môn hóa quy trình sản xuất thông tin thống kê

Việc triển khai Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư được thực hiện bài bản, thận trọng, dân chủ, minh bạch tại các đơn vị trong toàn Ngành. Điểm đáng chú ý trong việc sắp xếp lại các đơn vị trong toàn Ngành lần này là vừa đảm bảo tinh gọn tổ chức vừa đảm bảo chuyên môn hóa quy trình sản xuất thông tin thống kê.

Sau khi sắp xếp lại tổ chức theo Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ, toàn Ngành

đã giảm 110 Phòng, 111 Chi cục Thống kê tương ứng với việc giảm 110 Trưởng phòng và 111 Chi cục trưởng.

Năm 2020, các đơn vị trong toàn Ngành đã tiến hành 263 cuộc thanh tra theo kế hoạch, trong đó Cơ quan Tổng cục Thống kê thực hiện 5 cuộc, Cục Thống kê cấp tỉnh thực hiện 258 cuộc. Các đơn vị thuộc Cơ quan Thống kê trung ương Tổng cục Thống kê đã thực hiện 87 cuộc kiểm tra; hoàn thành 02 đợt kiểm tra, giám sát Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ trong cả giai đoạn tập huấn và giai đoạn thu thập thông tin. Điểm mới trong công tác kiểm tra năm 2020 là Tổng cục Thống kê đã tiến hành kiểm tra thực hiện Luật thống kê và các văn bản hướng dẫn thi hành luật tại Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Công Thương. Việc kiểm tra công vụ trong các lĩnh vực tổ chức cán bộ, quản lý tài chính cũng được triển khai thực hiện.

Bên cạnh những thành tựu đạt được trong năm 2020, Tổng cục Thống kê cũng nghiêm túc nhìn nhận những hạn chế tồn tại. Những hạn chế tồn tại này được tập thể Lãnh đạo Tổng cục cũng các đồng chí lãnh đạo các đơn vị trong toàn ngành nghiêm túc xem xét để có những giải pháp tháo gỡ.

Năm 2021 – Những nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu

Năm 2021, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, tình hình

chính trị, kinh tế thế giới dự báo có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, đồng thời cũng là năm đầu tiên thực hiện Nghị Quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, để hoàn thành nhiệm vụ, mục tiêu đề ra trong năm 2021, tập thể và từng cá nhân đồng chí lãnh đạo, công chức, viên chức và người lao động trong toàn Ngành không ngừng phát huy tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, tiếp tục có những đổi mới, phối hợp chặt chẽ với các cá nhân, cơ quan liên quan để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công tác, với chủ đề của năm là “Chủ động kết nối và thích ứng, nâng cao hiệu quả hoạt động thống kê” hướng tới chào mừng 75 năm ngày thành lập ngành Thống kê Việt Nam.

Để thực hiện thành công Kế hoạch công tác năm 2021, ngành Thống kê cần bám sát phương châm hành động của Chính phủ năm 2021 là “Đoàn kết, kỷ cương, đổi mới, sáng tạo, khát vọng phát triển”, trong đó, đặc biệt chú trọng tới nhiệm vụ được quy định trong Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ: “Khẩn trương triển khai việc kết nối chia sẻ dữ liệu hành chính giữa các cơ quan quản lý nhà nước để hình thành hệ thống thông tin thống kê quốc gia phục vụ quản lý, điều hành các cấp”. Một số nhiệm vụ trọng tâm, cụ thể là:

Thứ nhất, thực hiện có hiệu quả công tác thu thập và xử lý thông tin thống kê, ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong công tác thu thập và xử lý thông tin thống kê

Nâng cao chất lượng các cuộc điều tra và chế độ báo cáo thống kê, đặc biệt chú trọng đến thu thập dữ liệu hành chính từ các sở, ban, ngành ở địa phương, Bộ, ngành ở Trung ương; Hoàn thành

các cuộc điều tra trong kế hoạch, bảo đảm chất lượng thông tin thu thập, tập trung thực hiện tốt công tác tập huấn nghiệp vụ, thu thập thông tin trong Tổng điều tra kinh tế năm 2021; Đẩy mạnh ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong công tác thu thập và xử lý thông tin thống kê, đặc biệt là các cuộc điều tra hàng tháng.

Thứ hai, tiếp tục thực hiện tốt công tác biên soạn và phổ biến thông tin thống kê, phục vụ lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các cấp, các ngành, các địa phương

Các đơn vị trong toàn Ngành cần cập nhật diễn biến tình hình kinh tế - xã hội trong và ngoài nước để xây dựng báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hàng tháng, quý, 6 tháng và cả năm 2021 bảo đảm chất lượng và thời gian; tiếp tục đổi mới nội dung và hình thức báo cáo hàng tháng, đặc biệt là kỳ báo cáo quý, cần nghiên cứu ứng dụng phần mềm trong biên soạn báo cáo tình hình kinh tế - xã hội. Chủ động nghiên cứu, xây dựng và cập nhật kịp thời "kịch bản tăng trưởng kinh tế", kịch bản điều hành giá từng quý phục vụ công tác quản lý điều hành của Chính phủ, Lãnh đạo Chính phủ và Lãnh đạo Bộ.

Thứ ba, nâng cao năng lực hệ thống thống kê

Kiện toàn đội ngũ lãnh đạo của các đơn vị trong Ngành, trong đó tăng cường công tác điều động và bổ nhiệm lãnh đạo nhằm khắc phục tình trạng thiếu về số lượng và yếu về chất lượng.

Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính và đầu tư xây dựng cơ bản của toàn ngành, đảm bảo bố trí nguồn lực cho hoạt động thống kê, bố trí cơ sở vật chất, điều kiện làm việc cho các Chi cục Thống kê cấp huyện

Tiếp tục chú trọng việc nghiên cứu phương pháp thống kê mới,

chuyển đổi hình thức thu thập thông tin từ các cuộc điều tra thống kê là chủ yếu sang sử dụng dữ liệu hành chính.

Chủ động, quyết liệt trong công tác phối hợp với các bộ, ngành, địa phương để xây dựng hệ thống thông tin thống kê quốc gia phục vụ quản lý, điều hành các cấp

Xây dựng và triển khai có hiệu quả Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Nhiệm vụ công tác của năm 2021 của toàn Ngành rất lớn với nhiều công việc quan trọng. Để thực hiện thành công Kế hoạch công tác năm 2021 của Ngành, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của ngành Thống kê trong giai đoạn tới, ngành Thống kê cần tập trung vào thực hiện các đột phá sau:

Một là, quyết liệt đổi mới cơ cấu tổ chức và công tác cán bộ ngành Thống kê

Sắp xếp tổ chức phù hợp là điều kiện tiên quyết để phát huy tối đa nội lực, sức mạnh của tập thể trong thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. Do vậy, trong năm 2021, Tổng cục cần bám sát quy định của Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2021 để sắp xếp lại tổ chức.

Công tác quy hoạch đội ngũ lãnh đạo các cấp, nhất là cấp Lãnh đạo Tổng cục đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ là nhiệm vụ cần được quan tâm thực hiện trong thời gian tới. Để thực hiện tốt việc này, trước hết việc quy hoạch lãnh đạo các cấp cần được tiến hành theo quy trình chặt chẽ, xác định rõ yêu cầu chiến lược đối với lãnh đạo từng cấp mà Tổng cục đang cần. Phát hiện sớm những công chức, viên chức có tố chất của người lãnh đạo

cấp chiến lược để đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách.

Trên cơ sở quy hoạch, cần có kế hoạch đào tạo nguồn lãnh đạo chiến lược cho toàn ngành, cụ thể: Thứ nhất, cần đào tạo đội ngũ lãnh đạo chiến lược hoàn thiện về trình độ lý luận chính trị, năng lực lãnh đạo cấp chiến lược; Thứ hai, bố trí, sắp xếp lãnh đạo cấp chiến lược vào các vị trí để họ thể hiện toàn bộ phẩm chất, năng lực, trình độ tầm chiến lược trong cuộc sống, là những cơ sở bảo đảm cho họ hoàn thành tốt nhiệm vụ chiến lược được giao.

Hai là, huy động tối đa nguồn lực, đổi mới toàn diện quản lý tài chính, ngân sách

Hoạt động thống kê trong bối cảnh kinh phí bố trí thực hiện các cuộc điều tra thống kê ngày càng hạn hẹp. Do vậy, bên cạnh công tác đổi mới hình thức thu thập thông tin thì việc huy động tối đa nguồn lực, đổi mới toàn diện công tác quản lý tài chính đóng vai trò rất quan trọng.

Để làm tốt việc này, trong năm 2021, Tổng cục Thống kê cần rà soát tổng thể việc sử dụng kinh phí cho các hoạt động của Ngành trong thời gian qua, đánh giá những hạn chế của việc sử dụng, quản lý nguồn kinh phí, từ đó, rút kinh nghiệm, đề xuất giải pháp quản lý tài chính phù hợp...

Ba là, ứng dụng chuyển đổi số mạnh mẽ trong hoạt động thống kê

Việc ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong hoạt động thống kê trong thời gian qua đã tạo nền tảng vững cho việc chuyển đổi số trong hoạt động thống kê. Trước mắt trong năm 2021, Tổng cục Thống kê cần tập trung vào thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý điều hành ngành Thống kê./

Nguồn: Tổng cục Thống kê

PHONG TRÀO THI ĐUA YÊU NƯỚC VÀ CÔNG TÁC KHEN THƯỞNG NGÀNH THỐNG KÊ GIAI ĐOẠN 2016-2020

Giai đoạn 2016-2020 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với Ngành Thống kê. Ngành đã có những bước chuyển biến vượt bậc, đã triển khai nhiều nhiệm vụ lớn, một mặt phải bảo đảm tốt nhất thông tin thống kê phục vụ kịp thời sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, đánh giá, dự báo tình hình và xây dựng kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của các cơ quan Đảng, Nhà nước ở Trung ương và địa phương, mặt khác triển khai các công việc có tính chất quan trọng, lâu dài như: Triển khai thi hành Luật Thống kê năm 2015 (có hiệu lực thi hành kể từ 01/7/2016), cải tiến phương pháp chế độ thống kê, thực hiện các đề án, chiến lược lớn của Ngành như: Đánh giá lại quy mô GDP, Đề án đổi mới quy trình biên soạn số liệu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Đề án thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát, Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Đề án Hội nhập thống kê ASEAN giai đoạn 2016-2020,...; thực hiện các cuộc Tổng điều tra thống kê (như: Tổng điều tra Nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016, Tổng điều tra kinh tế năm 2017, Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019); triển khai thực hiện Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư và nhiều nhiệm vụ quan trọng khác.

Để tạo động lực thúc đẩy tinh thần cho công chức, viên chức và



người lao động toàn Ngành, góp phần thực hiện thành công các nhiệm vụ lớn nêu trên, Tổng cục Thống kê đã phát động phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2016-2020 và phong trào thi đua yêu nước cụ thể từng năm gắn với các ngày kỷ niệm, các sự kiện, các cuộc vận động lớn của đất nước và của Ngành.

Giai đoạn 2016-2020, ngành Thống kê đã triển khai có hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước và đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị, chương trình công tác đề ra, vị thế, uy tín của Ngành đã được nâng lên; Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Ban cán sự Đảng, Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các đối tượng dùng tin khác đã dành sự quan tâm đặc biệt đối với Ngành.

Công tác thi đua, khen thưởng được các đơn vị trong Ngành ngày càng quan tâm đã có bước tiến đáng kể. Phong trào thi đua tại các đơn vị đã có sự đổi mới về nội dung, hình thức và phương pháp tổ chức thực hiện, qua đó đã đạt được những kết quả quan trọng, tạo cơ sở cho việc đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động

của Ngành trong giai đoạn tới, góp phần khơi dậy lòng tự hào, yêu ngành, yêu nghề của mỗi công chức, viên chức và người lao động ngành Thống kê, thực sự là động lực thúc đẩy việc hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao của từng cá nhân, tập thể.

Trong 5 năm qua, bằng nhiều hình thức phù hợp, Lãnh đạo Tổng cục Thống kê đã chỉ đạo các đơn vị trong toàn Ngành tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu sắc Tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua ái quốc, Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07/4/2014 của Bộ Chính trị về "Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác thi đua, khen thưởng", Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc các đơn vị tăng cường thực hiện tốt Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Trong đó, chú trọng đề cao vai trò,



trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị trong triển khai thực hiện, tạo động lực cho công chức, viên chức và người lao động hăng hái thi đua, phấn đấu hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

Tại các hội nghị triển khai công tác đầu năm, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Thống kê đã phát động các phong trào thi đua và tổ chức ký kết giao ước thi đua giữa các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với các đơn vị thuộc Tổng cục. Căn cứ vào Kế hoạch công tác và nội dung phong trào thi đua của toàn Ngành, Lãnh đạo các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê đã xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể, bám sát nhiệm vụ chính trị được giao để tổ chức các phong trào thi đua với nhiều hình thức phong phú thiết thực. Một số phong trào thi đua nổi bật trong giai đoạn 2016-2020 là:

- Phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2015-2020; Các phong trào thi đua gắn với các nhiệm vụ chính trị, với cuộc vận động "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; Phong trào thi đua hàng năm lập thành tích chào mừng ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi thi đua yêu nước; Phong trào thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm ngày thành lập ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê; Tiếp tục phong trào thi đua "Ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê chung sức xây dựng nông thôn mới"; Phong trào thi đua thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Phong trào thi đua triển khai thực hiện Luật Thống kê năm 2015; Phong trào thi đua thực hiện Đề án đổi mới quy trình biên soạn số liệu Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Hướng ứng triển khai các phong trào thi đua do Bộ trưởng

Bộ Kế hoạch và Đầu tư phát động, cụ thể: Phong trào thi đua "Ngành Kế hoạch và Đầu tư phát huy truyền thống đoàn kết, sáng tạo, thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao giai đoạn 2016-2020", "Ngành Kế hoạch và Đầu tư đồng hành cùng doanh nghiệp Việt Nam hội nhập và phát triển giai đoạn 2017-2020", "Cán bộ, công chức, viên chức ngành Kế hoạch và Đầu tư thi đua thực hiện văn hóa công sở giai đoạn 2019-2025".

Ngoài ra, Công đoàn các cấp đã phối hợp với chính quyền thực hiện các quy định về mối quan hệ công tác giữa chính quyền và công đoàn; phối hợp tổ chức và chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua «Lao động giỏi», phong trào xây dựng tổ chức "Công đoàn vững mạnh" và xây dựng người nữ cán bộ, công chức «Giỏi việc nước, đảm việc nhà».

Trong 5 năm qua, trên cơ sở các quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, các Nghị định của Chính phủ, các Thông tư của Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công tác thi đua, khen thưởng, Tổng cục Thống kê đã rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản của Ngành nhằm tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc triển khai thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; nâng cao chất lượng công tác thi đua, khen thưởng, phát huy ưu điểm, khắc phục những tồn tại, hạn chế.

Kết quả các danh hiệu thi đua

Nhờ đó, công tác khen thưởng của Ngành trong 5 năm qua đã có nhiều đổi mới, đảm bảo tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục theo quy định của pháp luật; chất lượng thẩm định hồ sơ khen thưởng được nâng lên rõ rệt, đảm bảo tính công khai, minh bạch, chính xác; thực hiện khen thưởng đúng đơn vị, đúng người, đúng việc; chú trọng khen thưởng đối với người trực tiếp lao động và tập thể nhỏ, kịp thời khen thưởng đột xuất khi

có thành tích xuất sắc. Chú trọng việc đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức để làm cơ sở bình xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng hằng năm. Tỷ lệ khen thưởng cấp Nhà nước giảm đáng kể so với giai đoạn trước do có nhiều thay đổi quy định của pháp luật về đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện khen thưởng đối với tập thể, cá nhân, đặc biệt đối với những điều kiện liên quan đến sáng kiến, giải pháp. Công tác tổ chức bình xét khen thưởng được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo tính dân chủ, công khai, công bằng, đoàn kết.

Thông qua các phong trào thi đua yêu nước, đã xuất hiện nhiều nhân tố mới, mô hình mới; nhiều tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến, tiêu biểu xuất sắc trong các lĩnh vực công tác được tôn vinh, biểu dương khen thưởng tại các Hội nghị lớn của Ngành. Việc tôn vinh các gương điển hình, đã góp phần thúc đẩy mạnh mẽ phong trào thi đua yêu nước, tạo niềm tin và trách nhiệm trong mỗi tập thể, cá nhân xứng đáng với những danh hiệu đã đạt được.

Riêng năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và do các đơn vị trong toàn Ngành tập trung sắp xếp theo mô hình tổ chức mới, công tác kiểm tra về thi đua, khen thưởng của Tổng cục Thống kê không được thực hiện.

Kết quả khen thưởng giai đoạn 2016-2020:

Với những thành tích đã đạt được, giai đoạn 2016-2020, ngành Thống kê vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng "Huân chương Độc lập hạng Ba" nhân dịp kỷ niệm 70 năm thành lập Ngành. Các tập thể và cá nhân trong Ngành đã được Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng với số lượng cụ thể như sau:



Khen thưởng cống hiến

- 09 cá nhân được tặng thưởng "Huân chương lao động hạng Nhất";

- 36 cá nhân được tặng thưởng "Huân chương lao động hạng Nhì";

- 30 cá nhân được tặng thưởng "Huân chương lao động hạng Ba".

Khen thưởng chuyên đề

a) Khen thưởng các cuộc Tổng điều tra (Tổng điều tra Nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016, Tổng điều tra kinh tế năm 2017, Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019):

- 27 tập thể và 47 cá nhân được tặng thưởng "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ";

- 40 tập thể được tặng thưởng "Cờ thi đua cấp Bộ";

- 244 tập thể và 871 cá nhân được tặng thưởng "Bằng khen của Bộ trưởng".

b) Khen thưởng phong trào "Ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020":

- 05 tập thể được tặng thưởng "Cờ thi đua cấp Bộ";

- 11 tập thể và 95 cá nhân được tặng thưởng "Bằng khen của Bộ trưởng".

c) Khen thưởng điển hình tiên tiến giai đoạn 2015-2020:

+ Cờ thi đua cấp Bộ cho 13 tập thể;

+ Bằng khen Bộ trưởng cho 57 tập thể và 432 cá nhân.

d) Khen thưởng "Phụ nữ điển hình tiên tiến ngành Thống kê giai đoạn 2016-2019":

Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê tặng Giấy khen cho 10 công chức, viên chức nữ tiêu biểu.

Khen thưởng thường xuyên

- 06 tập thể được tặng thưởng "Huân chương lao động hạng Nhất";

- 24 tập thể và 04 cá nhân được tặng thưởng "Huân chương lao động hạng Nhì";

- 52 tập thể và 01 cá nhân được tặng thưởng "Huân chương lao động hạng Ba";

Nội dung phong trào thi đua năm 2021

(1) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các phong trào thi đua, phát huy sức mạnh của các cơ quan truyền thông, báo chí của Ngành trong việc phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng các điển hình tiên tiến, các mô hình mới, nhân tố mới.

(2) Các đơn vị thuộc Tổng cục trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao, tổ chức phát động các phong trào thi đua bám sát các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của cơ quan, đơn vị, trong đó tập trung thực hiện tốt Tổng điều tra kinh tế năm 2021.

(3) Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động, phát huy vai trò, trách nhiệm của thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp; nâng cao chất lượng tham mưu của bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng; kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng.

(4) Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn của từng đơn vị.

(5) Chỉ tiêu phấn đấu thi đua năm 2021:

- Về công tác chuyên môn: 100% các đơn vị, cá nhân đăng ký và giao ước thi đua; 100% tập thể Vụ và tương đương, các phòng và tương đương đạt danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" và "Tập thể lao động xuất sắc"; 20% tập thể Vụ và tương đương có cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cấp Bộ"; 35% tập thể Vụ và tương đương có tập thể và cá nhân được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 01 cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc"; 25% tập thể Vụ và tương đương có tập thể và cá nhân được tặng "Huân chương".

Toàn Ngành phấn đấu đạt được 14 Cờ thi đua cấp Bộ, 04 Cờ thi đua của Chính phủ.

- Về công tác đảng: 100% tổ chức cơ sở đảng "Hoàn thành nhiệm vụ", trong đó có từ 80% được xếp loại chất lượng "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" trở lên, 20% tổ chức cơ sở đảng "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" trong tổng số tổ chức cơ sở đảng "Hoàn thành tốt nhiệm vụ". 100% đảng viên được xếp loại chất lượng "Hoàn thành nhiệm vụ", trong đó có từ 80% được xếp loại chất lượng "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" trở lên, 20% đảng viên được xếp loại chất lượng "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" trong tổng số đảng viên "Hoàn thành tốt nhiệm vụ".

- Về công tác công đoàn: 100% công đoàn cơ sở "Hoàn thành tốt nhiệm vụ"; 20% công đoàn cơ sở "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ".

- 18 tập thể được tặng thưởng "Cờ thi đua của Chính phủ", trong đó năm 2020 là 03 tập thể;

- 03 cá nhân được tặng thưởng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc";

- 33 tập thể và 110 cá nhân được tặng "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ";

- 90 tập thể được tặng "Cờ thi

đua cấp Bộ", trong đó năm 2020 là 14 tập thể;

- 1.086 tập thể và 2.147 cá nhân được tặng "Bằng khen của Bộ trưởng";

- 3.467 tập thể được tặng thưởng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", trong đó năm 2020 là 616 tập thể;

Xem tiếp trang 19)



CÔNG TÁC VÌ SỰ TIẾN BỘ PHỤ NỮ NGÀNH THỐNG KÊ GIAI ĐOẠN 2016-2020 - NHỮNG ĐẦU AN TỰ HẠO

Công tác Vì sự tiến bộ phụ nữ của ngành Thống kê giai đoạn 2016-2020 được triển khai trong bối cảnh kinh tế trong nước đã đạt được kết quả nổi bật, vị thế ngành Thống kê được nâng lên, tính chuyên nghiệp dần được xác nhận và hoàn thiện. Tuy nhiên đây cũng là giai đoạn gặp nhiều khó khăn khi nguồn kinh phí ngân sách nhà nước liên tục bị cắt giảm, dịch Covid-19, thiên tai khắc nghiệt... đã làm ảnh hưởng đến hoạt động công tác Vì sự tiến bộ phụ nữ (sau đây viết tắt là VSTBPN).

Song được sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên của Lãnh đạo Tổng cục¹, các cấp ủy Đảng và sự tích cực của Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục, các đoàn thể và đội ngũ công chức, viên chức và người lao động trong Ngành đã chủ động, sáng tạo lồng ghép các mục tiêu VSTBPN và bình đẳng giới vào các hoạt động chuyên môn và đạt được những kết quả nhất định, góp phần tích cực hoàn thành các nhiệm vụ chính trị của Ngành và hoàn thành các mục tiêu VSTBPN Việt Nam.

Tính đến ngày 20/12/2020 số nữ CCVC là 2.888 người, chiếm 50% tổng số CCVC toàn ngành. Về độ tuổi: So với tổng số CCVC trong cùng độ tuổi, số nữ trong nhóm dưới 30 tuổi chiếm 68,7%, trong nhóm từ 30 tuổi đến dưới 45 tuổi nữ chiếm 57,3% và trong nhóm từ 45 tuổi trở lên, nữ chiếm 26,7%.

- Về trình độ học vấn: Trong tổng số tiến sĩ toàn ngành, có 09 tiến sĩ là nữ, chiếm 69,2%; nữ thạc sĩ

chiếm 48,9%, nữ cử nhân chiếm 52,8%, cao đẳng chiếm 46,5% và trình độ khác chiếm 26,3%.

Kết quả thực hiện các mục tiêu vì sự tiến bộ phụ nữ

Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo trong toàn Ngành, từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực này (Mục tiêu 1)

Tron g 5 năm qua, ngành Thống kê tiếp tục thực hiện tốt các quy định của Đảng và Nhà nước liên quan đến việc bổ nhiệm, luân chuyển, điều động CCVC, trong đó có quan tâm đến CCVC là nữ.

Trong giai đoạn 2016-2020, Tổng cục Thống kê có 01 đồng chí nữ được bổ nhiệm chức vụ Tổng cục trưởng - đây là lần đầu tiên ngành Thống kê có Tổng cục trưởng là nữ. Đối với lãnh đạo cấp Vụ và tương đương, trong tổng số 230 người thì nữ chiếm 23,5%; lãnh đạo cấp phòng và tương đương, trong tổng số 1.555 người thì nữ chiếm 36,2%. Tuy chưa đạt mục tiêu đề ra là khoảng 25% nữ CCVC giữ chức vụ lãnh đạo quản lý cấp Vụ nhưng đây là sự cố gắng lớn của Lãnh đạo Tổng cục và cấp ủy các cấp trong việc quy hoạch và bổ nhiệm CCVC là nữ. Đáng chú ý là những CCVC nữ giữ vai trò Vụ trưởng và tương đương có độ tuổi trung bình khá trẻ (khoảng 46 tuổi).

Giai đoạn 2016-2021, số lượng CCVC nữ trong diện quy hoạch lãnh đạo, quản lý của Tổng cục tiếp tục tăng lên. Toàn Ngành có 1 đồng chí nữ quy hoạch Tổng cục trưởng (chiếm 33,3% trong tổng số quy hoạch), 2 đồng chí nữ quy hoạch Phó Tổng cục trưởng (chiếm 33,3%), 138 đồng chí nữ

quy hoạch lãnh đạo cấp Vụ và tương đương, chiếm 31,5%; 967 đồng chí nữ quy hoạch lãnh đạo cấp Phòng và tương đương, chiếm gần 52,1%. Đây có thể coi là thành công về tăng tỷ lệ nữ tham gia công tác quản lý.

Bên cạnh việc nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn nhiều CCVC nữ còn tích cực tham gia vào các công tác đảng, đoàn thể. Trong tổng số 3.797 đảng viên toàn Ngành thì nữ chiếm 48,9%; trong số cấp ủy toàn Ngành thì tỷ lệ nữ là 30,9%, cao hơn so với mục tiêu đặt ra là 25%. Ở Đảng bộ cơ quan Tổng cục (bao gồm cả đảng viên các đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng cục trên địa bàn thành phố Hà Nội) trong 241 đảng viên có 124 nữ đảng viên (chiếm 51,2), trong đó có 35 nữ đồng chí tham gia cấp ủy (chiếm 56,5% tổng số cấp ủy); 3 đồng chí tham gia tham gia BCH Đảng bộ cơ quan khóa 26, nhiệm kỳ 2015-2020 (chiếm 21,4%) (chưa đạt mục tiêu là 30%), đáng chú ý là có 2 đồng chí nữ tham gia Ban Thường vụ Đảng ủy cơ quan Tổng cục, chiếm 40%, trong đó 1 đồng chí là Bí thư Đảng ủy.

Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực công tác, lao động, việc làm (Mục tiêu 2)

Việc thực hiện quyền bình đẳng của nữ trong lĩnh vực lao động và việc làm trước hết thể hiện sự tham gia của nữ giới trong các hoạt động của Ngành. Nữ giới trong Ngành đã được bố trí tham gia vào mọi lĩnh vực công tác, từ các lĩnh vực nghiệp vụ thống kê, tổ chức cán bộ, quản lý tài chính, hợp tác quốc tế, xuất bản, báo chí, nghiên cứu khoa học, công tác văn phòng, trong đó, nữ CCVC

1. Ngày 25/9/2019, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê đã ban hành Quyết định số 1365/QĐ-TCTK về việc kiện toàn Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ ngành Thống kê.

làm công tác thống kê chiếm gần 51,2% trong tổng số CCVC làm công tác thống kê. Tại cơ quan Tổng cục có 03 nữ Vụ trưởng các Vụ Thống kê chuyên ngành, 01 Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê.

Việc bình đẳng trong lĩnh vực lao động và việc làm còn được thể hiện trong thi tuyển công chức, viên chức. Kết quả tuyển dụng qua các năm gần đây cho thấy tỷ lệ nữ được tuyển dụng tương đối cao và có xu hướng ngày một tăng lên. Kỳ thi năm 2019 vừa qua, đã có 389 thí sinh trúng tuyển, trong đó có 269 là nữ, chiếm 69,2%.

Trong hoạt động nghiên cứu khoa học, nhiều nữ công chức, viên chức đã được tạo điều kiện và khuyến khích tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp. Trong giai đoạn 2016-2020 trong số 40 đề tài, có 22 đề tài, chiếm 55% (trong đó có 16 đề tài cấp Bộ) do công chức, viên chức nữ làm Chủ nhiệm và nhiều đề tài trong số này được đánh giá là xuất sắc và được triển khai áp dụng trong thực tế.

Có thể khẳng định, với việc bình đẳng trong lĩnh vực lao động và việc làm thu nhập của nữ giới trong Ngành từng bước được cải thiện, góp phần quan trọng trong ổn định cuộc sống gia đình, tạo điều kiện tốt hơn để chị em yên tâm, phấn khởi công tác.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong công tác đào tạo và bồi dưỡng của toàn Ngành (Mục tiêu 3)

Trong nhiều năm qua, Tổng cục đã có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện quyền bình đẳng của phụ nữ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo thông qua việc cử nữ giới tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng

MỘT SỐ MỤC TIÊU VỀ SỰ BÌNH ĐẲNG GIỚI CHỦ YẾU TRONG GIAI ĐOẠN TỚI

1. Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo trong toàn Ngành nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực này (Mục tiêu 1)

- Chỉ tiêu 1: Phấn đấu trong đại hội đảng nhiệm kỳ 2025-2030 tỷ lệ nữ tham gia ban chỉ ủy đạt từ 30% trở lên bình quân trong toàn Ngành; tỷ lệ nữ tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ cơ quan Tổng cục từ 25% trở lên.

- Chỉ tiêu 2: Phấn đấu năm 2025 tỷ lệ nữ lãnh đạo cấp vụ, cục và tương đương đạt mức 25%.

2. Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực công tác, lao động, việc làm (Mục tiêu 2)

- Duy trì tỷ lệ CCVC nữ trong Ngành ở mức 50%, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để phụ nữ được tham gia trong mọi lĩnh vực công tác.

3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong thụ hưởng đào tạo và bồi dưỡng của toàn Ngành (Mục tiêu 3)

- Chỉ tiêu 1: Phấn đấu nữ chiếm 50% trong tổng số những người có trình độ trên đại học của toàn Ngành.

- Chỉ tiêu 2: Phấn đấu tỷ lệ nữ từ 50% trở lên trong tổng số người tham gia các khóa đào tạo, tập huấn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học, quản lý nhà nước, lý luận chính trị do Tổng cục tổ chức hoặc cử tham dự.

4. Bảo đảm bình đẳng giới trong thực hiện các chế độ, chính sách (Mục tiêu 4)

- Chỉ tiêu 1: Phấn đấu 100% CCVC nữ được khám sức khỏe định kỳ hàng năm; được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

- Chỉ tiêu 2: Nữ giới có thai được cơ quan, đơn vị tạo điều kiện thuận lợi trong việc khám và chăm sóc sức khỏe, được thực hiện đúng chế độ về thời gian nghỉ và các chế độ liên quan đến sản phụ và chăm sóc bà mẹ.

về chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ, lý luận chính trị.

Hiện tại, toàn Ngành có 350 nữ CCVC có trình độ trên đại học, chiếm 49,3% trong tổng số những người có trình độ trên đại học của toàn Ngành (mục tiêu đề ra là từ 50% trở lên).

Bên cạnh đó, trong giai đoạn 2016-2020, ngành Thống kê đã thực hiện tổ chức 2 kỳ thi nâng ngạch từ Thống kê viên trung cấp, cao đẳng lên Thống kê viên trong đó tỷ lệ nữ tham gia thi chiếm 58,7%;

và 2 kỳ thi nâng ngạch từ Thống kê viên lên Thống kê viên chính trong đó tỷ lệ nữ tham gia thi chiếm trên 38%.

Việc cử phụ nữ tham dự các đoàn công tác, học tập, khảo sát, trao đổi kinh nghiệm, hội thảo tại nước ngoài cũng tăng dần theo hàng năm. Trong giai đoạn 2016-2019 có 366 lượt nữ CCVC trên tổng số 662 lượt CCVC được cử tham dự các đoàn công tác, học tập, khảo sát, trao đổi kinh nghiệm, hội thảo tại nước ngoài



chiếm 55,3%, tăng 8,2 điểm phần trăm so với giai đoạn 2013-2015.

Một số đơn vị còn khuyến khích, tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ một phần kinh phí để CCVC nữ trẻ tham gia các lớp đào tạo sau đại học, từng bước bù đắp việc thiếu hụt CCVC có trình độ cao tại các đơn vị.

Với sự chú trọng thực hiện mục tiêu bình đẳng của phụ nữ trong giáo dục, đào tạo, có thể nói trình độ của CCVC nữ được từng bước củng cố, cập nhật và nâng cao, đáp ứng tốt hơn những đòi hỏi ngày càng cao của công tác thống kê trong thời kỳ đổi mới và hội nhập.

Bảo đảm bình đẳng giới trong thực hiện các chế độ, chính sách (Mục tiêu 4)

Trong những năm qua, các đơn vị trong Ngành đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện tốt các chế độ về chăm sóc sức khỏe cho nữ giới, chế độ thai sản. Ở khối trung ương, hai năm 1 lần Văn phòng Tổng cục đã phối hợp với Công đoàn và Ban Nữ công cơ quan tổ chức tốt công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho CCVC, trong đó có chị em phụ nữ. Đồng thời khuyến khích thực hiện công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, nuôi con khỏe, dạy con ngoan, tạo điều kiện cho chị em trao đổi kinh nghiệm và kỹ năng sống.

Trong điều kiện còn nhiều khó khăn về nguồn kinh phí song nhiều đơn vị vẫn quan tâm thực hiện việc hỗ trợ nữ CCVC không may bị đau ốm, mắc bệnh hiểm nghèo; tổ chức nhiều hoạt động đa dạng nhằm nâng cao sức khỏe của chị em, vừa tạo không khí sôi nổi phấn khởi trong sinh hoạt tập thể như: Kỷ niệm Quốc tế Phụ nữ 8/3, ngày thành lập Hội LHPN Việt Nam 20/10.

Có thể nói, được sự quan tâm của lãnh đạo và cấp ủy cơ quan, đơn vị, hoạt động chăm sóc sức khỏe của nữ CCVC tiếp tục được

duy trì tốt trong những năm qua, tạo điều kiện cho chị em có đủ sức khỏe, yên tâm công tác.

Thành tích của nữ giới

Với tỷ lệ nữ chiếm 50,% tổng số CCVC toàn Ngành và được bố trí tham gia vào mọi lĩnh vực công tác chuyên môn, nghiệp vụ của Ngành, nhiều nữ cán bộ, công chức, viên chức trong Ngành đã tham gia tích cực và có hiệu quả trong các hoạt động quan trọng của ngành Thống kê. Công tác đánh giá kết quả hoạt động, bình bầu thi đua các phong trào của phụ nữ được duy trì thực hiện hàng năm. Hầu hết các chị em đều đạt danh hiệu "Giỏi việc nước, đảm việc nhà", phần lớn các gia đình của các chị em trong Ngành đạt danh hiệu "gia đình văn hóa".

Nhiều chị em đã khẳng định được năng lực và vị trí của mình, tích cực, chủ động, tự tin hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, được tặng các danh hiệu thi đua - khen thưởng. Đặc biệt trong tổng số những người được tặng thưởng các danh hiệu thi đua - khen thưởng bậc cao trong giai đoạn 2016 - 2020², tỷ lệ nữ chiếm gần 29,6%, trong đó tỷ lệ nữ được tặng thưởng Huân chương lao động (hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba) đạt 27,5%, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ đạt 32% và Chiến sĩ thi đua Bộ, ngành đạt 26,6%.

Trong giai đoạn 2016-2020 toàn Ngành không có vụ vi phạm về quyền lợi chính sách đối với phụ nữ. Ban VSTBPN Ngành chưa phải giải quyết đơn thư khiếu kiện nào liên quan đến vấn đề chính sách và sự tiến bộ của phụ nữ.

Những số liệu nêu trên cho thấy trong những năm qua, lực lượng nữ CCVC tiếp tục khẳng định được vị trí, tầm quan trọng của mình trong việc tham gia tích cực và có hiệu quả vào việc

hoàn thành nhiệm vụ chính trị của toàn Ngành. Đây cũng thể hiện sự quan tâm của lãnh đạo chính quyền, đoàn thể cơ quan, đơn vị đến bình đẳng giới trong quy hoạch, bổ nhiệm, bố trí tham gia vào các hoạt động đoàn thể. Vai trò và vị trí của nữ giới ngày càng được khẳng định là một lực lượng rất quan trọng trong đội ngũ công chức, viên chức và người lao động toàn Ngành.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được vẫn còn những hạn chế, tồn tại trong việc thực hiện kế hoạch hành động vì sự tiến bộ phụ nữ: Ban VSTBPN hoạt động chưa thường xuyên; chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm của các thành viên trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. Một số chỉ tiêu của kế hoạch hành động được đặt ra nhưng chưa thực hiện được, như tỷ lệ nữ tham gia công tác quản lý và chưa tương xứng với tỷ lệ nữ của toàn Ngành. Công tác vận động phụ nữ tham gia các hoạt động còn hạn chế, thiếu sâu sát, cụ thể với từng đối tượng. Một số chị em còn có biểu hiện tự ty, thiếu mạnh dạn trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, thể hiện quan điểm; Chưa tổ chức lớp tập huấn đào tạo về giới và kỹ năng lồng ghép giới vào hoạch định và thực thi chính sách, chưa tập huấn đối với người làm công tác vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới.

Vì thế đòi hỏi công tác VSTBPN cần tập trung khắc phục hạn chế, chủ động sáng tạo để đưa hoạt động vì sự tiến bộ phụ nữ của ngành Thống kê phát triển, đồng thời tiếp tục thực hiện thành công các mục tiêu vì sự bình đẳng giới giai đoạn 2021-2025 để Phụ nữ toàn Ngành thực sự là một lực lượng tiến bộ đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành trong giai đoạn mới./.

Nguồn: Tổng cục Thống kê

2. Năm 2020 chưa xét khen thưởng bậc cao



Kinh tế - xã hội Việt Nam Dấu ấn 5 năm



Thu Hường

Năm 2020, nhờ sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành và sự chung sức, đồng lòng, nỗ lực vượt bậc của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước, Việt Nam đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách và đạt được những thành tựu quan trọng, toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực, tạo nhiều dấu ấn nổi bật trong năm 2020 và 5 năm 2016 - 2020.

Kiểm soát tốt dịch bệnh, tạo điều kiện thuận lợi cho phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội

Năm 2020, trước những diễn biến phức tạp, nghiêm trọng của đại dịch COVID-19, cả hệ thống chính trị, toàn dân, toàn quân ta, nhất là các lực lượng tiền phương chống dịch, như: Y tế, quân đội, công an, ngoại giao và các địa phương đã vào cuộc quyết liệt, cùng cả nước đoàn kết, đồng lòng, chung tay hành động, triển khai hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch. Nhờ đó, trong khi đại dịch COVID-19 vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp trên toàn cầu, chúng ta đã kiểm soát, khống chế được dịch bệnh, không để lây lan trong cộng đồng; đồng thời đẩy mạnh hợp tác quốc tế, hỗ trợ kịp thời nhiều nước trong phòng chống dịch.

Tổ chức Y tế Thế giới, cộng đồng quốc tế đánh giá cao và cho rằng Việt Nam nằm trong số ít các quốc gia kiểm soát tốt dịch bệnh, có cách làm đúng, kịp thời, hiệu quả, chi phí thấp. Thành công này thể hiện sự quyết tâm cao, ý chí thống nhất, hành động quyết liệt của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; thể hiện sức mạnh đoàn kết, truyền thống yêu nước, tinh thần tương thân, tương ái của dân tộc; củng cố vững chắc niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, khẳng định tính ưu việt của hệ thống chính trị và bản chất tốt đẹp của Việt Nam, đồng thời, tạo môi trường an toàn để cả nước tập trung phục hồi và phát triển các hoạt động KT-XH, giảm thiểu thiệt hại do dịch bệnh gây ra.

Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp

Theo Báo cáo của Chính phủ về tình hình kinh tế-xã hội năm 2020 và 5 năm 2016-2020, tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2016-2019 đạt khá cao, bình quân 6,8%/năm. Năm 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh, nhưng tăng trưởng cả năm vẫn đạt 2,91%; là một trong những quốc gia tăng trưởng cao nhất trong khu vực và trên thế giới.

Quy mô GDP tăng khoảng 1,4 lần so với năm 2015 (Theo Báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), dự báo GDP Việt Nam năm 2020 ước đạt 340,6 tỷ USD, Việt Nam trở thành quốc gia có nền kinh tế lớn thứ 4 khu vực Đông Nam Á); GDP bình quân đầu người năm 2020

ước đạt khoảng 2.750 USD. Năng suất lao động được cải thiện rõ nét, bình quân giai đoạn 2016 - 2020 tăng 5,8%/năm, cao hơn giai đoạn 2011 - 2015 (4,3%) và vượt mục tiêu đề ra (5%). Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) bình quân 5 năm đạt khoảng 45,2% (mục tiêu đề ra là 30 - 35%). Tăng trưởng từng bước chuyển dịch từ chiều rộng sang chiều sâu, giảm dần sự phụ thuộc vào khai thác tài nguyên, xuất khẩu thô, lao động giá rẻ, mở rộng tín dụng..., từng bước chuyển sang dựa vào ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực biến động mạnh. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) giảm từ 18,6% năm 2011 xuống còn dưới 4% trong giai đoạn 2016 - 2020. Tỷ giá, thị trường ngoại hối khá ổn định; lãi suất có xu hướng giảm dần; cán cân thanh toán thặng dư; hệ số tín nhiệm quốc gia được cải thiện.

Kỷ cương, kỷ luật tài chính được tăng cường. Thu NSNN năm 2020 đạt 96% dự toán. Cơ cấu lại NSNN đạt kết quả tích cực, tỷ trọng thu nội địa tăng lên 81,6% so năm 2015; tỷ trọng chi đầu tư phát triển tăng lên 27 - 28%, tỷ trọng chi thường xuyên giảm còn 62 - 63%. Bội chi NSNN và nợ công được kiểm soát trong giới hạn an toàn và giảm so với giai đoạn trước. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP đạt khoảng 33,4%.

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu đạt cao nhất trong lịch sử, tăng 1,7 lần (từ 327,8 tỷ USD năm 2015 lên 516,6 tỷ USD năm 2020). Năm 2020 mặc dù bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19 vẫn đạt 543,9 tỷ USD; xuất siêu 5 năm liên tiếp, năm 2020 ước đạt 19,1 tỷ USD; thương mại điện tử tăng trưởng mạnh, trở thành

một kênh phân phối quan trọng của nền kinh tế; du lịch tăng trưởng bình quân gần 30%/năm, đạt 18 triệu lượt khách quốc tế vào năm 2019, tăng hơn 10 triệu lượt so với năm 2015. Thị trường nội địa được chú trọng; quản lý thị trường, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại được tăng cường.

Xây dựng nông thôn mới hoàn thành trước thời hạn gần 2 năm; đến cuối năm 2020 có khoảng 63% xã đạt chuẩn, vượt xa mục tiêu đề ra (50%). Nhiều địa phương đã nỗ lực vươn lên mạnh mẽ, đóng góp quan trọng vào thành tựu chung của đất nước.

Các đột phá chiến lược được tập trung thực hiện và đạt những kết quả tích cực.

Hệ thống pháp luật đã hình thành khá đầy đủ và toàn diện, kịp thời triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 và thể chế hoá các chủ trương, đường lối của Đảng trên các lĩnh vực.

Các loại thị trường vận hành cơ bản thông suốt, bước đầu gắn kết với khu vực và quốc tế. Thị trường chứng khoán phát triển khá ổn định; kết nối cung cầu thị trường lao động hiệu quả hơn; thị trường khoa học và công nghệ bước đầu phát triển. Chất lượng nguồn nhân lực được cải thiện, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 64,5%. Tiềm lực khoa học và công nghệ được tăng cường. Hợp tác quốc tế được đẩy mạnh; công nghệ hiện đại được ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực; đã nghiên cứu, phát triển thành công một số công cụ, thiết bị y tế phục vụ phòng chống dịch Covid-19; thu hút nhiều dự án công nghệ cao của một số tập đoàn hàng đầu thế giới.

Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia có bước phát triển. Chỉ số đổi mới sáng tạo

toàn cầu (GII) của Việt Nam năm 2020 xếp thứ 42/131, đứng đầu nhóm 29 quốc gia, nền kinh tế cùng mức thu nhập.

Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội được tập trung nguồn lực đầu tư; nhiều công trình, dự án quan trọng đã được khởi công, xây dựng, hoàn thành, đưa vào sử dụng, tạo thêm năng lực, sức cạnh tranh và diện mạo mới cho đất nước.

Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đạt nhiều kết quả.

Các trọng tâm cơ cấu lại về đầu tư công, hệ thống các tổ chức tín dụng, hệ thống doanh nghiệp nhà nước được chú trọng; các quy định pháp luật liên quan được rà soát, hoàn thiện. Vốn đầu tư công được tập trung cho những dự án cấp bách, trọng điểm, có tính kết nối, lan toả cao; giải ngân vốn đầu tư công được chỉ đạo quyết liệt; vốn đầu tư từ NSNN thực hiện năm 2020 đạt cao nhất trong giai đoạn 2011-2020.

Cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu được triển khai đồng bộ, hiệu quả hơn, bảo đảm ổn định, an toàn hệ thống; tỷ lệ nợ xấu nội bảng ở mức dưới 3%. Việc sắp xếp lại, cổ phần hoá, thoái vốn thực chất hơn; hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh của nhiều DNN được nâng lên.

Cơ cấu giữa các ngành và nội ngành tiếp tục chuyển dịch tích cực. Tỷ trọng ngành khai khoáng giảm, tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo tăng nhanh; tỷ trọng hàng xuất khẩu qua chế biến tăng từ 65% năm 2016 lên 85% năm 2020. Tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, hữu cơ; kinh tế hợp tác và doanh nghiệp nông nghiệp phát triển mạnh; xây dựng nông thôn mới

hoàn thành trước thời hạn gần 2 năm; đến cuối năm 2020 đã có khoảng 63% xã đạt chuẩn, vượt xa mục tiêu đề ra (50%); xuất khẩu nông sản năm 2020 ước đạt trên 41 tỷ USD. Nhiều ngành dịch vụ có tiềm năng, lợi thế, hàm lượng khoa học công nghệ cao phát triển nhanh.

Đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện

Chính sách đối với người có công với cách mạng được quan tâm thực hiện, đời sống người có công được nâng lên. Đến nay, có gần 1,4 triệu người có công đang hưởng chế độ ưu đãi hàng tháng.

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giảm từ gần 10% năm 2015 xuống dưới 3% năm 2020. Diện bao phủ bảo hiểm xã hội gấp hơn 1,3 lần so với năm 2015, chiếm gần 33% lực lượng lao động.

Hệ thống y tế dự phòng và mạng lưới y tế cơ sở được củng cố; triển khai nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh trực tuyến, từ xa, kết nối gần 30 bệnh viện tuyến trên với 1.200 cơ sở khám chữa bệnh trên toàn quốc. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế tăng từ 75% năm 2015 lên 90,85% năm 2020.

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo được tích cực triển khai; chất lượng giáo dục phổ thông, giáo dục đại học tiếp tục được nâng lên. Trong bối cảnh dịch Covid-19, tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT thành hai đợt, bảo đảm nghiêm túc, công bằng và an toàn.

Phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam có những chuyển biến tích cực; các giá trị tốt đẹp của dân tộc được phát huy. Các lễ kỷ niệm lớn, sự kiện quan trọng của đất nước được tổ chức trang trọng, thiết thực và an toàn. Các chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, người cao tuổi, trẻ em, gia đình, bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ được đẩy mạnh; thể thao thành tích cao có bước tiến bộ. Đã trình Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể và Chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Chỉ số phát triển con người (HDI) được cải thiện, Việt Nam thuộc nhóm nước có mức phát triển con người cao của thế giới, xếp hạng 117/189 quốc gia và vùng lãnh thổ (năm 2019).

Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu chuyển biến rõ nét

Năm 2020, Chính phủ đã tập trung chỉ đạo kịp thời, hỗ trợ khắc phục hậu quả, sớm ổn định đời sống và sản xuất của người dân vùng bị thiên tai, đặc biệt là bão lũ, sạt lở đất ở một số tỉnh miền Trung, Tây Nguyên vừa qua; Chấn chỉnh công tác cấp phép tài nguyên, khoáng sản, ngăn chặn khai thác cát, sỏi trái phép; Phát hiện và xử lý nhiều vụ việc, cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; Tập trung thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả, ứng phó các sự cố thiên tai và cứu hộ, cứu nạn được chú trọng. Thực hiện hiệu quả các chương trình về ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững (nhất là vùng đồng bằng sông Cửu Long). Chỉ số phát triển bền vững năm 2020 của Việt Nam tăng 39 bậc so với năm 2016, xếp thứ 49/166 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên

Công tác cải cách hành chính có nhiều chuyển biến tích cực, môi trường kinh doanh được cải thiện; phòng chống tham nhũng được chỉ đạo quyết liệt. Tổ chức bộ máy nhà nước tiếp tục được kiện toàn tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tỷ lệ tinh giản biên chế công chức, biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN lần lượt đạt 8,68% và 7,56%. Đã hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

Kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường. Tập trung thực hiện đơn giản hoá, cắt giảm thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh. Đến nay, đã cắt giảm, đơn giản hóa 63%



điều kiện kinh doanh, 68% danh mục hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành. Cơ chế một cửa, một cửa liên thông đi vào nền nếp, chất lượng giải quyết hồ sơ có sự cải thiện rõ rệt, tỷ lệ giải quyết đúng hạn đạt trên 97%.

Tinh thần khởi nghiệp lan toả rộng rãi; các mô hình kinh doanh mới và phong trào đổi mới, sáng tạo được đẩy mạnh. Mỗi năm có trên 100 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký bình quân tăng hơn 1,8 lần so với năm 2015.

Kinh tế tư nhân ngày càng đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế; đã hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân lớn có năng lực cạnh tranh quốc tế. Kinh tế tập thể, hợp tác xã có nhiều mô hình mới, hiệu quả.

Xếp hạng môi trường kinh doanh của Việt Nam được cải thiện đáng kể, tăng từ xếp hạng 88/183 năm 2010 lên xếp hạng 70/190

quốc gia, vùng lãnh thổ năm 2019. Công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được chú trọng và có chuyển biến tốt...

Quốc phòng, an ninh được tăng cường, chủ quyền quốc gia được giữ vững; đối ngoại và hội nhập quốc tế đạt nhiều kết quả quan trọng

Quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân được củng cố ngày càng vững chắc. Thực hiện đồng bộ các chiến lược, đề án về quân sự, quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, ngăn chặn âm mưu "diễn biến hoà bình", bạo loạn, phá hoại của các thế lực thù địch, phản động; xử lý hiệu quả các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự; tình hình tội phạm, tai nạn giao thông giảm dần.

Đối ngoại và hội nhập quốc tế được triển khai chủ động, toàn diện, đồng bộ, đạt nhiều kết quả quan trọng; ký kết và triển khai hiệu quả 14 hiệp định thương mại tự do. Đảm nhiệm thành công nhiều cương vị quan trọng tại các diễn đàn, tổ chức quốc tế, khu vực. Uy tín và vị thế quốc tế của Việt Nam được khẳng định và nâng cao.

Có thể nói, sau 5 năm, Việt Nam đã đạt được nhiều dấu ấn tích cực khi rất thành công trong phòng chống, kiểm soát dịch bệnh, đồng thời phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá cao. Niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước không ngừng được củng cố và nâng cao. Đặc biệt với Việt Nam kiểm soát tốt dịch bệnh Covid-19, đảm bảo nền kinh tế tăng trưởng dương trong năm 2020 đã khẳng định tiềm lực, vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế./

PHONG TRÀO THI ĐUA YÊU NƯỚC...

(Tiếp theo trang 12)

- 4.809 cá nhân được tặng thưởng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở", trong đó năm 2020 là 694 cá nhân.

Bên cạnh các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Thống kê Việt Nam" cho 2.481 cá nhân, trong đó 820 cá nhân làm công tác thống kê trong Ngành, 1.661 cá nhân làm công tác thống kê ngoài Ngành và 04 cá nhân là chuyên gia người nước ngoài.

Với những kết quả đạt được trong 5 năm qua, phong trào thi đua yêu nước đã thực sự trở thành động lực to lớn để ngành Thống kê hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ được giao, tiếp tục khẳng định vai trò của Ngành

trong đời sống chính trị, kinh tế - xã hội của đất nước. Đặc biệt đã góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, củng cố sự đồng thuận, đoàn kết, quyết tâm phấn đấu của công chức, viên chức và người lao động trong toàn Ngành, tạo nên yếu tố then chốt cho sự phát triển bền vững của Ngành trong thời gian tới.

Tự hào với những thành quả đã đạt được trong 5 năm qua, tập thể lãnh đạo, công chức, viên chức và người lao động ngành Thống kê quyết tâm đoàn kết, phát huy truyền thống tốt đẹp, vượt qua khó khăn, thách thức, tiếp tục đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, hăng hái lao động, học tập, quyết tâm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị được giao,

góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Để phong trào thi đua toàn Ngành phát triển sâu rộng và lan tỏa, Lãnh đạo Tổng cục phát động đợt thi đua từ nay đến hết năm 2021 với chủ đề:

"Ngành Thống kê - phát huy những thành tích đã đạt được trong 5 năm qua, khắc phục những tồn tại, hạn chế, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong toàn Ngành, chủ động kết nối và thích ứng, nâng cao hiệu quả hoạt động thống kê, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao, lập nhiều thành tích chào mừng thành công Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, kỷ niệm 75 năm ngày thành lập ngành Thống kê (06/5/1946-06/5/2021) và các ngày lễ lớn của dân tộc"/.

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI CẢ NƯỚC

THÁNG 01 NĂM 2021

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

a) Nông nghiệp

Tính đến thời điểm 15/01/2021, cả nước gieo cấy được 1.826,9 nghìn ha lúa đông xuân, bằng 92,9% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc đạt 62,2 nghìn ha, bằng 55,4%; các địa phương phía Nam đạt 1.764,7 nghìn ha, bằng 95,2%, riêng vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 1.434,8 nghìn ha, bằng 94,6%.

Ước tính tháng Một, tổng số bò cả nước tăng 2,2% so với cùng thời điểm năm trước; tổng số trâu giảm 2,7%; tổng số lợn tăng 16,2%; tổng số gia cầm tăng 6,5%.

b) Lâm nghiệp

Trong tháng Một, diện tích rừng trồng mới tập trung của cả nước ước tính đạt 6,9 nghìn ha, giảm 2,8% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt gần 3,7 triệu cây, giảm 2,6%; sản lượng gỗ khai thác đạt 900 nghìn m³, tăng 3,1%; sản lượng củi khai thác đạt 1,5 triệu ste, giảm 1,3%.

Trong tháng Một (16/12/2020-15/01/2021), diện tích rừng bị thiệt hại là 114,8 ha, cao hơn nhiều so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, diện tích rừng bị cháy là 62,4 ha (cùng kỳ năm 2020 không có diện tích bị cháy); diện tích rừng bị chặt, phá ở mức cao với 52,4 ha, gấp 8,7 lần cùng kỳ năm 2020.

c) Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng 01/2021 ước tính đạt 497,9 nghìn tấn, tăng 1,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước tính đạt 252,5 nghìn tấn, tăng 1% so với cùng kỳ năm trước; Sản lượng thủy sản khai thác

ước tính đạt 245,4 nghìn tấn, tăng 2,5% so với cùng kỳ năm trước.

2. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 01/2021 giảm 3,2% so với tháng trước và tăng 22,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành chế biến, chế tạo tăng 27,2%, đóng góp 21,6 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 16,3%, đóng góp 1,5 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,4%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 6,2%, làm giảm 1 điểm phần trăm.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/01/2021 tăng 1,1% so với cùng thời điểm tháng trước và giảm 1,4% so với cùng thời điểm năm trước.

3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Tình hình đăng ký doanh nghiệp trong tháng 01/2021 có nhiều khởi sắc, cả nước có gần 10,1 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 155,1 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký là 115,9 nghìn lao động, tăng 21,9% về số doanh nghiệp, tăng 25,9% về vốn đăng ký và tăng 37,2% về số lao động so với cùng kỳ năm 2020. Nếu tính cả 240 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của 4.015 doanh nghiệp đăng ký tăng vốn thì tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong tháng 01/2021 là 395,1 nghìn tỷ đồng, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm 2020. Bên cạnh đó, còn có 6.503 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới

và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong tháng 01/2021 lên 16.594 nghìn doanh nghiệp, giảm 0,9% so với cùng kỳ năm trước.

Cũng trong tháng có 25.752 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 36,4% so với cùng kỳ năm trước.

4. Đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 01/2021 ước tính đạt 23.233 tỷ đồng, bằng 5,1% kế hoạch năm và tăng 24,5% so với cùng kỳ năm trước, gồm có: Vốn Trung ương quản lý đạt 3.045 tỷ đồng, bằng 3,9% kế hoạch năm và tăng 28,2% so với cùng kỳ năm trước; Vốn địa phương quản lý đạt 20.188 tỷ đồng, bằng 5,4% kế hoạch năm và tăng 24% so với cùng kỳ năm 2020.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/01/2021 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt hơn 2 tỷ USD, giảm 62,2% so với cùng kỳ năm 2020.

5. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Tổng thu ngân sách Nhà nước 15 ngày đầu tháng 01/2021 ước tính đạt 36 nghìn tỷ đồng, bằng 2,7% dự toán năm, trong đó thu nội địa đạt 22,5 nghìn tỷ đồng, bằng 2%; thu từ dầu thô 989 tỷ đồng, bằng 4,3%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 12,6 nghìn tỷ đồng, bằng 7%.

Tổng chi ngân sách Nhà nước ước tính đạt 42,5 nghìn tỷ đồng, bằng 2,5% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 29,7 nghìn tỷ đồng, bằng 2,9%;

chi đầu tư phát triển 3 nghìn tỷ đồng, bằng 0,6%; chi trả nợ lãi 9,8 nghìn tỷ đồng, bằng 8,9%.

6. Thương mại, giá cả, vận tải và du lịch

a) Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 01/2021 ước tính đạt 479,9 nghìn tỷ đồng, tăng 3,7% so với tháng trước và tăng 6,4% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 6,7% (cùng kỳ năm 2020 tăng 8%).

b) Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Tiếp tục đà tăng trưởng của năm 2020, hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 01/2021 đạt mức tăng cao so với cùng kỳ năm trước. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa tháng 01/2021 ước tính đạt 54,1 tỷ USD, tăng 45,7% so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu hàng hóa

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 01/2021 ước tính đạt 27,7 tỷ USD, tăng 0,2% so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng Một tăng 50,5%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 37,3%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 56,2%.

Về thị trường xuất khẩu hàng hóa tháng 01/2021, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 7,5 tỷ USD, tăng 57,4% so với cùng kỳ năm trước.

Nhập khẩu hàng hóa

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 01/2021 ước tính đạt 26,4 tỷ USD, giảm 5,4% so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2020, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng Một tăng 41%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 35,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 44,3%.

Về thị trường nhập khẩu hàng hóa tháng 01/2021, Trung Quốc

vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 9,6 tỷ USD, tăng 72,7% so với cùng kỳ năm trước.

Ước tính tháng 01/2021 xuất siêu đạt 1,3 tỷ USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 1,8 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 3,1 tỷ USD.

c) Vận tải hành khách và hàng hóa

Vận tải hành khách tháng 01/2021 ước tính đạt 415,5 triệu lượt hành khách vận chuyển, giảm 16,1% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 17,7 tỷ lượt hành khách.km, giảm 25,4%.

Vận tải hàng hóa tháng 01/2021 ước tính đạt 169,7 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 31,5 tỷ tấn.km, tăng 6,8%.

d) Khách quốc tế đến Việt Nam

Khách quốc tế đến Việt Nam trong tháng Một ước tính đạt 17,7 nghìn lượt người, tăng 9% so với tháng trước nhưng giảm 99,1% so với cùng kỳ năm trước do nước ta tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19, chưa mở cửa du lịch quốc tế.

Trong tháng, khách quốc tế đến nước ta từ châu Á đạt 15.822 lượt người, chiếm 89,2% tổng số khách quốc tế, giảm 99% so với cùng kỳ năm trước. Khách đến từ châu Âu ước tính đạt 1.185 lượt người, giảm 99,5%; khách đến từ châu Mỹ ước tính đạt 486 lượt người, giảm 99,6%; khách đến từ châu Úc đạt 121 lượt người, giảm 99,8%; khách đến từ châu Phi đạt 122 lượt người, giảm 98%.

7. Một số tình hình xã hội

a) Đời sống dân cư và công tác an sinh xã hội

Để góp phần ổn định đời sống nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu và giáp hạt đầu năm 2021, ngày 31/12/2020, Thủ tướng

Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2285/QĐ-TTg về hỗ trợ gạo cho nhân dân 2 tỉnh Nghệ An và Quảng Nam với số lượng hơn 1.702,8 tấn gạo. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã ban hành kế hoạch chăm lo Tết cho người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách với tổng số tiền hơn 14,1 tỷ đồng. Bên cạnh đó, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành Kế hoạch chuẩn bị đón Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021 và có các chương trình hỗ trợ riêng tùy theo điều kiện từng địa phương, bảo đảm cho người dân đón Tết vui tươi, lành mạnh, an toàn và tiết kiệm.

b) Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm

Trong tháng, dịch Covid-19 trên thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, tại Việt Nam, tính đến 14h00 ngày 28/01/2021 có 1.553 trường hợp mắc, 1.430 trường hợp đã được chữa khỏi (35 trường hợp tử vong).

c) Tai nạn giao thông

Trong tháng Một (15/12/2020-14/1/2021), trên địa bàn cả nước xảy ra 1.233 vụ tai nạn giao thông, làm 608 người chết; 366 người bị thương và 529 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông giảm 5,2%; số người chết tăng 2,9%;

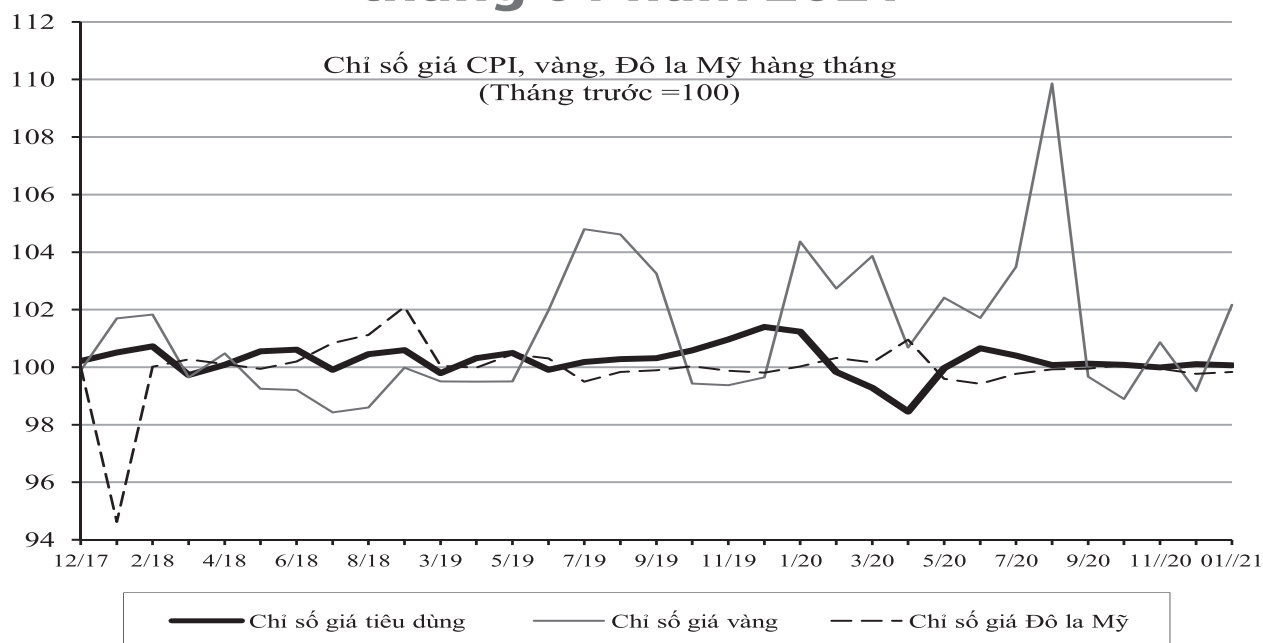
d) Thiệt hại thiên tai, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

Thiên tai xảy ra trong tháng chủ yếu là rét đậm, rét hại; sạt lở và triều cường làm 288,3 ha lúa và 110 ha hoa màu bị hư hỏng; 3,3 nghìn con gia súc và gia cầm bị chết; 572 ngôi nhà bị ngập hư hại, thiệt hại ước tính hơn 25,5 tỷ đồng,...

Trong tháng, trên địa bàn cả nước xảy ra 245 vụ cháy, nổ, giá trị thiệt hại ước tính 114,2 tỷ đồng./.

(Theo Báo cáo Tình hình - kinh tế xã hội cả nước tháng 01 năm 2021 - TCTK)

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 01 năm 2021



Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 01 NĂM 2021 SO VỚI		
	Kỳ gốc năm 2019	Tháng 01 năm 2020	Tháng 12 năm 2020
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG			
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	103,27	99,03	100,06
1- Lương thực	109,12	101,03	100,64
2- Thực phẩm	106,37	106,10	100,83
3- Ăn uống ngoài gia đình	110,25	99,69	100,81
II. Đồ uống và thuốc lá	107,53	102,17	100,15
III. May mặc, mũ nón, giày dép	102,43	100,80	100,32
IV. Nhà ở và vật liệu xây dựng (*)	102,23	100,47	100,44
V. Thiết bị và đồ dùng gia đình	100,03	96,45	97,69
VI. Thuốc và dịch vụ y tế	101,77	100,48	100,08
Trong đó: Dịch vụ y tế	102,28	100,36	100,01
VII. Giao thông	102,40	100,17	100,00
VIII. Bưu chính viễn thông	93,73	89,73	102,29
IX. Giáo dục	98,59	99,42	99,90
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	107,11	104,13	100,33
X. Văn hoá, giải trí và du lịch	107,69	104,53	100,38
XI. Hàng hoá và dịch vụ khác	99,00	97,39	100,08
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	104,18	101,42	100,24
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	141,53	128,19	102,17

(*) Nhóm này bao gồm: tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng

Kinh tế hợp tác, hợp tác xã

LIÊN KẾT, HỢP TÁC CÙNG PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP

Hùng Đạt

Trong bối cảnh kinh tế Việt Nam có nhiều khó khăn, ngân sách hạn hẹp nhưng phát triển kinh tế tập thể (KTTT) mà nòng cốt là hợp tác xã (HTX) và tổ hợp tác (THT) vẫn hoạt động khá ổn định. Số lượng HTX tăng lên, phát triển đồng đều trên khắp các vùng, miền, chất lượng hoạt động từng bước được nâng lên. Tuy nhiên để phát triển KTTT, HTX bền vững trước những cơ hội và thách thức của kinh tế thị trường, trong thời gian tới cần đẩy mạnh liên kết, hợp tác, tạo sức mạnh cạnh tranh cùng nhau phát triển và hội nhập.

Thực trạng kinh tế hợp tác, hợp tác xã

Sau khi Luật Hợp tác xã năm 2012 được Quốc hội thông qua, đặc biệt là từ năm 2016 trở lại đây, Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả, ban hành nhiều quyết sách quan trọng cùng với đó là sự vào cuộc của các Bộ, ngành, địa phương và sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của cộng đồng KTTT, HTX đã tạo điều kiện cho khu vực KTTT, HTX có bước chuyển biến mạnh mẽ, đạt kết quả phát triển tích cực. Đến nay, nhận thức trong hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân về phát triển KTTT, HTX được nâng lên. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách được quan tâm xây dựng, hoàn thiện. Tổ chức bộ máy và công tác quản lý Nhà nước từng bước được củng cố. Khu vực KTTT, HTX có bước phát triển cả về số lượng, chất lượng, xuất hiện một số HTX có quy mô lớn, phạm vi hoạt động rộng trên nhiều tỉnh, doanh thu cao, thu hút nhiều lao động, đóng góp lớn vào ngân sách Nhà nước. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hiện cả nước có 26,1 nghìn HTX, thu hút gần 6,1 triệu thành viên tham gia.

Số lao động làm việc trong HTX khoảng 1,2 triệu người. Đóng góp của khu vực kinh tế hợp tác, HTX thể hiện qua hai kênh: Một là đóng góp trực tiếp của khu vực HTX, liên hiệp HTX, THT vào tăng trưởng kinh tế và hai là đóng góp gián tiếp thông qua tác động tới kinh tế thành viên, HTX thành viên, thành viên THT.

Những năm gần đây cũng cho thấy số lượng HTX sản xuất theo chuỗi giá trị cũng ngày càng gia tăng và dần trở thành phương thức sản xuất phổ biến để phát triển bền vững. Trên thực tế, nhiều HTX đã liên kết với các siêu thị,

doanh nghiệp lớn để mở rộng thị trường tiêu thụ, giúp các HTX nâng cao chất lượng sản phẩm, khả năng cạnh tranh. Một số HTX đã chủ động nghiên cứu, mở rộng thị trường xuất khẩu. Điển hình như: HTX Bò sữa Evergrowth (Sóc Trăng) đã xây dựng thành công và đưa vào hoạt động nhà máy trộn thức ăn tinh cho bò sữa; HTX Dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Anh Đào (Lâm Đồng) tổ chức sản xuất, liên kết với các siêu thị tiêu thụ rau an toàn trên 52 tỉnh, thành phố trong nước và xuất khẩu sang Hàn Quốc...; HTX dịch vụ Linh Phát (Nam Định) đầu tư vào trồng nấm



và áp dụng công nghệ nhân giống vào sản xuất các loại nấm chủ lực. Đến nay các sản phẩm nấm linh chi của HTX đã ký hợp đồng với các công ty chuyên thu mua, chế biến nấm linh chi tại các tỉnh, thành phố như: Hải Phòng, Hà Nội, Bình Dương, TP Hồ Chí Minh, Điện Biên, Tuyên Quang, Sơn La...

Bên cạnh các kết quả đạt được, khu vực KTTT, HTX vẫn còn hạn chế, bất cập như: Tốc độ tăng trưởng còn thấp so với các khu vực kinh tế khác, tỉ lệ đóng góp vào GDP chưa đáp ứng yêu cầu; phần lớn tổ chức KTTT, HTX có quy mô nhỏ, sức cạnh tranh yếu, hạn chế về khả năng huy động nguồn lực từ thị trường để đầu tư sản xuất, kinh doanh; phát triển không đồng đều giữa các vùng, miền, giữa khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp; số lượng HTX tuy tăng, nhưng số lượng thành viên có xu hướng giảm; sự gắn kết lợi ích giữa thành viên và HTX chưa cao, thiếu tính bền vững.

Theo ý kiến các chuyên gia tại Diễn đàn Kinh tế hợp tác, hợp tác xã năm 2020 (do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì), cách mạng công nghiệp 4.0 và thời kỳ công nghệ số hiện nay đang mở ra những cơ hội và thách thức cho phát triển khu vực KTTT, HTX. Nếu các HTX biết liên kết, hợp tác với nhau, cùng phát huy các giá trị của tổ chức và hiệu quả của các chính sách hỗ trợ của Nhà nước thì tiềm năng phát triển HTX rất lớn. Ngày 13/11/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1804/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025. Theo đó, Chương trình đặt mục tiêu tổng quát hỗ trợ, phát triển khu vực KTTT, HTX cả chiều rộng và chiều sâu, trong đó đặc biệt chú trọng đến nâng cao chất lượng hoạt động, hỗ trợ thành viên

thông qua việc nâng cao nhận thức của toàn dân về KTTT, HTX; đồng thời, tăng cường năng lực của các tổ chức KTTT, HTX nhằm phát huy hơn nữa vai trò liên kết, hợp tác, hỗ trợ thành viên và cộng đồng khu vực; tăng cường năng lực cạnh tranh của kinh tế hộ gia đình, đặc biệt là kinh tế hộ nông dân trong điều kiện cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Cụ thể, mục tiêu đến năm 2025 thành lập mới trên 10.000 tổ chức KTTT (bao gồm: HTX, liên hiệp HTX, tổ hợp tác); thu hút khoảng 8 triệu thành viên tham gia vào các tổ chức KTTT; 100% số HTX, liên hiệp HTX tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã; 60% số HTX hoạt động từ loại khá trở lên; 20% cán bộ quản lý HTX tốt nghiệp đại học, cao đẳng trở lên trong tất cả các ngành, lĩnh vực. Đồng thời, xây dựng 3.000 mô hình tổ chức KTTT ứng dụng công nghệ cao, có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị, phát triển bền vững; 50% số tổ chức KTTT, HTX có liên kết với doanh nghiệp, tổ chức KTTT khác.

Giải pháp phát triển KTTT, HTX thời gian tới

Để khu vực KTTT, HTX phát triển bền vững trước những cơ hội và thách thức của kinh tế thị trường, trong thời gian tới, cần tập trung thực hiện đồng bộ một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như:

Một là, tiếp tục đổi mới và đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người dân và hệ thống chính trị về bản chất, cơ chế hoạt động của HTX kiểu mới, vai trò và lợi ích của KTTT, HTX trong phát triển sản xuất, kinh doanh; Tập trung truyền truyền, vận động, khuyến khích tăng lớp thanh niên tiếp thu tiến bộ khoa học công nghệ, tham gia khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo mô hình HTX.

Hai là, tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý, cơ chế chính sách liên quan đến KTTT, HTX. Nghiên cứu, đề xuất giải pháp hoàn thiện các quy định còn bất cập tại Luật HTX năm 2012 theo hướng đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong thành lập, đăng ký và giải thể.

Ba là, phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, Liên minh HTX Việt Nam trong phát triển KTTT, HTX; Tăng cường công tác phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các cơ quan, tổ chức, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp trong thúc đẩy phát triển KTTT, HTX.

Bốn là, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước đối với HTX, gắn liền với công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong phát triển HTX; Xây dựng và nhân rộng mô hình HTX tiêu biểu, hoạt động hiệu quả trên cả nước; Tăng cường công tác liên doanh, liên kết trong tổ chức sản xuất kinh doanh của HTX. Thực hiện tốt công tác đánh giá, khen thưởng.

Năm là, đẩy mạnh các hình thức hợp tác quốc tế trong phát triển KTTT, HTX nhất là trong việc tiếp thu kinh nghiệm tốt của các nước, vùng lãnh thổ có phong trào HTX mạnh, tranh thủ sự hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật, thiết bị, máy móc, liên kết và mở rộng thị trường, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh.

Sáu là, chú trọng phát triển nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực về quản lý Nhà nước và quản trị sản xuất, kinh doanh cho khu vực KTTT, HTX; đổi mới và hoàn thiện hệ thống giáo trình, tài liệu và đưa các chương trình đào tạo về KTTT, HTX vào các cơ sở đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân; thực hiện công tác quy hoạch và sử dụng nguồn nhân lực hợp lý, hiệu quả./.



NĂM 2021: VIỆT NAM KỶ VỌNG TIẾP TỤC LÀ NƠI GỬI GẮM NIỀM TIN CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh
Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Ngay từ những tháng đầu năm 2020, đại dịch covid 19 đã khiến cho tình hình đầu tư nước ngoài toàn cầu sụt giảm mạnh. Tất cả các hình thức đầu tư nước ngoài, từ tài trợ cơ sở hạ tầng đến sáp nhập và mua lại đều bị ảnh hưởng, nhiều nhà máy trên toàn thế giới đóng cửa. Theo số liệu công bố ngày 27/10/2020 của tổ chức Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại, Đầu tư và Phát triển (UNCTAD), các biện pháp phong tỏa chống dịch và viễn cảnh suy thoái toàn cầu trầm trọng đã thu hẹp đáng kể nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Trong 6 tháng đầu năm 2020, FDI toàn cầu giảm 49% so với cùng kỳ năm 2019 và giảm xuống 40% trong cả năm 2020.

Trong bối cảnh chung đó, tại Việt Nam, tình hình thu hút FDI cũng sụt giảm bởi các hoạt động tìm hiểu cơ hội đầu tư hay hoạt động

Năm 2020, mặc dù sự xuất hiện và bùng nổ của đại dịch Covid-19 đã ngăn cản kỳ vọng nổi dài những con số ấn tượng của năm 2019 về đầu tư nước ngoài, nhưng Việt Nam vẫn duy trì sức hút và chứng tỏ là điểm đến đầy hấp dẫn của giới đầu tư thế giới.

M&A của các nhà đầu tư nước ngoài gặp nhiều khó khăn, nhiều cuộc xúc tiến đầu tư và diễn đàn đã bị hoãn lại, các quyết định đầu tư mới, tăng vốn hoặc mở rộng quy mô dự án ĐTNN không thể triển khai thực hiện.... Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần

của nhà đầu tư nước ngoài 6 tháng đầu năm chỉ đạt 15,67 tỷ USD, giảm 15,1% so với cùng kỳ năm 2019. Trong 6 tháng cuối năm, tình hình cũng không khả quan hơn nhiều, nên tính chung cả năm 2020, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà ĐTNN chỉ đạt 28,53 tỷ USD, giảm 25% so với cùng kỳ năm 2019.

Bên cạnh đó, vốn thực hiện của dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2020 ước đạt 19,98 tỷ USD, giảm 2% so với cùng kỳ năm 2019. Tuy có mức giảm so với năm trước nhưng xét trong bối cảnh đầu tư toàn cầu suy giảm rất mạnh do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 thì kết quả này được đánh giá là tốt hơn nhiều quốc gia khác, thể hiện sức hấp dẫn của Việt Nam trong mắt giới đầu tư quốc tế, đặc biệt là đối với các nhà đầu tư đang thực hiện đầu tư tại Việt Nam, thể hiện

ở vốn đăng ký điều chỉnh năm 2020 tăng 10,6% so với 2019.

Theo lĩnh vực đầu tư, trong năm 2020, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo được cấp phép mới đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký đạt 7,2 tỷ USD, chiếm 49,1% tổng vốn đăng ký cấp mới. Đứng thứ 2 là ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 5,1 tỷ USD, chiếm 34,7%; các ngành còn lại đạt 2,3 tỷ USD, chiếm 16,2%. Nếu tính cả vốn đăng ký điều chỉnh của các dự án đã cấp phép từ các năm trước thì vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 11,8 tỷ USD, chiếm 56% tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm; ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 4,9 tỷ USD, chiếm 23,5%; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 2,3 tỷ USD, chiếm 10,6%; các ngành còn lại đạt 2,1 tỷ USD, chiếm 9,9%. Đối với hình thức góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài, vốn đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh bất động sản đạt gần 2 tỷ USD, chiếm 26% giá trị góp vốn; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 1,8 tỷ USD, chiếm 24,3%; các ngành còn lại đạt 3,7 tỷ USD, chiếm 49,7%.

Theo đối tác đầu tư, trong số 79 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong năm 2020, Xin-ga-po là nhà đầu tư lớn nhất với 6,2 tỷ USD, chiếm 42% tổng vốn đăng ký cấp mới. Đứng thứ 2 là Trung Quốc 1,6 tỷ USD, chiếm 10,8%. Giữ các vị trí tiếp theo lần lượt là Đài Loan (TQ) 1,5 tỷ USD, chiếm 10,3%; Đặc khu hành chính Hồng Kông (TQ) 1,3 tỷ USD, chiếm 8,7%; Hàn Quốc 1,2 tỷ USD, chiếm 8,2%; Nhật Bản 786 triệu USD, chiếm 5,4%.

Báo cáo của Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cho biết, trong năm 2020, các nhà ĐTNN đã đầu tư vào 60 tỉnh, thành phố trên cả nước, trong đó thành phố Hồ Chí Minh là địa phương dẫn đầu với tổng vốn đăng ký đạt 4,36 tỷ USD, chiếm 15,3% tổng vốn đầu tư. Đây là kết quả của việc TP. Hồ Chí Minh đã tăng cường tổ chức các buổi đối thoại trực tiếp giữa doanh nghiệp với chính quyền, triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp, đồng thời tích cực triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, thu hút đầu tư qua các kênh trực tuyến, trực tiếp kết hợp trực tuyến, nhất là các đối tác lớn như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc... Cũng như thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bạc Liêu đã tổ chức gặp gỡ và làm việc giữa lãnh đạo tỉnh với doanh nghiệp, nhà đầu tư về tiến độ triển khai các dự án trọng điểm. Sự nỗ lực này đã giúp Bạc Liêu đã trở thành “điểm sáng” thứ hai trong thu hút FDI năm vừa qua với 1 dự án lớn có vốn đầu tư 4 tỷ USD, chiếm 14% tổng vốn đầu tư đăng ký. Đứng thứ 3 là Hà Nội với gần 3,6 tỷ USD, chiếm 12,6% tổng vốn đầu tư (trong đó vốn đầu tư tập trung nhiều vào phương thức mở rộng dự án hiện có và GVMCP, chiếm lần lượt 35,2% và 45% tổng vốn đầu tư đăng ký của Hà Nội). Tiếp theo lần lượt là Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Hải Phòng...

Dự án Nhà máy sản xuất điện khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) Bạc Liêu thuộc Trung tâm nhiệt điện LNG Bạc Liêu (Singapore) được cấp GCNĐKĐT vào tháng 1/2020 là dự án lớn nhất trong năm 2020 và cũng là dự án thu hút đầu tư nước ngoài lớn nhất tại tỉnh Bạc Liêu từ trước đến nay với vốn đầu tư đăng ký là 4 tỷ USD.

Đặc biệt, bất chấp trong thời điểm dịch bệnh vẫn đang bùng phát mạnh, Việt Nam vẫn chứng tỏ sức hút của mình đối với các nhà đầu tư nước ngoài khi đón nhận Dự án Tổ hợp hoá dầu miền Nam Việt Nam (Thái Lan) tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào tháng 4/2020, điều chỉnh tăng vốn đầu tư 1,386 tỷ và Dự án Khu trung tâm đô thị Tây Hồ Tây (Hàn Quốc) tại Hà Nội, điều chỉnh tăng vốn đầu tư thêm hơn 774 triệu USD vào tháng 6/2020. Còn hai dự án lớn khác trong năm 2020 được nhắc đến là Dự án Pegatron Việt Nam (Đài Loan), vốn đầu tư 481 triệu USD với mục tiêu sản xuất thiết bị chơi game, phụ kiện điện thoại, loa thông minh, bộ điều khiển game, các loại máy tính tại thành phố Hải Phòng được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 30/10/2020 và Dự án Nhà máy sản xuất lốp xe Radian Jinyu (Việt Nam), tổng vốn đầu tư 300 triệu USD với mục tiêu sản xuất lốp xe toàn thép TBR (do nhà đầu tư Trung Quốc đầu tư tại tỉnh Tây Ninh) được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 21/1/2020.

Năm 2020 còn có thể nhìn thấy rõ dòng dịch chuyển dòng vốn đầu tư toàn cầu vào Việt Nam, điển hình như Foxconn và nhiều thương hiệu lớn nổi tiếng khác từ các quốc gia truyền thống như Nhật Bản, Hàn quốc, EU... đã có những dự án mới có quy mô lớn và triển khai rất nhanh ở nhiều địa phương như Quảng Ninh, Hải Phòng, Bắc Giang... Trong số đó chủ yếu là các dự án đầu tư vào ngành chế biến, chế tạo. Đơn cử như Công ty TNHH LUXSHARE-ICT (là công ty con của Tập đoàn LUXSHARE-ICT Precision, 1 trong 3 tập đoàn sản xuất linh kiện điện tử hàng đầu Trung Quốc) đầu tư dự án mới có quy mô lớn vào Bắc Giang trong tháng 3/2020,

chỉ sau thời gian ngắn hoạt động đã tạo ra doanh thu trên 33 nghìn tỷ đồng, đồng thời tạo việc làm cho 30.000 lao động và là nhân tố chủ yếu giúp cho chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp Bắc Giang tăng lên trong năm vừa qua.

Bên cạnh đó, cơ cấu FDI năm 2020 được đánh giá bước đầu có sự điều chỉnh hợp lý hơn, tỷ trọng thu hút phát triển công nghiệp ngày càng tăng, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo trở thành ngành thu hút đầu tư FDI lớn nhất trong các ngành kinh tế, thể hiện ở số vốn đăng ký đạt 7,2 tỷ USD, chiếm tới 49,1% tổng vốn đăng ký cấp mới của cả năm; vốn đầu tư thực hiện đạt 14,1 tỷ USD, chiếm 70,6% tổng vốn FDI thực hiện năm 2020.

Dù những con số trên đã chứng minh Việt Nam mạnh mẽ vượt qua khó khăn của dịch bệnh Covid-19 và vẫn là điểm đến an toàn của nhiều nhà đầu tư nước ngoài, song một số chuyên gia nhận định, kết quả thu hút FDI năm vừa qua chưa thực sự đạt chưa đạt yêu cầu về chất lượng. Trừ một vài dự án lớn, thì đa số là dự án trong năm 2020 có số vốn quá nhỏ, giá trị từ 1 - 1,5 triệu USD. Bên cạnh đó, mục tiêu thu hút công nghệ cao, công nghệ nguồn và chuyển giao công nghệ thông qua thu hút FDI chưa đạt kết quả mong muốn, còn vắng bóng những dự án công nghiệp tương lai, hiện đại. Hiệu ứng lan tỏa, tính liên kết của khu vực đầu tư nước ngoài đối với khu vực trong nước chưa cao. Thực tế, một số dự án được cấp phép nhưng chưa đảm bảo tính bền vững, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, tiêu tốn năng lượng, sử dụng nguồn tài nguyên không hiệu quả. Thêm vào đó, một số doanh nghiệp chưa tự giác tuân thủ pháp luật, chưa đảm bảo quyền lợi của người lao động...

Bước sang năm 2021, dịch bệnh Covid-19 đang tiếp tục lây lan với tốc độ nhanh trên diện rộng tại nhiều nước trên thế giới, đặc biệt đã xuất hiện chủng vi rút mới có khả năng lây lan mạnh hơn vi rút SARS-CoV-2 tại khoảng 40 quốc gia, khiến nhiều nước phải áp dụng các biện pháp mạnh, tái phong tỏa để phòng, chống dịch. Trong bối cảnh này, Việt Nam tiếp tục được đánh giá là điểm đến an toàn của nhiều nhà đầu tư nước ngoài. Theo thông tin từ các cuộc xúc tiến đầu tư trực tuyến với các đối tác khu vực châu Á (Nhật Bản, Singapore) hay châu Âu (Pháp) do Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức gần đây cho thấy, hiện có nhiều tập đoàn, hãng sản xuất đa quốc gia lớn như Apple, Foxconn, Luxshare, Toyota, Ford, Honda, Hyundai, Mazda, Mitsubishi, Samsung... triển khai kế hoạch gia tăng đặt hàng các nhà cung ứng ở Việt Nam cũng như gia tăng hoạt động đầu tư tại Việt Nam với số vốn đầu tư lên tới tỷ USD. Không chỉ có "đại bàng", nhiều nhà đầu tư vừa và nhỏ đến từ các quốc gia phát triển như Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ với những dự án FDI nhỏ, tận dụng các hiệp định thương mại mà Việt Nam đã ký kết, sẽ tiếp tục vào nước trong năm tới. Ngoài vị trí địa lý, điều kiện đất đai môi trường thuận lợi, cơ sở hạ tầng được đầu tư, nguồn nhân lực dồi dào... thì những yếu tố quan trọng để các nhà đầu tư đặt niềm tin đến Việt Nam trong năm 2021 chính là sự ổn định về chính trị, kiểm soát tốt dịch bệnh Covid-19, đưa tốc độ tăng trưởng nền kinh tế năm 2020 đạt 2,91%, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao thế giới. Cùng với đó, ngay từ đầu năm 2021, Luật đầu tư sửa đổi (2020) chính thức có hiệu lực với những ưu đãi đặc biệt sẽ tạo cơ chế, chính sách đủ

sức hấp dẫn, kịp thời thu hút dòng vốn FDI đang dịch chuyển nhanh chóng trong bối cảnh hiện nay.

Năm 2021 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021 - 2030). Để tạo thêm lực hấp dẫn, thu hút FDI vào Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho biết đã chuẩn bị các điều kiện và tăng cường xúc tiến thu hút có chọn lọc và hợp tác đầu tư nước ngoài. Trong đó, Bộ KH&ĐT sẽ rà soát, chuẩn bị các điều kiện về đất đai, cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực để sẵn sàng đón nhận các dòng vốn đầu tư dịch chuyển, tập trung hướng vào các tập đoàn đa quốc gia lớn, công nghệ cao, hiện đại, thân thiện môi trường. Tranh thủ thời cơ, nắm bắt tình hình và kế hoạch hoạt động của một số quốc gia trong việc khuyến khích và hỗ trợ tài chính đối với doanh nghiệp dịch chuyển cơ sở sản xuất. Tiếp tục cải cách mạnh mẽ, thực chất hơn nữa môi trường đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Đặc biệt, trong "cuộc chơi" với các doanh nghiệp FDI, theo tinh thần Nghị quyết 50-NQ/TW của Bộ Chính trị về thu hút FDI, Việt Nam sẽ lựa chọn dự án có sức lan tỏa, gắn kết, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam, nhất là doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp phụ trợ được tham gia vào chuỗi giá trị của các doanh nghiệp mới này.

Chắc chắn rằng những kết quả đạt được trong năm 2020 cùng sự chuẩn bị kỹ lưỡng trên, Việt Nam sẽ tiếp tục là nơi gửi gắm niềm tin của các nhà đầu tư nước ngoài, dòng vốn FDI vào Việt Nam sẽ có nhiều khởi sắc, từ đó đóng góp quan trọng vào thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và những năm tiếp theo./

Giải pháp phát triển NGÀNH MÍA ĐƯỜNG TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Thu Hòa

Từ 01/01/2020 ngành mía đường Việt Nam bắt đầu thực hiện cam kết Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN. Cùng với đó, tình hình khí hậu, thời tiết phức tạp, diễn biến của dịch Covid-19, tình trạng đường nhập lậu khó kiểm soát... đã đẩy ngành mía đường đứng trước nhiều thách thức. Chính vì vậy, việc tìm ra giải pháp hiệu quả cho ngành mía đường trong tình hình mới là việc làm cần thiết nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững, tạo lập thị trường cạnh tranh công bằng, nâng cao năng lực sản xuất mía đường trong nước cũng như lợi ích bền vững cho người nông dân trồng mía.



Mía đường đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức

Tại Thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ về khó khăn của ngành mía đường đã nêu rõ, qua 25 năm xây dựng, phát triển đến nay, ngành mía đường Việt Nam đã tạo việc làm cho hơn 35 vạn hộ nông dân, góp phần vào công cuộc xóa đói giảm nghèo, nhất là vùng sâu, vùng xa và bảo đảm an ninh lương thực quốc gia. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ luôn quan tâm, sẵn sàng tháo gỡ các rào cản, tạo điều kiện thuận lợi theo quy định của pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế để ngành mía đường phát triển. Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, ngành mía đường hiện đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức.

Số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy, những năm gần đây sản lượng và diện tích trồng mía

đã giảm mạnh. Năm 2020 diện tích trồng mía cả nước đã giảm đáng kể, nếu năm 2019 cả nước có 232,4 nghìn ha thì đến năm 2020 chỉ còn 187,1 nghìn ha. Diện tích trồng mía giảm, thời tiết diễn biến phức tạp đã khiến cho năng suất và sản lượng mía giảm. Năm 2020 sản lượng mía đạt 11,88 triệu tấn, giảm 3,44 triệu tấn so với năm 2019. Năng suất năm 2020 đạt 634,8 tạ/ha; năm 2019 đạt 659,5 tạ/ha.

Đặc biệt, từ đầu năm 2020, mặt hàng đường của Việt Nam đã thực hiện cam kết theo Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA), theo đó không giới hạn lượng đường nhập khẩu từ các nước ASEAN và áp dụng mức thuế nhập khẩu 5%. Trước tình hình đó, Tổng cục Hải quan cho biết, kể từ khi bỏ hạn ngạch thuế quan đối với đường nhập khẩu từ các nước ASEAN, tổng lượng đường

mía nhập khẩu vào Việt Nam đã tăng nhanh. Trong 11 tháng đầu năm 2020, sau khi trừ đi lượng đường đã xuất, số lượng đường nhập khẩu tại thị trường trong nước lên đến trên 900 nghìn tấn. Số liệu này còn lớn hơn cả lượng đường sản xuất từ mía trong nước. Trong đó, lượng đường mía nhập khẩu trực tiếp từ Thái Lan vào Việt Nam chiếm tỷ lệ chủ yếu trên 87%. Lượng đường nhập khẩu từ các nước Malaysia, Campuchia, Indonesia, Myanma cũng gia tăng.

Ngoài ra, giá đường nhập khẩu cũng rất thấp, gây nhiều khó khăn đối với các doanh nghiệp sản xuất đường cũng như các hộ nông dân trồng mía trên cả nước. Giá đường thị trường nội địa của Việt Nam đã giảm xuống mức rất thấp, từ đó dẫn đến giá mía cũng giảm theo. Giá đường trong nước giảm sâu từ mức trên 14.000 đồng/kg niên vụ 2017-2018 xuống còn 10.500-

11.000 đồng/kg trong niên vụ 2018-2019. Niên vụ 2019-2020 là năm thứ tư liên tiếp ngành mía đường của Việt Nam gặp khó. Tổng diện tích mía nguyên liệu hiện đã giảm khoảng 30-60%. Thậm chí tại nhiều địa phương giá thành sản xuất mía khoảng 800 đồng/kg nhưng nhà máy chỉ mua với giá 700 - 750 đồng/kg. Giá mía thấp, nhiều nông dân trồng mía lâm vào cảnh nợ nần, phải bỏ ruộng mía vì càng đầu tư càng lỗ. Cả nhà máy và nông dân đều thua lỗ nặng nề, diện tích trồng mía ngày càng thu hẹp.

Hiệp hội mía đường Việt Nam cho biết, trước khi hội nhập ATIGA, Việt Nam có 41 nhà máy, tiêu thụ bình quân 140.000 tấn mía/ngày, niên vụ 2016-2017 sản xuất hơn 1,2 triệu tấn đường, mang lại nguồn thu nhập từ mía cho hàng chục ngàn hộ nông dân. Tuy nhiên, sau khi ATIGA có hiệu lực, đến nay chỉ còn 30 nhà máy hoạt động, 11 nhà máy buộc phải đóng cửa do chi phí sản xuất và giá thành quá cao so với đường nhập khẩu. Trong 30 nhà máy đang hoạt động cũng chỉ có 13 nhà máy có hiệu quả, 17 nhà đang hoạt động trong tình trạng thua lỗ. Theo dự báo, niên vụ 2020-2021 sẽ tiếp tục là một năm có nhiều khó khăn với ngành mía đường Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp. So với niên vụ 2019-2020, dự kiến sẽ có thêm 4 nhà máy đường: Sơn Dương, Nông Cống, Vạn Phát và Phổ Phong tiếp tục đóng cửa do không đảm bảo nguồn nguyên liệu, hoạt động không hiệu quả.

Theo đánh giá, mía đường Việt Nam đang phải chịu nhiều thiệt hại nặng nề bởi chính sách trợ giá của Thái Lan. Theo đó, trong khi các nước sản xuất mía đường khác trong ASEAN bao gồm

Thái Lan, Philippines và Indonesia dù đã hoàn thành việc thực thi cam kết ATIGA từ năm 2010 và 2015 nhưng thực tế vẫn áp dụng các biện pháp quản lý để bảo vệ ngành mía đường trong nước. Mặc dù đã thực hiện dỡ bỏ hàng rào thuế quan và hạn ngạch như cam kết, cho phép cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp được nhập khẩu đường, nhưng chính phủ Thái Lan không cho phép nhập khẩu đường, còn Indonesia và Philippines chỉ cho phép nhập đường tương ứng với sản lượng thiếu hụt trong nước và chỉ cho phép đường nhập khẩu được đưa vào thị trường sau khi đã kết thúc vụ ép mía.

Không những vậy, tại 3 nước này, nông dân trồng mía được hỗ trợ thông qua các khoản trợ cấp trực tiếp, gián tiếp và hệ thống chia sẻ lợi nhuận (profit sharing) với nhà máy nhằm bảo đảm thu nhập ổn định từ cây mía. Điều đó có nghĩa giá đường cao thì người nông dân sẽ được hưởng lợi lớn nhất. Đó là chưa kể đến việc các nhà sản xuất mía đường trong nước được hưởng lợi đầy đủ từ các khoản vay có lãi suất thấp và các khoản trợ cấp đầu vào như tất cả các ngành khác trong lĩnh vực nông nghiệp... Những yếu tố đó cũng phần nào tác động tiêu cực tới hoạt động sản xuất của ngành mía đường Việt Nam.

Tuy nhiên, các chuyên gia cũng cho biết ngoài vấn nạn đường lậu, khó khăn của ngành mía đường còn xuất phát từ những vấn đề nội tại như: Trên 90% giống mía trồng tại Việt Nam đều nhập từ nước ngoài, các khâu chăm sóc, làm cỏ, bón phân, thu hoạch được đánh giá còn rất hạn chế, gây ảnh hưởng đến năng suất mía... Công tác quản lý và kiểm soát xuất, nhập khẩu còn nhiều khoảng trống...

Giải pháp phát triển bền vững ngành mía đường trong tình hình mới

Trước những khó khăn của ngành mía đường, tháng 7/2020, Thủ tướng Chính phủ đã có Chỉ thị số 28/CT-TTg về triển khai các giải pháp phát triển ngành mía đường Việt Nam trong tình hình mới. Theo đó, trong thời gian tới, quan điểm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với ngành mía đường là chủ động nâng cao năng lực cạnh tranh để hội nhập kinh tế quốc tế một cách bình đẳng với tinh thần độc lập, tự cường; chấp nhận chuyển đổi một số vùng sản xuất mía không hiệu quả và cơ cấu lại các nhà máy đường thua lỗ, yếu kém theo quy luật kinh tế thị trường; hình thành vùng nguyên liệu mía gắn với nhà máy sản xuất đường đảm bảo hoạt động hiệu quả, đủ sức cạnh tranh và phát triển bền vững.

Với quan điểm chỉ đạo trên, một số giải pháp cấp thiết cần triển khai đó là:

Ưu tiên bố trí kinh phí hàng năm cho công tác nghiên cứu giống mía mới và hỗ trợ triển khai dự án giống mía ba cấp ở vùng sản xuất mía trọng điểm.

Khuyến khích áp dụng cơ giới hóa, cải thiện giống mía: Thủ tướng Chính phủ yêu cầu UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát, xây dựng vùng sản xuất mía đường tập trung, có chính sách khuyến khích áp dụng cơ giới hóa, cải thiện giống mía và quy trình canh tác nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giảm giá thành mía ở những vùng có lợi thế; hướng dẫn hỗ trợ nông dân trồng mía chuyển đổi sang cây trồng khác tại những vùng trồng mía không đạt hiệu quả.

Nghiên cứu sản xuất, chế biến đa dạng hóa các sản phẩm

từ cây mía và từ phế phụ phẩm trong sản xuất đường. Phối hợp giữa các cơ quan quản lý, chuyên môn với các địa phương và nhà máy đường xây dựng các mô hình cánh đồng mía lớn được cơ giới hóa đồng bộ tại các vùng trồng mía tập trung gắn với phát triển hợp tác xã nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Xây dựng và triển khai kế hoạch cụ thể để phát triển mạnh các hợp tác xã nông nghiệp sản xuất mía liên kết với nhà máy đường; có biện pháp hiệu quả ngăn chặn tình trạng tranh mua, tranh bán, vi phạm hợp đồng liên kết trong sản xuất, tiêu thụ mía.

Ưu tiên nguồn vốn của địa phương để hỗ trợ phát triển cơ giới hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hoàn thiện tổ chức sản xuất mía và chuỗi sản xuất đường.

Hiệp hội Mía đường Việt Nam và các doanh nghiệp mía đường chủ động xây dựng Đề án Cơ cấu lại các doanh nghiệp mía đường theo hướng đẩy mạnh áp dụng khoa học công nghệ và tập trung đầu tư nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và tính cạnh tranh, phù hợp với bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương trong việc hỗ trợ liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp; xây dựng và hoàn thiện quy trình kỹ thuật canh tác mía phù hợp tới hộ nông dân, hợp tác xã nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hạ giá thành mía nguyên liệu.

Bên cạnh đó, rà soát, bổ sung các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng mía nguyên liệu nhằm đảm bảo tính minh bạch về trữ đường, giá mía trong quan hệ mua bán mía nguyên liệu giữa doanh nghiệp và nông dân. Quy định trong

sử dụng các chất bảo vệ thực vật trong sản xuất mía; chất lượng sản phẩm và an toàn thực phẩm trong sản xuất mía, đường và quản lý đường nhập khẩu.

Cần tạo một sân chơi công bằng cho doanh nghiệp trong nước khi tham gia hội nhập. Bởi với ngành mía đường, nhiều nước trên thế giới vẫn có những chính sách "bảo hộ" ngầm nhằm để duy trì giá mía hợp lý. Do đó, việc áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại phù hợp với luật pháp quốc tế và các quy tắc giao thương của WTO đối với ngành đường... sẽ đảm bảo đời sống cho bà con nông dân trồng mía, bảo vệ vùng nguyên liệu, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp mía đường trong nước được cạnh tranh công bằng với các nước trong khu vực.

Ngoài ra, để đảm bảo ngành mía đường phát triển bền vững cần xử lý nghiêm hành vi buôn lậu mặt hàng đường. Áp dụng các biện pháp quản lý liên quan đến hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu sản phẩm đường phù hợp với tình hình mới; tăng cường công tác quản lý thị trường, kiểm tra, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại và các hành vi tiếp tay buôn lậu đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh đường và chất tạo ngọt. Theo đó, các ban, ngành liên quan cần chủ động theo dõi, kịp thời đề xuất việc áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại đối với sản phẩm đường nhập khẩu phù hợp với các cam kết quốc tế; hình thành cơ sở dữ liệu đồng bộ, chính xác về tình hình xuất khẩu, nhập khẩu, sản xuất trên cơ sở thông tin do các cơ quan chức năng cung cấp để sẵn sàng hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc tư vấn, chuẩn bị hồ sơ phòng vệ thương mại. /.

Theo báo cáo của Analytics Insight, thị trường toàn cầu về trí tuệ nhân tạo sẽ tăng từ 42,8 tỷ USD năm 2019 lên 152,9 tỷ USD vào năm 2023. Đầu tư vào trí tuệ nhân tạo (AI) và học máy (Machine Learning - ML) được cho là khoản đầu tư có cơ hội thành công lớn nhất hiện nay. Bên cạnh đó, đại dịch năm 2020 đã khiến nhiều lĩnh vực kinh tế phải lùi lại một bước, nhưng bằng cách vận dụng AI, các doanh nghiệp đã có thể xây dựng lại hoặc điều chỉnh sản xuất kinh doanh theo cách bình thường mới. Điều đó đã cho thấy khả năng thích ứng và đáp ứng với những biến cố đột xuất một cách ưu việt của ngành này.

Do ứng dụng của trí tuệ nhân tạo ngày càng rộng rãi, các chuyên gia trong lĩnh vực AI với kỹ năng phù hợp có thể dễ dàng tìm kiếm cơ hội việc làm trong nhiều ngành công nghiệp khác nhau, vì thế cơ hội việc làm dồi dào của lực lượng lao động AI dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ. Analytics Insight dự đoán, thị trường toàn cầu sẽ có hơn 20 triệu việc làm trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo vào năm 2023, tăng từ 4 triệu việc làm trong năm 2018; riêng trong năm 2021 sẽ có khoảng 10 triệu việc làm về trí tuệ nhân tạo. Báo cáo của IBM, Forbes cũng cho rằng 3/5 nghề trả lương cao nhất hiện nay đều liên quan đến khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo. Ở Ấn Độ, mức lương trung bình các chuyên gia AI được trả là trên 13 nghìn USD/năm, trong khi ở Anh là trên 64 nghìn USD/năm, ở Mỹ trên 118 nghìn USD, còn Canada trả cho các chuyên gia AI trên 91 nghìn USD. Tuy nhiên, khảo sát của Google Brain đã từng chỉ ra rằng, khi nhu cầu nhân lực phục vụ trong ngành AI là 1 triệu người thì toàn thế giới chỉ có khoảng 10 nghìn nhân lực chất lượng cao đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

Chiến lược quốc gia về cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã xác định Trí tuệ nhân tạo (AI - Artificial Intelligence) là một trong những công nghệ đột phá, mũi nhọn, cần được ưu tiên tập trung các nhóm chính sách để thúc đẩy phát triển. Do đó, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của AI, những đòi hỏi ngày càng cao về nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của ngành này đã đặt ra hướng đi về một thị trường lao động giàu tiềm năng.

LAO ĐỘNG NGÀNH TRÍ TUỆ NHÂN TẠO THỊ TRƯỜNG GIÀU TIỀM NĂNG

Minh Hà

Tại Việt Nam, trí tuệ nhân tạo được đánh giá là công nghệ đột phá trong 10 năm tới và cần tập trung các chính sách để thúc đẩy phát triển, thu hút đầu tư, đặc biệt chú trọng phát triển nguồn nhân lực. Năm 2018 đã đánh dấu sự kiện thành lập mạng lưới đổi mới sáng tạo Việt Nam, quy tụ các chuyên gia công nghệ và cộng đồng AI và thành lập quỹ Global Fund nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Nhiều chuyên gia trong lĩnh vực công nghệ của Việt Nam cũng trở về nước với kỳ vọng phát triển AI Việt Nam, đặc biệt là giúp cộng đồng AI trẻ bước nhanh hơn, có cơ hội tiếp xúc với nền trí tuệ nhân tạo thế giới.

Dù không đạt được mức lương cao như các quốc gia phát

triển, nhóm kỹ sư có chuyên môn thuộc lĩnh vực công nghệ mới như Blockchain và AI đang nhận mức lương cao nhất và cao hơn các nhóm chuyên môn khác của Việt Nam. Thống kê từ Navigos Group cho thấy, nhóm kỹ sư phát triển phần mềm liên quan đến Blockchain nhận mức lương trung bình cao nhất là 2.241 USD/tháng, đứng thứ 2 là nhóm phát triển phần mềm liên quan đến AI có mức lương 1.844 USD/tháng, đứng thứ 3 là Full Stack với mức lương 1.642 USD/tháng. Ngoài ra, nhân lực trong ngành AI còn nhận được các chế độ ưu đãi khác như thưởng lương tháng 13, thưởng tết, thưởng theo các dự án... Các công ty AI của Việt Nam cũng dành nhiều chính sách ưu đãi để chiêu mộ tài năng AI. Song khó khăn

đặt ra với các doanh nghiệp trong ngành đó là, mặc dù được trả mức lương thưởng khá cao cùng các cơ hội mở rộng nhưng nguồn nhân lực AI của Việt Nam mới chỉ đáp ứng được khoảng 10% nhu cầu thị trường. Nhiều doanh nghiệp công nghệ đang phải chật vật xoay sở cho bài toán nhân lực lĩnh vực AI, đồng thời khiến cho cuộc chiến tranh giành nhân lực đang là thách thức không nhỏ, do đó một số doanh nghiệp đã thực hiện chiến lược tuyển sinh viên về đào tạo thay vì lặn lội đi tìm người đáp ứng được yêu cầu.

Ngoài khó khăn về khan hiếm nguồn nhân lực, nhân sự trong lĩnh vực công nghệ thông tin nói chung và trong ngành AI nói riêng thường có xu thế “nhảy việc”, đặc biệt trong bối cảnh các doanh nghiệp

công nghệ đang ra sức tìm kiếm nhân lực với các chế độ lương thưởng hết sức cạnh tranh. Thêm vào đó, các doanh nghiệp công nghệ trong nước gặp phải sự cạnh tranh gay gắt khi nhiều doanh nghiệp nước ngoài đến Việt Nam tìm kiếm kỹ sư công nghệ với các lời mời gọi hấp dẫn hơn. Khảo sát của Navigos Search North thực hiện trên nhóm ứng viên ngành công nghệ thông tin cho thấy có đến 70-80% ứng viên muốn nhảy việc, hơn 50% có ý định sẽ ra nước ngoài làm việc nếu nhận được lời mời hấp dẫn. Có đến 60% doanh nghiệp tham gia khảo sát cho rằng, doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn nhất về vấn đề nhân lực, sau đó mới là các vấn đề về dữ liệu và gọi vốn đầu tư.

Nguồn cung chuyên gia AI của Việt Nam hiện nay chủ yếu là tu nghiệp tại nước ngoài, từ một số trường đại học danh tiếng về công nghệ trong khi đó, khoảng cách kỹ năng toàn cầu trong lĩnh vực AI còn khá lớn. Để bắt kịp nhu cầu thị trường lao động chất lượng cao, một số trường đại học hàng đầu của Việt Nam đã bắt đầu mở thêm chuyên ngành đào tạo AI với 4 phân loại chính: Công nghệ AI phản ứng, Công nghệ AI với bộ nhớ hạn chế, Lý thuyết trí tuệ nhân tạo, Từ nhận thức.

Đại học Bách khoa Hà Nội lần đầu mở ngành học mới về khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo vào năm 2019 với số điểm đầu vào khá cao (27 điểm năm 2019, 28,65 điểm năm 2020) và số lượng hạn chế cho một lớp để đảm bảo chất lượng. Ngoài Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, các trường đại học hàng đầu của Việt Nam cũng bắt đầu triển khai các chương trình đào tạo khoa học máy tính, định hướng AI và khoa học dữ liệu. Trường Đại học Khoa học tự nhiên

(Đại học Quốc gia Hà Nội) đào tạo thạc sĩ về khoa học dữ liệu, đào tạo cử nhân chất lượng cao, định hướng AI. Trường Đại học Công nghệ (Đại học Quốc gia Hà Nội) đào tạo ngắn hạn về khai phá dữ liệu, khoa học dữ liệu. Trường Đại học Bách khoa (Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh) đào tạo ngắn hạn về học sâu, phân tích dữ liệu lớn. Đại học FPT tuyển sinh ngành Trí tuệ nhân tạo đối với các thí sinh thuộc TOP50 SchoolRank (50% thí sinh có năng lực học tập tốt nhất cả nước). Bên cạnh đó, còn có các hoạt động như bài giảng đại chúng về AI, khoa học dữ liệu và học máy của Viện Toán cao cấp, Cộng đồng VietAI và Công ty AI Academy. Gần như mọi sinh viên của ngành này được cho là sẽ đảm bảo được đầu ra, được các công ty, tập đoàn săn đón với mức lương cao, chế độ đãi ngộ tốt và nhiều cơ hội du học hay làm việc ở các tập đoàn lớn trong và ngoài nước. Cũng vì thế, ngành trí tuệ nhân tạo được đánh giá là ngành học vô cùng có triển vọng và hứa hẹn sẽ phát triển đến đỉnh cao trong tương lai.

Điều đáng mừng là phát triển nguồn lực AI nói chung và nguồn nhân lực AI nói riêng còn nhận được sự quan tâm đặc biệt của Chính phủ. Ngày 31/12/2020 vừa qua, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 2289/QĐ-TTg ban hành Chiến lược quốc gia về cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030. Theo đó, bên cạnh việc thực hiện đầy đủ theo quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, chủ trương, chính sách của Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị; theo mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết 50/NQ-CP và Quyết định 749/QĐ-TTg, Chiến lược còn tập trung vào 7 trọng tâm, trong đó có chú trọng

phát triển nguồn nhân lực, và AI được xác định là một trong những ngành trọng điểm của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Cụ thể Chiến lược đặt ra định hướng mở rộng, nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo đại học, sau đại học và đào tạo nghề, đặc biệt trong các ngành phục vụ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đồng thời đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông theo hướng tăng hoạt động thực hành, nhất là giáo dục về khoa học, công nghệ, kỹ thuật, toán học (STEM). Xây dựng chương trình thực tập trong các trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Cùng với đó, tăng cường kết nối nghiên cứu khoa học, đào tạo và sản xuất kinh doanh.

Tại các quốc gia có nền công nghệ AI phát triển nhất thế giới, điểm chung của sự phát triển hầu như đến từ đầu tư nguồn nhân lực. Vì vậy, để giải quyết bài toán nguồn nhân lực có chuyên môn về AI, Việt Nam cần tìm kiếm những bậc thầy đào tạo AI, tập trung nguồn lực với các chuyên gia trong và ngoài nước để xây dựng một nền tảng AI vững mạnh. Các doanh nghiệp cần chủ động phối hợp với các đơn vị đào tạo xây dựng giáo trình sát thực tiễn nhu cầu và các khóa học ngắn hạn tạo lộ trình phát triển nhân lực AI chuyên nghiệp, thậm chí đặt hàng với các trường đại học, viện nghiên cứu; đồng thời tạo cơ hội việc làm mới cho những nhóm nhân lực có chuyên môn. Cùng với các chiến lược đào tạo, doanh nghiệp cần cân nhắc cải thiện môi trường làm việc phù hợp với đặc thù của lao động công nghệ, định hướng sự phát triển nghề nghiệp rõ ràng cho mỗi nhân viên nhằm thu hút và giữ chân nhân tài./.

TRÀ VINH:

PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2016-2020, ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

Lê Thanh Nam

Phó Cục trưởng phụ trách Cục Thống kê tỉnh Trà Vinh

Những điểm sáng nổi bật

Giai đoạn 2016-2020, Trà Vinh thực hiện phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh thế giới có những diễn biến phức tạp. Tranh chấp thương mại Mỹ - Trung, tình hình phức tạp trên biển Đông, thiên tai, dịch bệnh... đã ảnh hưởng xấu đến phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, từ đó cũng tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cũng giống như nhiều địa phương khác bên cạnh những thuận lợi, Trà Vinh phải đối mặt với những khó khăn đan xen như điểm xuất phát kinh tế thấp, kết cấu hạ tầng chưa thực sự đồng bộ, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh; đặc biệt là tình hình hạn hán, xâm nhập mặn, dịch tả lợn châu Phi, dịch Covid-19... đã gây thiệt hại nặng nề cho sản xuất và đời sống nhân dân. Trong bối cảnh đó, toàn bộ hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã cùng đoàn kết, nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức, triển khai

và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội. Nhờ đó, kinh tế - xã hội của Tỉnh trong giai đoạn vừa qua đã đạt được nhiều điểm sáng.

Trong 5 năm qua, tăng trưởng GRDP bình quân của tỉnh Trà Vinh đạt được tốc độ khá cao so với cả nước và khu vực đồng bằng sông Cửu Long với 11,22%; trong đó, khu vực nông, lâm, thủy sản tăng 1,43%, công nghiệp - xây dựng tăng cao ở mức 34,03%, khu vực dịch vụ tăng 6,78%. Cùng với tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao, quy mô nền kinh tế từng bước được cải thiện, rút ngắn khoảng cách với các tỉnh, thành phố trong khu vực, GRDP theo giá hiện hành năm 2020 ước đạt 64,2 nghìn tỷ đồng, gấp 1,81 lần so với năm 2015, đứng thứ 7/13 tỉnh, thành trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2015 chiếm tỷ trọng 45,92% GRDP giảm xuống còn 32,07% năm 2020,

khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tăng từ 54,08% năm 2015 lên 67,93% năm 2020. Trà Vinh đặc biệt chú trọng giảm cơ cấu nông nghiệp và tăng cơ cấu ngành thủy sản phù hợp với định hướng tái cơ cấu kinh tế của Tỉnh và từng bước thích ứng với biến đổi khí hậu, hướng đến phát triển nông nghiệp bền vững. Trong khi đó, khu vực công nghiệp, xây dựng đạt mức tăng khá cao do giai đoạn 2016-2020, tỉnh Trà Vinh có thêm công nghiệp sản xuất điện (nhiệt điện, điện mặt trời) đi vào hoạt động, một số ngành công nghiệp chế biến phát triển khá như: May mặc, bộ truyền dẫn điện dùng trong ô tô, túi xách các loại... Bên cạnh đó, ngành thương mại, dịch vụ cũng phát triển khả quan, các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, phát triển thương mại điện tử; các lĩnh vực lưu trú, ăn uống, thông tin truyền thông, tài chính ngân hàng, nghệ thuật vui chơi giải trí, giáo dục, ý tế chất lượng cao ngày càng phát triển.



Đáng chú ý là trong giai đoạn 2016-2020, Trà Vinh đã tập trung kêu gọi đầu tư khai thác các tiềm năng, lợi thế phát triển của tỉnh, nhờ đó nhiều năng lực sản xuất mới được bổ sung vào nền kinh tế tỉnh như: Trung tâm Điện lực Duyên Hải (nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 1, Duyên hải 2, Duyên hải 3 mở rộng), Điện mặt trời Trung Nam, dự án xây dựng khu nhà ở của Tập đoàn Hoàng Quân, Trung tâm thương mại Vincom Plaza, Trung tâm thương mại và siêu thị GO Trà Vinh, Co.op Mart (thành phố Trà Vinh, thị xã Duyên Hải, Tiểu Cần)... đã có những tác động tích cực, tạo động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Tỉnh.

Nhờ thực hiện công tác quản lý, điều hành ngân sách đảm bảo đúng quy định, chú trọng bồi dưỡng các nguồn thu, tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đạt trên 59,8 nghìn tỷ đồng, vượt 29,5% dự toán, trong đó thu nội địa ước đạt 19,3 nghìn tỷ đồng, vượt 14,1% dự toán, tăng bình quân 18,89%/năm. Tính đến năm 2020, thu nội địa đã tăng 2,35 lần so với năm 2015. Cũng trong giai đoạn này, tình hình huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển tại Trà Vinh đã ghi nhận thành tựu đáng khích lệ. Vốn đầu tư tăng khá cao do đầu tư các dự án Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải chiếm trên 56% tổng vốn và một số công trình trọng điểm khác như Luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu, trung tâm thương mại Vincom Trà Vinh, Dự án nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long, các dự án điện gió... Cụ thể: Tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 123,1 nghìn tỷ đồng, vượt 36,8% mục tiêu đề ra cho giai đoạn, gấp 1,5 lần giai đoạn trước.

Điểm sáng trong các lĩnh vực xã hội chính là công tác phổ cập giáo dục được giữ vững ổn định và có bước phát triển; công tác đào tạo nguồn nhân lực của Tỉnh đã đáp ứng được tình hình mới và vượt các chỉ tiêu đặt ra. Thị trường lao động phát triển nhanh, hệ thống thông tin thị trường lao động ngày càng hoàn thiện, cơ sở dữ liệu gốc về cung - cầu lao động được hình thành đến cấp huyện. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt 67%, tỷ lệ lao động có văn bằng, chứng chỉ đạt 33%, tạo thêm việc làm cho 125,3 nghìn người lao động, tất cả các chỉ tiêu trên đều vượt kế hoạch đề ra. Nhờ đó, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo đến cuối giai đoạn xuống còn 1,67% (năm 2020); đồng thời giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị từ 3% xuống còn 2,5% (vượt mục tiêu đề ra). Qua đó, Trà Vinh cũng đã làm tốt công tác đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho người dân, thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ, thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, đảm bảo quốc phòng - an ninh...

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được triển khai đồng bộ, thực chất, được sự đồng thuận trong nhân dân nên đạt được nhiều kết quả quan trọng. Sản xuất phát triển; đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn được nâng lên; cảnh quan, môi trường có nhiều khởi sắc theo hướng sáng - xanh - sạch - đẹp, an ninh, trật tự được đảm bảo; hệ thống chính trị được củng cố, tăng cường vững mạnh. Đến cuối năm 2020, các chỉ tiêu về xây dựng nông thôn mới đều vượt mục tiêu đề ra cho cả giai đoạn. Cụ thể: 70/85 xã (chiếm 82,4%); 90% số hộ, 75% ấp đạt chuẩn nông thôn mới; 20%

xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 5 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Mục tiêu trở thành trung tâm kinh tế biển của đồng bằng sông Cửu Long

Bước sang giai đoạn mới phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, Trà Vinh vẫn đứng trước những thuận lợi cùng khó khăn đan xen cả trong nước và thế giới. Mặc dù vậy, Trà Vinh quyết tâm quán triệt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cả hệ thống chính trị, phát huy tính dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên. Theo đó, Tỉnh sẽ tiếp tục chú trọng đổi mới sáng tạo, tận dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, gắn với liên kết vùng, thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững,



thích ứng với biến đổi khí hậu. Trà Vinh phấn đấu đạt chuẩn Nông thôn mới trước năm 2025 và trở thành tỉnh phát triển trong nhóm đầu của khu vực đồng bằng sông Cửu Long trước năm 2030.

Chỉ tiêu cụ thể giai đoạn 2021-2025, Tỉnh phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân hàng năm từ 10-11%, trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,35%; khu vực công nghiệp, xây dựng tăng 14,48%; khu vực thương mại, dịch vụ tăng 7,69%. Đến năm 2025, GRDP bình quân đầu người tương đương 4.300 USD (theo tỷ giá quy đổi 1 USD = 23.200 đồng). Tỷ trọng nông nghiệp chiếm 23,75%; công nghiệp - xây dựng chiếm 46,16%; thương mại - dịch vụ chiếm 30,09%. Tỷ lệ đô thị hóa năm 2025 đạt 33%; 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; tỷ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm bình quân từ 1,5-2%/năm.

Thời gian qua, Trà Vinh đã chú trọng phát huy tiềm năng, thế mạnh của biển và khu vực ven biển; tập trung quy hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển

các khu công nghiệp, du lịch; nâng cao hiệu quả nuôi trồng, đánh bắt hải sản... tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Với những hiệu quả kinh tế biển đem lại trong giai đoạn 2016-2020, Trà Vinh tự tin đặt ra mục tiêu phấn đấu xây dựng tỉnh trở thành Trung tâm kinh tế biển của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Tỉnh đã xác định vùng phát triển kinh tế biển gồm khu vực ven biển các huyện Duyên Hải, Cầu Ngang, Châu Thành, Trà Cú, đặc biệt là thị xã Duyên Hải với các giải pháp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả cạnh tranh.

Để làm được điều đó, Tỉnh đã lên phương án chủ động rà soát, điều chỉnh và xây dựng đồng bộ các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch liên quan đến phát triển kinh tế biển theo hướng quản lý tổng hợp, phù hợp với hệ sinh thái biển, bảo đảm sự gắn kết hài hòa giữa bảo tồn và phát triển các vùng đất liền, vùng ven bờ, vùng biển của tỉnh và các tỉnh lân cận. Bên cạnh đó, Trà Vinh tập trung phát triển nuôi trồng, khai thác và chế biến hải sản, khuyến khích các hoạt động nuôi trồng, khai thác hải sản bền vững gắn với bảo vệ, tái sinh nguồn lợi thủy hải sản; đầu tư, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến trong nuôi trồng.

Song song với đó, Tỉnh đẩy mạnh phát triển du lịch biển, tập trung đầu tư hạ tầng, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng... Xây dựng, phát triển đa dạng hóa các sản phẩm, chuỗi sản phẩm, thương hiệu du lịch biển, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, lịch sử để thu hút khách.

Phát triển các ngành công nghiệp ven biển, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện môi trường. Phát triển các ngành công nghiệp sửa chữa và đóng tàu, năng lượng, cơ khí chế tạo, công nghiệp chế biến, công nghiệp phụ trợ. Quan tâm phát triển một số ngành kinh tế dựa vào khai thác tài nguyên đa dạng sinh học biển.

Đặc biệt chú trọng đầu tư cảng nước sâu và các bến tàu thủy nội địa phù hợp với hệ thống cảng biển đã được duyệt tại Quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 24/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo kết nối giao thông với các tỉnh, thành phố trong khu vực và quốc tế. Tăng cường xúc tiến, kêu gọi đầu tư phát triển dịch vụ vận tải biển, kho ngoại quan, logistics, khu phi thuế quan, khu dịch vụ công nghiệp, phát triển hệ thống phân phối hàng hóa. Qua đó, Tỉnh cũng kiến nghị Bộ Tài chính chuyển Chi cục Hải quan cửa khẩu Vĩnh Long (thuộc Cục hải quan thành phố Cần Thơ) về tại Trà Vinh, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nộp thuế xuất - nhập khẩu đối với các doanh nghiệp xuất - nhập khẩu hàng hóa bằng đường biển qua Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu.

Kết thúc tiến trình phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020, Trà Vinh đã gặt hái được nhiều thành công với những điểm nhấn đáng khích lệ, tạo động lực mạnh mẽ và nền móng vững chắc để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm tiếp theo của giai đoạn 2021-2025. Tin tưởng rằng, với sự chung sức, đồng lòng của cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp, Trà Vinh sẽ tiếp tục nỗ lực phấn đấu và hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu đã đề ra./



Trong giai đoạn 2016-2020 thành phố Hải Phòng phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện có nhiều thuận lợi, đó là tình hình kinh tế đất nước tiếp tục phát triển, kinh tế vĩ mô ổn định; thành phố được Trung ương dành cho sự quan tâm, chỉ đạo, giúp đỡ.

Đặc biệt, sau tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 32-NQ/TW về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, ngày 24/01/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 45-NQ/TW về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đây là cơ hội vô cùng to lớn, là "điểm tựa" quan trọng, là "đòn xeo" để thúc đẩy Hải Phòng cất cánh mạnh mẽ trong thời kỳ mới.

Tuy nhiên, đây cũng là giai đoạn thành phố phải đối mặt với những khó khăn, thách thức không nhỏ, đó là sau Đại hội XV, đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp còn chưa được kiện toàn đầy đủ; hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều hạn chế; nguồn lực và môi trường đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu. Môi trường đầu tư còn thiếu sức hấp dẫn, hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị phát triển chưa tương xứng với một thành phố cảng biển quốc tế, đô thị lớn thứ ba cả nước.

Bước vào năm cuối của nhiệm kỳ, đại dịch Covid-19 toàn cầu đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế - xã hội của cả nước cũng như thành phố. Trong bối cảnh chung đó, dưới sự lãnh đạo của Trung ương, Đảng bộ, chính quyền, quân và dân thành phố đã đoàn kết, thống nhất, nỗ lực phấn đấu với quyết tâm rất cao, vượt qua mọi khó khăn, thách thức, đã đạt được những thành tựu nổi bật, toàn diện, có tính đột phá.



Giai đoạn 2016 -2020 đánh dấu những bước phát triển bứt phá của nền kinh tế - xã hội thành phố Hải phòng. Kinh tế thành phố phát triển toàn diện, luôn duy trì tốc độ tăng trưởng cao, cơ cấu kinh tế, chất lượng tăng trưởng chuyển dịch theo đúng định hướng. Đây là cơ sở vững chắc để thành phố tiến triển hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vào năm 2025, trở thành thành phố công nghiệp hiện đại, văn minh, bền vững vào năm 2030.

KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG TẠO ĐÀ VÀ BỨT

Giai đoạn 2016-2020, Hải Phòng đã có những bước tiến dài trong phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Thành phố đã hoàn thành vượt mức 12/20 chỉ tiêu, trong đó có: 7/12 chỉ tiêu hoàn thành vượt mức kế hoạch giao từ 1-3 năm, điển hình như thu nội địa (năm 2017 đã đạt 21.777 tỷ đồng, vượt chỉ tiêu đề ra trước 03 năm; chỉ số sản xuất công nghiệp bình quân 05 năm tăng 20,55%/năm, gấp 1,47 lần mục tiêu đề ra (tăng 14%/năm), gấp 2,12 lần so với giai đoạn 2011-2015 và gấp hơn 2 lần tốc độ tăng chung của cả nước; kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 36,4%/năm, năm 2020 ước đạt 20,38 tỷ USD, vượt mục tiêu (12 đến 17 tỷ USD), gấp 4,7 lần năm 2015...

Kinh tế thành phố phát triển mạnh mẽ, luôn duy trì tốc độ tăng trưởng cao, GRDP bình quân 5 năm 2016-2020 tăng 13,94%/năm, gấp 1,3 lần mục tiêu Nghị quyết Đại hội XV đề ra (10,5%/năm), gấp 1,97 lần giai đoạn 2011-2015 (7,08%/năm).

Quy mô kinh tế tiếp tục được mở rộng, năm 2020 ước đạt 276,6 nghìn tỷ đồng (tương đương khoảng 12 tỷ USD), gấp 2,1 lần so với năm 2015 (131,3 nghìn tỷ đồng), đứng thứ 2 vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

GRDP bình quân đầu người năm 2020 ước đạt 5.863 USD, vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội XV đề ra (5.600 USD), gấp gần 2 lần so với năm 2015 (3.042 USD), gấp gần 2 lần của cả nước (3.000 USD).

Đóng góp vào sự phát triển chung của thành phố là sự phát triển mạnh mẽ của ngành



chế tạo, với nhiều dự án trên dưới 1 tỷ USD của nhiều nhà đầu tư lớn, trong đó đóng góp chủ lực của Tập đoàn LG (Hàn Quốc) đầu tư trên 06 tỷ USD vào Tổ hợp nhà máy sản xuất linh kiện điện tử hiện đại, có giá trị thương mại cao.

Bên cạnh các dự án FDI đầu tư góp phần thúc đẩy tăng trưởng công nghiệp thành phố, các dự án đầu tư trong nước cũng khẳng định sự phát triển bền vững của các ngành công nghiệp truyền thống như: Đóng tàu, sản xuất xi măng, sản xuất phôi thép, thép cán, kết cấu thép; sản xuất và phân phối điện; sản xuất da giày, dệt may; sản xuất, lắp ráp ô tô; gia công lắp ráp linh phụ kiện... Đặc biệt, năm 2017 Tập đoàn Vingroup đầu tư và hoàn thành Nhà máy sản xuất ô tô Vinfast tổng vốn đầu tư trên 03 tỷ USD. Cùng với đó, sau hơn một năm triển khai đầu tư xây dựng, tháng 11/2018 Nhà máy sản xuất xe máy điện đã chính thức đi vào hoạt động. Tạo sự chuyển biến cơ bản trong tái cấu trúc lại ngành công nghiệp thành phố, khẳng định Hải Phòng là trung tâm công nghiệp lớn của cả nước.

Kinh tế dịch vụ phát triển nhanh, ngày càng khẳng định vai trò chủ lực của kinh tế thành phố. Giá trị tăng thêm ngành dịch vụ (giá so sánh) năm 2020 ước đạt 72,3 nghìn tỷ đồng, gấp 1,57 lần năm 2015, tăng bình quân 9,46%/năm. Trong khu vực dịch vụ, hoạt động thương mại phát triển khá mạnh và toàn diện, từng bước khẳng định vị trí là trung tâm thương mại lớn của cả nước. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng bình quân 12,63%/năm giai đoạn 2016-2020; năm 2020 ước đạt 144,7 nghìn tỷ đồng, gấp 1,81 lần năm 2015. Đặc biệt với sự khai trương Trung tâm Thương mại AEON MALL Hải Phòng - Lê Chân

vào 24/12/2020 là TTTM Nhật Bản đầu tiên và lớn nhất tại thành phố Hải Phòng, đồng thời là TTTM lớn thứ 3 tại miền Bắc đã đánh dấu sự phát triển lớn mạnh của TM-DV thành phố.

Bên cạnh đó, với vị trí là một trung tâm dịch vụ hàng hải và vận tải biển lớn của cả nước, hạ tầng cảng biển Thành phố được nâng cấp và đầu tư xây dựng mới theo hướng đồng bộ, hiện đại, phù hợp với xu hướng phát triển vận tải biển khu vực và quốc tế. Cảng nước sâu Nam Đình Vũ và cảng Container quốc tế Hải Phòng được đưa vào khai thác từ tháng 5/2018 làm giảm tải cho các cảng nằm sâu trong nội địa và tăng năng lực tiếp nhận hàng hóa, đóng góp vào tăng trưởng của ngành vận tải, kho bãi. Tổng lượng hàng hóa qua cảng tăng nhanh, tăng bình quân 15,9%/năm, năm 2018 đạt gần 110 triệu tấn, vượt chỉ tiêu đề ra trước 02 năm, năm 2020 ước đạt 142,87 triệu tấn gấp 2,1 lần năm 2015, khẳng định rõ vai trò cảng cửa ngõ lớn nhất miền Bắc.

Nhờ đó dịch vụ vận tải và hỗ trợ vận tải trên địa bàn thành phố ngày càng phát triển, khối lượng vận chuyển hành khách, hàng hóa tăng trưởng ổn định qua các năm, bình quân tăng 10%/năm; hoạt động vận tải phát triển ở cả 4 loại hình: đường bộ, đường biển, đường sắt, hàng không.

Ngành du lịch thành phố duy trì mức tăng trưởng ổn định. Công tác quản lý nhà nước, quảng bá, xúc tiến du lịch ngày càng được chú trọng. Chất lượng sản phẩm du lịch được nâng cao. Nổi bật là từ cuối năm 2016, thành phố đã có bước phát triển đột phá trong thu hút đầu tư du lịch với sự có mặt của hàng loạt các tập đoàn lớn như Vingroup, SunGroup, Him Lam, FLC, Xuân Trường, Flamingo... Lượng khách du lịch

GIẢI ĐOẠN 2016-2026

PHÁ

Lê Gia Phong

Cục trưởng cục Thống kê TP. Hải Phòng

công nghiệp. Công nghiệp thành phố phát triển cả về quy mô, chất lượng và tốc độ. Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp năm 2020 ước đạt 86.482 tỷ đồng, gấp 2,57 lần so với năm 2015 (33.626 tỷ đồng), tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 20,8%/năm, gấp 1,78 lần giai đoạn 2011-2015 (11,69%/năm). Cơ cấu ngành công nghiệp chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP tăng từ 25,12%, năm 2015 lên 39,15% năm 2020. Tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo tăng nhanh từ 16,4% năm 2015 lên 45,5% năm 2020.

Giai đoạn 2016-2020, có 89,7% vốn FDI đầu tư vào các ngành công nghiệp thành phố, trong đó có 89,5% vốn FDI đầu tư vào các ngành công nghiệp chế biến

tăng bình quân 5,72%/năm; năm 2018 đón 7,8 triệu lượt khách, hoàn thành mục tiêu Đại hội XV đề ra trước 03 năm; năm 2020 tổng lượt khách du lịch trên địa bàn thành phố ước đạt 7,51 nghìn lượt.

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản từng bước khẳng định xu thế chuyển đổi cơ cấu ngành việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tạo các chuỗi cung ứng sản phẩm an toàn từ sản xuất đến chế biến được quan tâm, cơ cấu lại sản phẩm theo lợi thế và nhu cầu thị trường đã thúc đẩy sản xuất của khu vực này. Giá trị tăng thêm khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản năm 2020 theo giá so sánh năm 2010 đạt 7.342 tỷ đồng, tăng 582 tỷ đồng so với năm 2015.

Môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh được cải thiện mạnh mẽ. Việc huy động các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển đạt mức cao nhất từ trước tới nay. Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trên địa bàn thành phố giai đoạn 2016-2020 đạt 564 nghìn tỷ đồng, cao gấp 1,28 lần chỉ tiêu Đại hội XV đề ra và gấp 3 lần giai đoạn 2011-2015. Cơ cấu vốn đầu tư chuyển mạnh theo hướng xã hội hóa. Trong đó, vốn khu vực ngoài Nhà nước và FDI đạt trên 500 nghìn tỷ đồng, gấp 3,67 lần so với nhiệm kỳ trước. Vốn đăng ký đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt 9,41 tỷ USD, gấp 1,23 lần giai đoạn trước.

Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư được nâng lên, hệ số ICOR giai đoạn 2016 - 2020 là 3,48 thấp hơn 1,52 lần so với giai đoạn 2011 - 2015 (5,29) và thấp hơn 1,75 lần so với bình quân chung cả nước (6,1).

Kinh tế thành phố từng bước được cơ cấu lại, có chuyển biến tích cực; mô hình tăng trưởng được đổi mới, phát triển theo chiều sâu; năng suất, chất lượng, hiệu

quả được nâng cao: chất lượng tăng trưởng kinh tế đã được nâng lên đáng kể. Năng suất lao động tăng 14,04%/năm, gấp 2,42 lần bình quân chung cả nước (5,8%/năm); năm 2020 ước đạt 254,99 triệu đồng/lao động (theo giá hiện hành), gấp 2,12 lần so với năm 2015 và gấp 2,05 lần bình quân chung cả nước (124,4 triệu đồng/lao động).

Cùng với tốc độ tăng cao liên tục và khá ổn định của GRDP trong giai đoạn 2016-2020, cơ cấu ngành kinh tế thành phố chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa, tỷ trọng giá trị tăng thêm khu vực công nghiệp - xây dựng, dịch vụ phát triển mạnh, tăng từ 92,48% năm 2015 lên 95,08% năm 2020; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản từ 7,52% giảm còn 4,92%. Đặc biệt trong giai đoạn 2016-2020, khu vực công nghiệp - xây dựng có bước phát triển nhảy vọt, tăng từ 39,91% năm 2015 lên 52,99% năm 2020, vượt xa dự kiến mà mục tiêu Đại hội XV đề ra (37,7%); do vậy, tỷ trọng giá trị tăng thêm của khu vực dịch vụ giảm từ 52,56% năm 2015 còn 42,09% năm 2020 đã cho thấy giai đoạn 2016-2020 là giai đoạn được đầu tư mạnh mẽ cơ sở nền tảng vật chất kỹ thuật cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố.

Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch có bước phát triển mới, không gian đô thị được mở rộng; kết cấu hạ tầng giao thông phát triển mạnh mẽ. Công tác xây dựng, phát triển đô thị được triển khai nghiêm túc theo đúng định hướng Nghị quyết Đại hội XV Đảng bộ thành phố. Khu vực đô thị trung tâm thành phố đã được quan tâm đầu tư theo hướng văn minh, hiện đại, đã hình thành nhiều khu đô thị mới phù hợp với bản sắc kiến trúc đô thị Hải Phòng, như: Khu đô thị

Vinhomes Imperia của Tập đoàn Vingroup, các khu đô thị của Tập đoàn Hoàng Huy, khu đô thị ven sông Lạch Tray của Tập đoàn Agape, một số khách sạn 5 sao, Trung tâm thương mại Aeon Mall. Các công trình phúc lợi công cộng được quan tâm đầu tư như mở rộng, xây dựng mới một số bệnh viện, trường học; cải tạo, mở rộng sông Tam Bạc; hoàn thiện chỉnh trang toàn bộ dải trung tâm thành phố và một số công viên cây xanh. Các ngõ phố, hè đường được đầu tư chỉnh trang đồng bộ, hình thành một số cầu vượt, nút giao thông hiện đại.

Không gian đô thị đã được mở rộng, phát triển về 3 hướng đột phá. Hướng phát triển về phía Bắc sông Cấm: đã hoàn thành cầu Hoàng Văn Thụ, hạ tầng giao thông kết nối, các công trình lớn Khu công nghiệp VSIP, đảo Vũ Yên. Hướng phát triển về phía Cát Hải - Cát Bà: đã hoàn thành Nhà máy sản xuất ô tô Vinfast, hệ thống cáp treo vượt biển Cát Hải - Cát Bà, một số dự án nghỉ dưỡng cao cấp tại Cát Bà, 02 bến khởi động Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng. Hướng phát triển về phía Đồ Sơn, ven sông Lạch Tray: đã hình thành một số khu đô thị sinh thái, trung tâm thương mại, bệnh viện quốc tế, khách sạn 5 sao, khu vui chơi giải trí, bãi biển nhân tạo Đồ Sơn.

Điểm nổi bật nhất giai đoạn 2016 - 2020 là thành phố đã hoàn thành hàng chục tuyến đường liên tỉnh, liên huyện, cùng 46 cây cầu các loại, trong đó có nhiều cây cầu lớn. Các công trình đều đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật, mỹ thuật, hiện đại, góp phần làm thay đổi căn bản hạ tầng giao thông thành phố.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn 2016 - 2020, thành phố ban hành nhiều cơ chế, chính sách để đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Theo chủ trương

của Thành ủy, Hội đồng nhân dân thành phố đã ban hành cơ chế hỗ trợ xi măng để Nhân dân xây dựng đường thôn xóm, đường nội đồng; hỗ trợ gạch, xi măng để xây mới, sửa chữa nhà ở cho các gia đình chính sách. Nhờ có cơ chế sáng tạo này, thành phố đã huy động được một nguồn lực lớn từ sự đóng góp tự nguyện của Nhân dân, đã hoàn thành 5.000 km đường nông thôn, xây dựng mới hàng nghìn ngôi nhà cho các gia đình chính sách. Tổng vốn huy động xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 đạt 40.396 tỷ đồng, gấp 2,5 lần giai đoạn 2011 - 2015 (15.857 tỷ đồng); trong đó Nhân dân đóng góp 5.865 tỷ đồng. Đến năm 2019, đã có 100% số xã (139/139 xã) đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành mục tiêu Đại hội XV đề ra trước 01 năm.

Các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, an sinh xã hội được quan tâm đầu tư lớn, có nhiều cơ chế, chính sách vượt trội như: Chính sách hỗ trợ 100% học phí cho học sinh các cấp; khen thưởng đối với đội ngũ giáo viên, học sinh giỏi quốc gia, quốc tế; thưởng cho các vận động viên, huấn luyện viên đạt thành tích tại giải thể thao khu vực và quốc tế; triển khai Đề án sân khấu truyền hình; nâng mức trợ giúp xã hội cho các đối tượng chính sách, gấp 1,4 lần quy định của Chính phủ; cấp gạch, xi măng, hỗ trợ tiền để xây dựng, sửa chữa nhà ở cho các gia đình chính sách... Hạ tầng lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo được tập trung đầu tư, hiện đại.

Những kết quả trên cho thấy, sự phát triển kinh tế thành phố đã gắn liền với quá trình cải thiện, nâng cao đời sống nhân dân; nhân dân thực sự là người thụ hưởng những thành quả phát triển kinh tế của thành phố. Đồng thời

khẳng định đời sống nhân dân cải thiện, nâng cao chính là khẳng định chủ trương đúng đắn, hiệu quả từ việc thực hiện chính sách an sinh xã hội, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế - xã hội.

Mặc dù đạt được một số kết quả bước đầu, kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng vẫn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục như: Thu ngân sách nhà nước đã có bước tăng trưởng cao song vẫn còn thất thu, thất thoát trên nhiều lĩnh vực. Hệ thống hạ tầng giao thông chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ. Hạ tầng đô thị tuy có được cải thiện nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Một số dự án đầu tư kéo dài nhiều năm nhưng chưa có biện pháp xử lý dứt điểm.

Trong những năm tới, tình hình kinh tế, chính trị thế giới sẽ tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường sẽ ảnh hưởng lớn, tác động tiêu cực tới tốc độ phát triển kinh tế và đời sống kinh tế - xã hội của nước ta nói chung và Tp. Hải Phòng nói riêng.

Mục tiêu đến năm 2025, thành phố Hải Phòng cơ bản hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; trở thành thành phố công nghiệp theo hướng hiện đại; là trọng điểm phát triển kinh tế biển, trung tâm du lịch quốc tế; hoàn thành xây dựng Trung tâm hành chính - chính trị thành phố tại Khu đô thị Bắc sông Cấm; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng cao; trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, quốc phòng, an ninh được giữ vững; có tổ chức Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tạo nền tảng vững chắc để trở thành thành phố công nghiệp phát triển hiện đại, văn minh, bền vững tầm cỡ khu vực Đông Nam Á vào năm 2030.

Để phấn đấu đạt được những mục tiêu đó, thành phố đặt ra

những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, đó là:

(1) Tăng cường kỷ cương thu chi ngân sách; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; thúc đẩy các thành phần kinh tế phát triển

(2) Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo định hướng phát triển 03 trụ cột chủ yếu: công nghiệp công nghệ cao; cảng biển - logistics; du lịch - thương mại.

(3) Xây dựng, phát triển, hiện đại hóa đô thị Hải Phòng; phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại

(4) Đầu tư phát triển hạ tầng nông thôn gắn với thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, phù hợp với quá trình đô thị hóa

(5) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, nước biển dâng

(6) Xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm giáo dục - đào tạo, y tế của vùng Duyên hải Bắc Bộ; trọng điểm phát triển khoa học - công nghệ biển của cả nước

(7) Phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân

(8) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính; phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

(9) Củng cố quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ và giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

(10) Triển khai hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế, củng cố môi trường hòa bình, ổn định và thuận lợi để phát triển thành phố. /.

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG ƯU ĐÃI TẠO VIỆC LÀM GIAI ĐOẠN 2015-2020

ThS. Mai Thị Quế

Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

Nguyễn Thanh Bình

Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh

Trong những năm qua, tín dụng ưu đãi tạo việc làm đóng một vai trò quan trọng, không chỉ giúp người lao động tạo việc làm, ổn định đời sống mà còn góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Tín dụng ưu đãi tạo việc làm là một trong những hợp phần cơ bản, quan trọng của chính sách việc làm. Thông qua các cơ chế, chính sách, pháp luật về tín dụng ưu đãi tạo việc làm, Nhà nước tạo điều kiện về tài chính để hỗ trợ và khuyến khích các tổ chức, cá nhân người lao động tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm. Nội dung này được thể hiện ở nhiều văn bản, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Tại Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM), chương trình tín dụng ưu đãi tạo việc làm được thực hiện theo quy định của Trung ương. Ngoài ra, Thành phố cũng ban hành một số chính sách đặc thù cho nhóm lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Đơn cử là Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo thành phố áp dụng cho giai đoạn

2016-2020, theo đó, hộ nghèo và hộ cận nghèo thành phố được xác định theo phương pháp đo lường đa chiều (tiêu chí thu nhập và 05 chiều thiếu hụt xã hội). Về tiêu chí thu nhập, hộ nghèo thành phố được xác định có mức thu nhập bình quân từ 21 triệu đồng/người/năm trở xuống; hộ cận nghèo có thu nhập bình quân trên 21 đến 28 triệu đồng/người/năm, cao hơn mức quy định của trung ương. Việc nâng mức thu nhập trong xác định hộ nghèo, cận nghèo đã làm tăng thêm số hộ nghèo, hộ cận nghèo tại TP.HCM, điều này đồng nghĩa với việc đối tượng được thụ hưởng chính sách tín dụng ưu đãi tạo việc làm cũng tăng lên. Đây là điểm khác biệt trong chính sách tạo việc làm của TP.HCM.

Thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi tạo việc làm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Hiện nay, TP.HCM có 03 nguồn quỹ thường xuyên để hỗ trợ vốn vay giải quyết việc làm cho người lao động, bao gồm: Quỹ xóa đói giảm nghèo, Quỹ quốc gia về việc làm, Quỹ hỗ trợ giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi, ngoài ra còn có các nguồn quỹ khác từ các tổ chức, đoàn thể. Trong thời gian qua, nhà nước và chính quyền thành phố đã ban hành nhiều chính sách và thực hiện nhiều biện pháp để tăng nguồn vốn cho các quỹ nhằm đáp ứng

tốt hơn nhu cầu vốn vay tạo việc làm cho người lao động.

Theo thống kê của Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh TP.HCM¹, tính đến ngày 31/3/2020, tổng nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội tại Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh TP.HCM đạt 4.796,3 tỷ đồng, tăng 2.445,2 tỷ đồng (gấp 2,04 lần) so với thời điểm cuối năm 2015, trong đó: Nguồn vốn cân đối từ trung ương là 1.852,9 tỷ đồng, chiếm 38,6% tổng nguồn vốn và nguồn vốn nhận ủy thác cho vay tại địa phương là 2.943,4 tỷ đồng, tăng 2.504,8 tỷ đồng so với thời điểm cuối năm 2015, chiếm 61,4% tổng nguồn vốn.

Từ năm 2016 đến tháng 3/2020, Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh TP.HCM đã giải ngân cho hơn 254 nghìn lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác vay vốn với doanh số vay đạt 6.887 tỷ đồng, bình quân cho vay 1.620,5 tỷ đồng/năm. Tổng doanh số thu nợ từ năm 2016 đến tháng 6/2019 đạt 4.442 tỷ đồng, bình quân 1.045,2 tỷ đồng/năm, chiếm 63,4% tổng doanh số cho vay.

Tổng dư nợ các chương trình tín dụng chính sách xã hội tính

1. Văn bản số 79/BC-UBND về Báo cáo Đánh giá kết quả triển khai thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội góp phần thực hiện chương trình quốc gia về giảm nghèo giai đoạn 2016-2020.

đến ngày 31/3/2020, đạt 4.784,4 tỷ đồng, tăng 2.445 tỷ đồng so với thời điểm cuối năm 2015, với trên 140,7 nghìn hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách khác còn dư nợ (dư nợ bình quân là 34 triệu đồng/hộ). Đến nay, nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội đã phủ kín khắp các khu phố, ấp trên địa bàn thành phố, dư nợ bình quân 14,9 tỷ đồng/xã, phường, thị trấn, tăng 7,6 tỷ đồng so với thời điểm cuối năm 2015.

Riêng đối với chương trình hỗ trợ vay vốn giải quyết việc làm tại TP.HCM, thời gian qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Thành phố đã luôn tạo điều kiện cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu và đủ điều kiện được tiếp cận với nguồn vốn tín dụng chính sách tạo việc làm một cách thuận lợi và kịp thời tại địa bàn xã, phường, thị trấn.

Giai đoạn 2015-2019, quỹ hỗ trợ vay vốn giải quyết việc làm đã hỗ trợ cho hơn 27,2 nghìn hộ gia đình, với số vốn là 573,7 tỷ đồng, mỗi năm hỗ trợ cho 5,45 nghìn hộ, bình quân 21,06 triệu đồng/lượt hộ vay, trong đó: Quỹ Xóa đói giảm nghèo hỗ trợ cho 7,7 nghìn hộ, mỗi năm hỗ trợ 1,5 nghìn hộ với số tiền là 166,4 tỷ đồng, bình quân 21,6 triệu đồng/lượt hộ vay; Quỹ quốc gia về việc làm hỗ trợ cho 11,9 nghìn hộ, mỗi năm hỗ trợ gần 2,4 nghìn hộ với số tiền là 301,9 tỷ đồng, bình quân 25,3 triệu đồng/lượt hộ vay; Quỹ hỗ trợ giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi hỗ trợ cho 7.6 nghìn hộ, mỗi năm hỗ trợ 1,52 nghìn hộ với số tiền là 105,3 tỷ đồng, bình quân 13,8 triệu đồng/lượt hộ vay.

Ngoài ra, quỹ hỗ trợ vay ưu đãi đã giúp 17 người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng với số tiền là 550 triệu đồng, bình quân 32,35 triệu đồng/lượt vay.

Bảng 1. Nguồn hỗ trợ vốn vay giải quyết việc làm giai đoạn 2015-2019

	Tiêu chí	2015	2016	2017	2018	2019
1	Hỗ trợ vay vốn giải quyết việc làm					
	Số lượt người được hỗ trợ	9.716	4.859	4.541	4.128	3.991
	Số tiền (triệu đồng)	120.728	102.760	107.558	117.549	125.077
1.1	Quỹ xóa đói giảm nghèo					
	Số lượt người được hỗ trợ	3.800	615	827	1.221	1.248
	Số tiền (triệu đồng)	29.454	16.066	27.051	44.533	49.315
1.2	Quỹ quốc gia về việc làm					
	Số lượt người được hỗ trợ	3.935	2.708	2.230	1.455	1.597
	Số tiền (triệu đồng)	61.225	64.514	61.199	54.139	60.845
1.3	Quỹ hỗ trợ giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi					
	Số lượt người được hỗ trợ	1.981	1.536	1.484	1.452	1.146
	Số tiền (triệu đồng)	30.049	22.180	19.308	18.877	14.917
2	Hỗ trợ vay vốn cho LĐ đi làm việc ở nước ngoài					
	Số người được hỗ trợ vay vốn đi làm việc ở nước ngoài (người)	15	1	1	0	0
	Kinh phí cho vay (triệu đồng)	450	50	50	0	0
	Mức vay/LĐ (triệu đồng)	30	50	50	0	0

Nguồn: Ngân hàng Chính sách Xã hội chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Theo báo cáo tại Văn kiện Đại hội Đảng bộ TP.HCM lần thứ XI, giai đoạn 2016-2020 thành phố có gần 1.547,6 nghìn lượt lao động được giải quyết việc làm, trong đó có 659,9 nghìn chỗ làm mới. Bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho 309,5 nghìn lượt lao động và gần 132 nghìn chỗ làm mới. Tỷ lệ thất nghiệp giảm dần qua các năm, năm 2016 là 4,4%, 2017 là 3,95%; 2018 là 3,76% và năm 2019 là 3,69%². Trong đó, giai đoạn từ năm 2015- đến tháng 3/2020 các nguồn quỹ tín dụng ưu đãi tạo việc làm đã giúp cho trên 254.000 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn được vay vốn để đầu tư sản xuất kinh doanh, góp phần giúp gần 60.000 lượt hộ vượt qua ngưỡng nghèo giai đoạn 2016-2020; giải quyết việc làm cho gần 124.000 lao động, hỗ trợ trên 2.700 lượt hộ gia đình bị thu hồi đất có vốn làm ăn... Qua việc sử dụng nguồn vốn từ các chương trình tín dụng ưu đãi đã xuất hiện nhiều mô hình, dự án sản xuất, kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế cao, như: Chăn nuôi bò thịt ở huyện Củ Chi, trồng mai ở quận Thủ Đức, Tổ hợp tác trồng rau sạch ở huyện Củ Chi, Hóc Môn và Bình Chánh, nuôi con hàu và làm muối ở huyện Cần Giờ, câu lạc bộ trồng hoa lan cây kiểng ở huyện Bình Chánh và huyện Hóc Môn, tổ hợp tác may gia công các mặt hàng truyền thống của cộng đồng người dân tộc Chăm ở quận Phú Nhuận...³

2. Văn kiện Đại hội Đảng bộ TP.HCM lần XI.

3. Văn bản số 79/BC-UBND về Báo cáo Đánh giá kết quả triển khai thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội góp phần thực hiện chương trình quốc gia về giảm nghèo giai đoạn 2016-2020.

Bên cạnh những mặt tích cực, chính sách tín dụng ưu đãi tạo việc làm còn tồn tại những hạn chế nhất định: Mức độ bao phủ theo luật định của chính sách chưa toàn diện, còn “bỏ sót” đối tượng khó khăn về việc làm cần được hỗ trợ (bộ đội xuất ngũ, hộ dân ở thị trấn thuộc huyện, hộ dân ở phường thuộc quận làm nông nghiệp cần vốn để mở rộng sản xuất, người nghỉ hưu đời sống khó khăn có nhu cầu về chính sách tín dụng ưu đãi để tạo việc làm, tăng thêm thu nhập, người lao động có hoàn cảnh khó khăn sinh sống và làm việc lâu dài tại địa phương nhưng không có hộ khẩu thường trú...). Cùng với đó, chính sách chưa công bằng với các nhóm đối tượng thụ hưởng, ví dụ như Quỹ quốc gia giải quyết việc làm chủ yếu tập trung vào nhóm đối tượng là hộ gia đình hoặc cá nhân và hầu như không có hoặc rất ít cơ sở sản xuất, kinh doanh được thụ hưởng. Việc thực hiện các chính sách bị trùng chéo hoặc bỏ sót đối tượng do số lượng các văn bản, chính sách được ban hành khá nhiều, nội dung chính sách được thể hiện ở nhiều văn bản khác nhau. Một số quy định về thủ tục còn khá phức tạp, làm hạn chế khả năng tiếp cận nguồn vốn của một bộ phận người dân có nhu cầu vay vốn tạo việc làm. Nguồn vốn không đủ đáp ứng nhu cầu vay vốn giải quyết việc làm cho người lao động. Việc giải ngân và thu hồi vốn tín dụng còn chậm, nhiều hộ dân sử dụng vốn sai mục đích... Hoạt động hỗ trợ vốn vay cho lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn Thành phố không hiệu quả do có những quy định hạn chế khả năng tiếp cận nguồn vốn vay.

Một số giải pháp về chính sách tín dụng ưu đãi tạo việc làm

Nhằm khắc phục những hạn chế về nội dung chính sách và nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi tạo việc làm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước nói chung, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Tích hợp các văn bản, chính sách về tín dụng ưu đãi tạo việc làm: Chính sách tín dụng ưu đãi tạo việc làm được ban hành khá nhiều, các đối tượng, chế độ thụ hưởng được quy định rải rác ở nhiều văn bản khác nhau gây khó khăn cho quá trình thực hiện, do vậy, cần phải rà soát lại tổng thể các chính sách về tín dụng ưu đãi tạo việc làm hiện hành và nên được tích hợp lại trong một số văn bản nhất định, làm căn cứ cho việc thực thi chính sách dễ dàng và hiệu quả.

Mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách tín dụng ưu đãi tạo việc làm: Rà soát lại các nhóm đối tượng khó khăn cần trợ giúp về vốn vay tạo việc làm để có cơ sở bổ sung, mở rộng đối tượng thụ hưởng, chẳng hạn: Đối tượng là bộ đội xuất ngũ, hộ dân ở thị trấn thuộc huyện, hộ dân ở phường thuộc quận làm nông nghiệp cần vốn để mở rộng sản xuất, người nghỉ hưu đời sống khó khăn có nhu cầu về chính sách tín dụng ưu đãi để tạo việc làm, tăng thêm thu nhập, người lao động có hoàn cảnh khó khăn sinh sống và làm việc lâu dài tại địa phương nhưng không có hộ khẩu thường trú.

Về thực hiện chính sách: Cần linh hoạt hơn trong xác định đối tượng cần hỗ trợ vốn vay, chẳng hạn với những trường hợp có hộ khẩu ở phường/xã/thị trấn nhưng sinh sống ổn định

và có kế hoạch việc làm ở phường/xã/thị trấn khác trong cùng quận/huyện, hoặc với những hộ gia đình không có hộ khẩu thường trú nhưng sinh sống lâu dài, ổn định ở địa phương.

Về huy động và sử dụng nguồn vốn: Đẩy mạnh việc huy động vốn từ nhiều nguồn (tổ chức, đoàn thể, hội đoàn...) giúp đảm bảo nhu cầu vốn vay đáp ứng nhu cầu tạo việc làm cho người lao động. Linh hoạt trong việc sử dụng vốn từ các nguồn quỹ để tránh lãng phí quỹ nhà ở và đảm bảo nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm kịp thời cho người lao động. Thực tế TP.HCM linh hoạt trong vấn đề này, thông qua việc ban hành Quyết định 34/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND Thành phố về việc chuyển nguồn vốn hoạt động của Quỹ hỗ trợ giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố sang Chương trình Giảm nghèo bền vững thành phố, tuy vậy, cần phải thực hiện tương tự với nhiều nguồn quỹ khác.

Công tác tuyên truyền: cần phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân trong việc sử dụng nguồn vốn vay đúng mục đích và trách nhiệm trong việc thanh toán nợ vay./.

Tài liệu tham khảo

1. Dự thảo lần thứ 2 Báo cáo chính trị đại hội đại biểu Đảng bộ TP.HCM lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020-2025).

2. Văn bản số 79/BC-UBND về báo cáo Đánh giá kết quả triển khai thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội góp phần thực hiện chương trình quốc gia về giảm nghèo giai đoạn 2016-2020.



Bắc Kạn:

TẬP TRUNG ĐẨY MẠNH TÁI CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP

Những chuyển biến tích cực

Xác định nông - lâm nghiệp là ngành sản xuất quan trọng, ngay từ đầu nhiệm kỳ, Tỉnh ủy Bắc Kạn đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 26/4/2016 về phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tạo ra sản phẩm có thương hiệu, sức cạnh tranh trên thị trường.

Qua 5 năm, với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, tỉnh Bắc Kạn đã hình thành một số nông sản đặc thù được sản xuất hàng hoá như: gạo nếp Khẩu nua lếch (huyện Ngân Sơn), gạo Bao thai (huyện Chợ Đồn)... Các sản phẩm này được cấp chứng nhận Nhãn hiệu tập thể và có hợp đồng tiêu thụ với các doanh nghiệp. Bắc Kạn đã có 13 tổ chức, cá nhân chăn nuôi lợn theo hình thức tập trung, trong đó có 2 doanh nghiệp sản xuất theo chuỗi giá trị với giống ngoại thuần chủng cho hiệu quả kinh tế cao. Trong lĩnh vực lâm nghiệp, với sự tích cực của Kiểm lâm các cấp, rừng tự nhiên được khoanh nuôi, bảo vệ, độ che phủ rừng đạt 72,9% (năm 2020). Diện tích rừng trồng mới trong giai đoạn là 34 nghìn ha, trong đó cây gỗ lớn là 17,8 nghìn ha, sản lượng khai thác trên 220 nghìn m³ (năm 2020).

Để góp phần nâng cao giá trị nông sản, Bắc Kạn đã ban hành kế hoạch và phê duyệt Đề án "Mỗi xã, phường một sản phẩm" giai đoạn 2018 – 2020 và triển khai xuống đến từng thôn, bản. Qua quá trình tuyên truyền vận động, người dân thay đổi nhận thức về làm nông nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Làm ra sản phẩm tốt, chất lượng chỉ là bước đầu tiên.

Bắc Kạn là tỉnh có tỷ lệ dân cư sinh sống ở nông thôn và làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp rất cao (trên 80%). Do đó, để cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững, từ nay đến năm 2025 tỉnh Bắc Kạn sẽ tập trung thu hút các nguồn lực để tạo ra sự phát triển đột phá trong lĩnh vực nông nghiệp. Trong đó, Tỉnh sẽ tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu ngành theo hướng sản xuất an toàn, gắn sản xuất với tiêu thụ tạo chuỗi liên kết và ưu tiên phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ.

Để được thị trường chấp nhận, sản phẩm nông nghiệp Bắc Kạn cần được hỗ trợ để thiết kế lại bao

bì, kiểu dáng phù hợp, chất lượng đạt tiêu chuẩn quy định. Qua việc xây dựng sản phẩm OCOP, nhiều nông sản Bắc Kạn đã trở thành hàng hóa có giá trị kinh tế cao. Đến năm 2020, toàn tỉnh có 107 sản phẩm OCOP, trong đó 99 sản phẩm 3 sao, 8 sản phẩm 4 sao. Trong đó 56 sản phẩm được đăng bán trên các sàn giao dịch điện tử uy tín lớn tại Việt Nam là Shopee, Lazada, Sendo, Tiki, Voso... 9 sản phẩm có hợp đồng tiêu thụ tại siêu thị BigC và 01 sản phẩm được xuất khẩu.

Đón đầu xu hướng nông nghiệp hữu cơ

Mặc dù có những chuyển biến tích cực nhưng sản xuất nông nghiệp ở tỉnh Bắc Kạn vẫn còn có một số hạn chế mang tính cố hữu như: tăng trưởng dựa vào quy mô, giá trị gia tăng trong sản xuất thấp,



Gian hàng giới thiệu nông sản Bắc Kạn Tuần lễ giới thiệu sản phẩm bí xanh thơm, gạo Japonica và các sản phẩm nông sản sạch Bắc Kạn tại Hà Nội năm 2020

sản xuất vẫn mạnh mún, các chuỗi giá trị gắn kết với thị trường xây dựng được thương hiệu chưa nhiều... Trong khi tỉnh Bắc Kạn có triển vọng lớn để sản xuất nông nghiệp hữu cơ với các lợi thế về đất sạch, nước sạch, không khí sạch, tỷ lệ che phủ rừng cao nhất cả nước.

Để khắc phục những khó khăn và phát huy hết lợi thế, UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2035 tại Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 31/12/2019, với mục tiêu chính là đến năm 2025 có 40% các sản phẩm nông lâm nghiệp chủ lực (gỗ, dược liệu, cam, quýt, hồng không hạt, trâu, bò, lợn, miến dong, chè) có truy suất nguồn gốc và đạt các tiêu chuẩn hữu cơ hoặc VietGap, tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững hoặc FSC; 30% sản phẩm miến dong đạt tiêu chuẩn sản phẩm hữu cơ; 100% diện tích cây ăn quả phải được chứng nhận đạt các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm; trong đó ít nhất 50% được cấp giấy chứng nhận là sản phẩm hữu cơ. Hiện nay, Tỉnh đang xem xét, bổ sung các chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ.

Trên thực tế, Bắc Kạn đã có một số mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ như: Hợp tác xã Hương Ngàn đã xây dựng được vùng nguyên liệu xả chanh tại xã Kim Lư (huyện Na Rì) với diện tích gần 20 nghìn m² và đã được cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn hữu cơ. Ngoài ra, một số đề tài/dự án khoa học trong lĩnh vực nông nghiệp có nội dung sản xuất theo hướng hữu cơ được triển khai có hiệu quả như: "Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật cải tạo và phát triển vùng sản xuất chè hàng hóa tại tỉnh Bắc Kạn", "Xây dựng mô hình phục tráng bí xanh thơm Ba Bể đảm bảo năng suất cao, chất lượng tốt" có nội dung xây dựng mô hình sản xuất bí xanh theo hướng hữu cơ tại xã Yến Dương (Ba Bể)... Tuy chặng đường phát triển nông nghiệp hữu cơ còn nhiều khó khăn, trở ngại nhưng tỉnh Bắc Kạn đang quyết tâm phát huy tiềm năng sẵn có để nâng cao giá trị sản phẩm, tăng thu nhập cho người dân khu vực nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới bền vững./.

Trịnh Long

HUYỆN BA BỂ: ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ -

Ba Bể là huyện miền núi, nằm cách trung tâm thành phố Bắc Kạn khoảng 60 km về phía Bắc. Trước năm 2018, Ba Bể vẫn là một trong những huyện nghèo nhất của tỉnh Bắc Kạn và của cả nước theo Nghị quyết 30a của Chính phủ. Bằng nhiều giải pháp phù hợp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương, chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tranh thủ các nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước và phát huy nội lực trong nhân dân, hết năm 2017, huyện Ba Bể được công nhận thoát nghèo.



Mô hình chăn nuôi giúp nhiều hộ dân trong huyện Ba Bể vươn lên thoát nghèo bền vững

Ảnh: Tư liệu

Ông Lưu Quốc Trung, Chủ tịch UBND huyện Ba Bể cho biết: Những năm qua, mặc dù trong bối cảnh chịu tác động của suy thoái kinh tế và những diễn biến bất lợi của thời tiết, dịch bệnh... song Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân các dân tộc trong huyện đã đoàn kết, vận dụng sáng tạo các chủ trương, chính sách cũng như tranh thủ mọi thời cơ, khắc phục khó khăn, nỗ lực phấn đấu đạt được những thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng khu vực công nghiệp, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp. Lĩnh vực nông nghiệp cũng từng bước chuyển đổi theo hướng sản xuất hàng hóa. Việc phát triển du lịch từng bước mang lại hiệu quả, các dự án đầu tư khai thác khu du lịch Ba Bể đã và đang được các nhà đầu tư thực hiện.

Bên cạnh đó, thực hiện các chính sách, quyết định của Trung ương, của tỉnh, UBND huyện đã chỉ đạo các phòng ban chuyên môn, UBND các xã, thị trấn triển khai, thực hiện các



XÃ HỘI VÀ XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

chương trình, dự án trồng trọt, chăn nuôi gắn với sản phẩm thế mạnh của từng địa phương cụ thể như: Dự án trồng mới và thâm canh cải tạo cây hồng không hạt, đề tài phục tráng giống bí thơm Ba Bể, mô hình cải tạo đất trồng lúa đem lại giá trị kinh tế cao, dự án chăn nuôi lợn thịt, dự án chăn nuôi trâu bò sinh sản, dự án vỗ béo trâu bò, dự án chăn nuôi gà...

Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới (NTM)

được huyện triển khai có hiệu quả, bộ mặt nông thôn đã có nhiều khởi sắc. Đến nay, bình quân toàn huyện đạt 10,9 tiêu chí NTM/xã, có 01 xã đạt chuẩn NTM; dự kiến đến hết năm 2020, phấn đấu thêm 02 xã (Khang Ninh, Địa Linh) về đích NTM.

Hiện nay, 15/15 xã, thị trấn có điện lưới quốc gia, với 96,7% số hộ dân được sử dụng điện; 100% xã và nhiều thôn bản có đường ô tô đến trung tâm; 97,7% số hộ

được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 15/15 xã, thị trấn có điện thoại liên lạc thông suốt; 15/15 xã, thị trấn có trạm y tế kiên cố; 100% số phòng học được xây dựng từ bán kiên cố trở lên; 15/15 xã, thị trấn trụ sở được xây dựng kiên cố. Hạ tầng giao thông tiếp tục được tăng cường, nhiều dự án lớn đã và đang được Trung ương, tỉnh, huyện đầu tư xây dựng như: Quốc lộ 3C, Quốc lộ 279, Tỉnh lộ 257B...; tỷ lệ đường trục xã, liên xã được bê tông và nhựa hóa đạt 85,9%; tỷ lệ đường thôn, xóm được cứng hóa đạt 50%...

Ông Lưu Quốc Trung chia sẻ thêm: Song song với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, huyện Ba Bể cũng tích cực triển khai đồng bộ nhiều giải pháp giảm nghèo, góp phần quan trọng hiện thực hóa mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo. Nhờ đó, tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện giảm từ 34,04% năm 2016 xuống còn 22,04% năm 2020, bình quân mỗi năm giảm 2,4%. Tỷ lệ hộ nghèo đồng bào DTTS giảm từ 30,43% xuống còn 22,69%. Mặt khác, hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo còn được tiếp cận về chính sách tín dụng ưu đãi, hỗ trợ tiền điện, hỗ trợ về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, tiếp cận thông tin...

Cuộc sống của đồng bào các DTTS đã được cải thiện rõ rệt, tạo điều kiện cho họ hòa nhập vào cộng đồng. Các dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo như: chăn nuôi dê, bò sinh sản, nuôi gà thả vườn... Các mô hình lựa chọn phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người nghèo này đã phát huy được tiềm năng, thế mạnh của địa phương, tạo thêm việc làm, góp phần nâng cao thu nhập, phát triển kinh tế cho hộ nghèo. Có thể nói, Chương trình MTQG về giảm nghèo bền vững đã đem lại hiệu quả không chỉ về phát triển kinh tế - xã hội mà còn có ý nghĩa về an ninh, quốc phòng ở vùng dân tộc và miền núi, vùng cao của huyện Ba Bể./

Trọng Nghĩa

HUYỆN BA BỂ: TĂNG CƯỜNG MỌI NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ VÌ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC

Ba Bể là huyện miền núi có diện tích tự nhiên rộng, nhiều thôn bản nằm cách xa trung tâm xã, điều kiện kinh tế - xã hội ở các xã vùng cao còn nhiều khó khăn... Theo đó, các trường mầm non, tiểu học của huyện còn nhiều khu lè, cơ sở vật chất chưa đáp ứng cho việc dạy và học; nhiều trường thiếu quỹ đất để xây dựng trường chuẩn quốc gia. Điều này gây khó khăn trong việc bố trí, sắp xếp giáo viên cũng như nâng cao chất lượng giáo dục.

Ông Phạm Đức Thắng, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Ba Bể cho biết: Để khắc phục tình trạng trên, những năm qua, ngành Giáo dục huyện đã tham mưu với UBND huyện, thực hiện tốt công tác rà soát, sắp xếp lại mạng lưới trường lớp phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Thực hiện tốt công tác tham mưu đầu tư cơ sở vật chất, đồ dùng thiết bị dạy học, kinh phí cho việc triển khai các chương trình giáo dục phổ thông mới, chương trình kiên cố hóa trường học. Đẩy mạnh công tác XHH, huy động mọi nguồn lực đầu tư cho GD&ĐT.

Từ năm 2016 đến nay, được sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền từ tỉnh, huyện đến các xã, cơ sở vật chất trường lớp được đầu tư, sửa chữa, xây dựng mới thông qua các chương trình, dự án. Hiện nay, số phòng học được xây dựng từ cấp bốn trở lên đạt tỷ lệ 92,3%, tăng 13,9% so với năm 2016, số phòng học tạm chỉ chiếm 7,7% chủ yếu ở các phân trường lè vùng cao.

Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia cũng luôn nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan ban ngành huyện, sự chung tay góp sức của chính quyền địa phương, của các bậc phụ huynh và người dân. Đến nay, toàn huyện có 13/43 trường đạt chuẩn quốc gia, kế hoạch năm 2020 phấn đấu xây dựng thêm 2 trường đạt chuẩn là trường mầm non Địa Linh và trường THCS Địa Linh./



NGÀNH TÀI CHÍNH TỈNH BẮC KẠN: NỖ LỰC HOÀN THÀNH TỐT NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO



Ban Chấp hành Đảng bộ Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn nhiệm kỳ 2020-2025

Bà Hoàng Thị Hằng, Quyền Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn cho biết: Để hoàn thành được nhiệm vụ thu NSNN năm 2020, ngành Tài chính Bắc Kạn đã chủ động phối hợp với ngành Thuế tỉnh triển khai các giải pháp quản lý nguồn thu có hiệu quả như: Thường xuyên phân tích, dự báo những nhân tố ảnh hưởng đến tình hình thu NSNN trên địa bàn, xác định rõ khoản thu, địa bàn còn tiềm năng để có biện pháp thu; Tập trung rà soát, khai thác các nguồn thu phát sinh trên địa bàn; Đôn đốc thu kịp thời các khoản thuế, phí phát sinh theo kê khai tháng, quý của doanh nghiệp, sổ thuế lập bộ đối với hộ kinh doanh, các khoản thu từ đất như tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản không để phát sinh nợ mới... Kết quả, tổng thu NSNN trên địa bàn năm 2020 đạt gần 718,3 tỷ đồng, bằng 106,3% dự toán Trung ương giao, đạt 100,3% dự toán tỉnh giao, tăng 1% so với năm 2019.

Cùng với kết quả đạt được trong công tác thu NSNN, công tác điều hành chi NSNN cũng đạt kết quả khả quan. Tổng chi ngân sách địa phương, bằng 105,6% dự toán giao đầu năm. Nhìn chung,

Năm 2020, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Kạn còn gặp nhiều khó khăn do tác động không nhỏ bởi đại dịch Covid-19, ảnh hưởng đến đời sống người dân nói chung và công tác thu - chi ngân sách nói riêng. Nhưng được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao, quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND, đội ngũ cán bộ - công chức ngành Tài chính Bắc Kạn đã có nhiều nỗ lực, tích cực, chủ động phối hợp với các cấp, các ngành, địa phương để phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

các địa phương đã tập trung triển khai, thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách theo dự toán được giao; quản lý chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

Bà Hoàng Thị Hằng cho biết thêm: Thực hiện Chương trình MTQG về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, do điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Kạn còn nhiều khó khăn, nội lực của người dân còn yếu cả về trình độ và năng lực sản xuất, còn tình trạng hộ nghèo có tư tưởng trông chờ

vào sự hỗ trợ của nhà nước, nguồn vốn thực hiện Chương trình giảm nghèo chủ yếu do ngân sách Trung ương cấp, việc huy động từ các nguồn vốn khác cho Chương trình giảm nghèo tại địa phương là rất hạn chế.

Trên cơ sở kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững hàng năm Trung ương bổ sung có mục tiêu cho Tỉnh, Sở Tài chính đã chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, tham mưu cho UBND tỉnh kịp thời phân bổ chi tiết cho các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện, cụ thể: Tổng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 Trung ương giao là gần 278,3 tỷ đồng, Sở Tài chính đã tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ tới các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án, chính sách giảm nghèo, tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo; sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn được phân bổ, lồng ghép với nguồn lực các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác để thực hiện mục tiêu giảm nghèo tại địa phương./.

Trọng Nghĩa

Không chỉ đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ thu, chi ngân sách, ngành Tài chính Bắc Kạn cũng tham mưu cho Tỉnh, phối hợp cùng các Ban, ngành đẩy mạnh thực hiện quá trình cổ phần hoá nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước tại các đơn vị, trung tâm và doanh nghiệp. Trong đó, Công ty CP Cấp thoát nước Bắc Kạn là đơn vị tiêu biểu hoạt động hiệu quả sau quá trình cổ phần hoá. Hiện nay, Nhà nước chỉ chiếm 36% vốn điều lệ nhưng Công ty CP Cấp thoát nước Bắc Kạn phát huy tính năng động, huy động thêm các nguồn lực để đầu tư, nâng cấp trạm, nhà máy xử lý nước, mở rộng mạng lưới đường ống, đảm bảo tiêu chuẩn và chất lượng phục vụ, đa dạng sản phẩm (sản xuất nước đóng chai)... Năm 2020, tổng công suất của các nhà máy, công ty đạt 17 nghìn m³/ngày đêm, số lượng khách hàng gần 16 nghìn khách, nộp ngân sách nhà nước 3,2 tỷ đồng, thu nhập bình quân của người lao động đạt 5,7 triệu/người/tháng./.



Những năm qua, huyện Na Rì đã tập trung các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội, hỗ trợ phát triển sản xuất để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

Chú trọng nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng

Trong 5 năm qua, bằng nhiều loại vốn được đầu tư như: vốn Chương trình 135 của Chính phủ, vốn ngân sách, vốn tài trợ, vốn đầu tư của các tổ chức khác trong và ngoài nước, vốn của nhân dân đóng góp, huyện Na Rì đã đầu tư hơn 508 tỷ đồng để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Trong đó, Huyện đã đầu tư xây dựng 74 công trình giao thông, với 73km đường; 17 công trình thủy lợi với khả năng chủ động nước tưới tiêu 85ha ruộng; 19 công trình trường học; 02 công trình trạm xá, bệnh viện; 06 công trình trụ sở làm việc, 04 công trình nước sinh hoạt, 18 công trình điện điện lưới. Ngoài nguồn vốn ngân sách, hằng năm huyện Na Rì cũng luôn tích cực thu hút các nguồn tài trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã, các thôn đặc biệt khó khăn của Huyện.

Nhờ đó, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn Huyện được cải thiện đáng kể. Đến nay, 100% số xã có đường nhựa đến

HƯỚNG ĐI TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI VÀ GIẢM NGHÈO CỦA HUYỆN NA RÌ

trung tâm xã, 70% đường bê tông trục thôn, liên thôn được bê tông hóa, trên 95% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia; 90% hộ được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, các trường học trung tâm cơ bản được xây dựng cấp 4 trở lên, 100% xã, thị trấn có nhà trạm y tế... giúp nâng cao đời sống và dân trí trong nhân dân. Đặc biệt hệ thống giao thông kết nối các thôn, bản đã giúp cho hoạt động phát triển kinh tế trên địa bàn huyện Na Rì diễn ra ngày càng sôi động. Nhiều tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trong huyện đã mạnh dạn đầu tư mua sắm máy móc để đưa vào phục vụ sản xuất, kéo theo đó là sự ra đời của nhiều tổ, đội, hợp tác xã, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp, giúp cho năng suất lao động được nâng cao, quy mô sản xuất được mở rộng. Tại vùng sâu, vùng xa của huyện, trước đây khi hạ tầng giao thông chưa phát triển, hoạt động giao thương gần như không có, đời sống của người dân chủ yếu là tự cung, tự cấp. Đến nay, sản phẩm mà người dân sản xuất ra đã được các thương lái đến tận nơi để thu mua, đồng thời người dân cũng có điều kiện tiếp cận với

đa dạng các loại hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho đời sống.

Thực hiện có hiệu quả các chương trình hỗ trợ sản xuất

Song song với phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, huyện Na Rì đã triển khai hiệu quả các chương trình hỗ trợ sản xuất cho người dân. Các gói hỗ trợ sản xuất thuộc các chương trình 135; chương trình xây dựng nông thôn mới; hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác, kinh doanh nông hộ; đề án " Mỗi làng, xã một sản phẩm"... sau một thời gian triển khai trên địa bàn Huyện đã cho thấy hiệu quả tích cực, phần lớn hộ nghèo, hộ cận nghèo đã được trang bị kiến thức, kỹ thuật sản xuất, được hỗ trợ vốn để phát triển sản xuất, tạo sinh kế lâu dài. Công tác giảm nghèo đạt kết quả cao, nếu như năm 2016, tỷ lệ hộ nghèo của Huyện là 35,76% thì đến hết năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo đã giảm xuống chỉ còn 22,67%. Chương trình hỗ trợ kinh tế hợp tác đã giúp các hợp tác xã (HTX), tổ hợp tác trên địa bàn Huyện phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng. Toàn Huyện hiện có 36 HTX, với tổng số vốn điều lệ đạt 26,1 tỷ đồng, giải quyết việc làm thường xuyên cho 333 lao động với mức thu nhập bình quân năm đạt 44 triệu đồng/người/năm. Đặc biệt, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) đã tạo sức bật trong sản xuất nông nghiệp của huyện Na Rì. Đến nay, Huyện đã phát triển được 22 sản phẩm OCOP, trong đó có 01 sản phẩm đang đề nghị được thăng hạng lên 5 sao. Việc phát triển các sản phẩm OCOP đã mở ra hướng đi để đưa hàng hóa nông sản của Huyện đến với thị trường trong và ngoài nước đồng thời sẽ giúp Na Rì khai thác được tiềm năng thế mạnh trong nông nghiệp để phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững./.

P.V



Người dân huyện Na Rì sử dụng nguồn vốn vay tín dụng chính sách để đẩy mạnh trồng cây ăn quả
Ảnh: Tư liệu



TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM TỈNH BẮC KẠN TÍCH CỰC VÀO GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM, ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI

Những năm qua, Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Bắc Kạn đã thực hiện tốt hoạt động kết nối cung, cầu lao động, giúp cho nhiều lao động có việc làm, có thu nhập để đảm bảo cuộc sống.

Hàng năm, công tác tìm kiếm và mở rộng thị trường lao động luôn được Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Bắc Kạn chú trọng. Trung tâm thường xuyên tổ chức đoàn công tác đi tìm kiếm và sàng lọc thị trường lao động trong và ngoài tỉnh, trong đó tập trung vào các khu công nghiệp lớn ở miền Bắc, các doanh nghiệp nước ngoài sử dụng nhiều lao động.

Bên cạnh đó, Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Bắc Kạn đã nỗ lực đa dạng hóa các hình thức tư vấn, giới thiệu việc làm, để người lao động có nhiều cơ hội lựa chọn việc làm phù hợp với khả năng, trình độ của mình.

Ông Nguyễn Hồng Việt, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Bắc Kạn cho biết: Tính chủ động trong tìm kiếm việc làm của người lao động chưa cao, đồng thời tâm lý không muốn ly hương của lao động người dân tộc là một trong những trở ngại cho hoạt động giới thiệu việc làm của Trung tâm. Do đó, để nâng cao hiệu quả hoạt động kết nối cung, cầu lao động, ngoài việc đa dạng hóa các kênh thông tin để giới thiệu, tư vấn, hỗ trợ cho người lao động, Trung tâm còn đẩy mạnh giới thiệu việc làm thông qua Website, phòng vấn online; Triển khai phương án tổ chức phiên giao dịch bằng hình thức trực tuyến trên fanpage



Hội nghị tư vấn chính sách và giới thiệu việc làm cho người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp tại Trung tâm (năm 2017)

(sangiaodichvieclam), đồng thời thiết lập đường dây tư vấn, giới thiệu việc làm online qua website, cập nhật kịp thời, liên tục các vị trí việc làm trống để người lao động lựa chọn, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp.

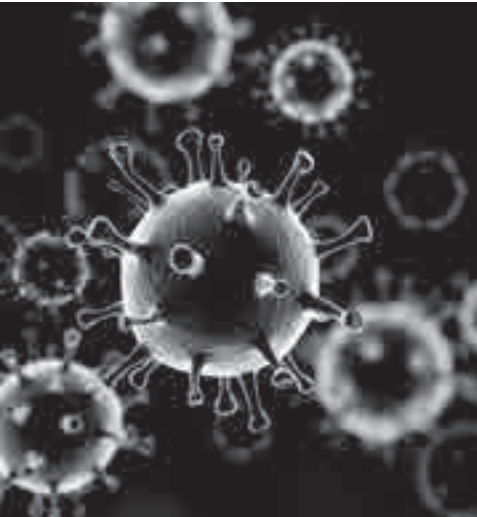
Theo số liệu báo cáo của Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Bắc Kạn, năm 2019 Trung tâm đã tư vấn cho trên 7 nghìn người, đạt trên 281% kế hoạch, giới thiệu việc làm cho gần 600 lao động đạt 112% kế hoạch. Đặc biệt, năm 2020 trong bối cảnh thị trường lao động có nhiều biến động do tác động của dịch Covid, nhưng Trung tâm đã tích cực phối hợp với các thôn bản trên địa bàn tỉnh tổ chức trên 40 hội nghị tư vấn việc làm, với tổng số 4,7 nghìn lượt người tham dự, đạt trên 189% kế hoạch; giới thiệu việc làm cho gần 1,2 nghìn người lao động, đạt trên 110% kế hoạch.

Ngoài thực hiện tư vấn, giới thiệu việc làm, Trung tâm Dịch vụ việc làm cũng triển khai hiệu quả công tác tham mưu trong việc thực hiện chi trả chế độ trợ cấp thất nghiệp cho người lao động.

Đáng chú ý, vào mỗi dịp nghỉ tết nguyên đán hay đầu năm mới, Trung tâm phối hợp với các doanh nghiệp sử dụng lao động tổ chức gặp mặt người lao động, đồng thời mời lãnh đạo tỉnh đến động viên, khích lệ người lao động để họ yên tâm làm việc. Thông qua hoạt động này, niềm tin và sự gắn kết giữa người lao động và người sử dụng lao động ngày càng được nâng lên, đây cũng là cơ hội để các doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm trong công tác an sinh xã hội.

Nhờ làm tốt công tác tư vấn và giới thiệu việc làm, Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Bắc Kạn vừa giúp các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tìm kiếm nguồn lao động có chất lượng, vừa giúp người lao động, đặc biệt là đối với lao động nông thôn, dân tộc thiểu số vùng sâu vùng xa tìm kiếm được những công việc phù hợp, để có điều kiện nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống, qua đó góp phần đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao hiệu quả công tác giảm nghèo của địa phương./

P.V



COVID-19 PHÉP THỬ SỨC BỀN HỆ THỐNG AN SINH XÃ HỘI CỦA NHIỀU QUỐC GIA

Ngọc Linh

Trong năm vừa qua, khi cả thế giới phải gồng mình chống chọi với những làn sóng liên tiếp của đại dịch Covid-19, nền kinh tế toàn cầu suy thoái trầm trọng thì những chính sách an sinh xã hội chính là chiếc phao cứu sinh cho hàng triệu người thất nghiệp trên toàn thế giới.

Năm 2020, nhằm ngăn chặn sự bùng phát của dịch bệnh Covid-19, nhiều quốc gia đã phải thực hiện các biện pháp phong tỏa, giãn cách xã hội, khiến cho hoạt động sản xuất kinh doanh bị ngưng trệ, hàng triệu người lao động sẽ phải rơi vào tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm, giảm giờ làm và tiền lương, trong đó đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề nhất là tầng lớp lao động thu nhập thấp với việc làm bấp bênh. Tại các nước ở khu vực châu Âu, tình trạng thất nghiệp đã kéo dài suốt nhiều tháng trong năm vừa qua. Chỉ tính riêng quý III/2020, nước Anh có tới 314 nghìn người thất nghiệp, tăng 195 nghìn người so với cùng kỳ năm 2019 và tăng 181.000 người so với quý II/2020. Đây là mức cắt giảm việc làm cao kỷ lục kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008-2009 tại quốc gia này, đưa tỷ lệ thất nghiệp quý III/2020 lên 4,8%, mức cao nhất trong vòng 4 năm qua. Trong khi đó ở Pháp, Cơ quan thống kê quốc gia - INSEE cho biết, tỷ lệ thất nghiệp đã tăng từ 7,1% trong quý II lên 9% trong quý III, mức cao nhất kể từ khi dữ liệu được thu thập vào năm 1975. Còn ở Đức có nhiều thời điểm có tỷ lệ thất nghiệp

vượt ngưỡng ổn định, khoảng 5% mà quốc gia này đã duy trì được kể từ tháng 8/2018...

Đại dịch Covid-19 cũng đã và đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến Mỹ - nền kinh tế đầu tàu thế giới, khiến hàng chục triệu người lao động bị thất nghiệp. Số đơn xin hưởng trợ cấp thất nghiệp tại Mỹ liên tục lập nên những con số kỷ lục mới. Đặc biệt từ tháng 3-7/2020, tỷ lệ thất nghiệp tại quốc gia này luôn ở mức 2 con số khi một loạt doanh nghiệp phải đóng cửa để ngăn chặn dịch lây lan.

Đại dịch Covid-19 cũng giáng một đòn mạnh vào các thị trường lao động châu Á và Thái Bình Dương. Theo một báo cáo mới được Tổ chức lao động Quốc tế (ILO) công bố vào tháng 12/2020, cuộc khủng hoảng Covid-19 đã làm cho khu vực này mất khoảng 81 triệu việc làm trong năm 2020 cũng như gây ra mức sụt giảm thời gian làm việc khổng lồ. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực này có thể tăng từ 4,4% năm 2019 lên mức 5,2% - 5,7% trong năm 2020. Ở hầu hết tất cả các nền kinh tế của khu vực đều có số lượng việc làm giảm đáng kể so với năm 2019.

Riêng tại khu vực ASEAN, theo Báo cáo "Đánh giá nhanh về tác động của đại dịch Covid-19 đến sinh kế trên toàn khu vực ASEAN"

do Ban Thư ký ASEAN phối hợp với Quỹ Châu Á công bố mới đây, có đến 155 triệu lao động của khu vực ASEAN rất dễ bị tổn thương do các tác động kinh tế của đại dịch. Các nhà phân tích thuộc tổ chức BofA Global Research ước tính, khoảng 7% số lao động (khoảng 20,7 triệu người) tại các nước ASEAN-6 (Thái Lan, Indonesia, Singapore, Philippines, Malaysia và Việt Nam) có thể mất việc làm do tác động của đại dịch Covid-19.

Trước tình hình đó, nhiều nước trên thế giới đã phải thực hiện các biện pháp ứng phó, đồng thời gấp rút triển khai chính sách, chương trình nhằm bảo đảm quyền lợi cho người lao động đang bị tác động mạnh bởi dịch bệnh. Ví dụ như chính phủ các nước châu Âu, nơi được coi là đạt tiêu chuẩn vàng về hệ thống an sinh xã hội, đã chi hàng nghìn tỷ Euro để trợ giúp các doanh nghiệp và đưa ra các chương trình giữ chân người lao động. Cụ thể là tại Thụy Điển, ngay sau khi dịch bệnh bùng phát, trong tháng 3/2020, chính phủ nước này đã nhanh chóng công bố gói biện pháp trị giá hơn 300 tỷ krona (30,94 tỷ USD) nhằm hỗ trợ nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, trong đó có các biện pháp như chính quyền trung ương gánh toàn bộ chi phí

cho việc nghỉ ốm của nhân viên tại các công ty trong các tháng 4-5/2020, cũng như chi phí hỗ trợ những người mất việc tạm thời do dịch bệnh. Hay như việc chính phủ Pháp nới lỏng quy định hưởng chế độ hỗ trợ thất nghiệp một phần, tức là hỗ trợ thu nhập cho người lao động dù chưa hẳn là mất việc làm song bị giảm lương, giảm giờ làm do Covid-19. Hơn nữa, phạm vi hưởng hỗ trợ cũng được mở rộng đến cả nhóm người lao động làm việc theo hợp đồng vụ việc hoặc hợp đồng làm việc theo ngày/giờ; thời gian giải quyết hưởng được rút ngắn hơn, xuống chỉ còn 48 giờ kể từ khi cơ quan chức năng nhận đủ hồ sơ, đảm bảo nhanh gọn, thuận lợi cho người lao động. Ngoài ra, nước Pháp còn cho phép người lao động tìm kiếm việc làm thứ 2 song vẫn được hưởng nguồn thu nhập hỗ trợ do việc làm chính bị ảnh hưởng.

Ở Italy, Chính phủ đã thông qua sắc lệnh chi 25 tỷ euro (tương đương 27,8 tỷ USD), giúp quốc gia này có thể giảm nhẹ tác động từ dịch bệnh Covid-19, bao gồm việc hoãn thanh toán nợ đối với các công ty để đảm bảo việc chi trả lương cho những nhân viên phải tạm nghỉ do lệnh phong tỏa.

Trong khi đó, chính phủ Anh thực hiện chương trình nghỉ phép kéo dài tới tháng 10/2020, trong đó chi trả tới 80% tiền lương (lên đến 2.500 bảng Anh) cho khoảng 10 triệu nhân viên của khu vực tư nhân trong giai đoạn đại dịch. Trong tháng 11/2020 mới đây, nước này tiếp tục quyết định gia hạn chương trình hỗ trợ lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch viêm đường hô hấp cấp COVID-19 đến tháng 3/2021. Đồng thời thực hiện công tác hỗ trợ tư vấn của các chuyên gia về cách thức người lao động tham gia ngành nghề đang tăng trưởng cũng như hướng dẫn về hồ sơ xin việc và phỏng vấn.

Đáng chú ý, các quy định được linh hoạt điều chỉnh cho phép người lao động làm việc bán thời gian để cải thiện thu nhập bên cạnh khoản hỗ trợ thất nghiệp.

Tại Đức, chính sách hỗ trợ thu nhập cũng đã được thực hiện, theo đó tỷ lệ hỗ trợ được nâng lên, từ việc hỗ trợ 60% thu nhập, tăng lên 70% thu nhập của người lao động, với trường hợp có con nhỏ sẽ được hưởng từ 80-87%. Với diễn biến khó lường của đại dịch như hiện tại, Chính phủ Đức đã quyết định kéo dài thời hạn của các chương trình cứu trợ đến cuối năm 2021, ước tính sẽ giúp duy trì ít nhất 1 triệu việc làm.

Tương tự châu Âu, nhiều quốc gia tại các châu lục khác cũng đã kịp thời xây dựng các chương trình cứu trợ người lao động trong bối cảnh dịch bệnh bùng phát. Đơn cử là ngay trong nửa đầu tháng 3/2020, Mỹ đã nhanh chóng thông qua gói tài chính trị giá 104 tỷ USD nhằm hỗ trợ người dân đối phó với những tác động của dịch Covid-19, cho phép người lao động Mỹ được nghỉ phép hưởng lương trong tình huống khẩn cấp và được xét nghiệm virus SARS-CoV-2 miễn phí. Ngoài ra, người lao động vẫn được chi trả tối đa 10 ngày nghỉ ốm.

Trong tháng 3/2020, thời điểm dịch bệnh vừa bùng phát,

Chính phủ New Zealand đã phản ứng khá nhanh, công bố gói cứu trợ trị giá 12,1 tỷ NZD (tương đương 7,34 tỷ USD), chiếm khoảng 4% GDP nước này, nhằm hỗ trợ kinh tế vượt qua giai đoạn khó khăn do tác động của dịch bệnh Covid-19 gây ra. Trong đó, hơn 50% tổng số tiền chi tiêu sẽ dành để trợ cấp lương cho người lao động, hỗ trợ các doanh nghiệp giảm gánh nặng chi phí, trong thời điểm các hoạt động kinh doanh bị gián đoạn.

Với tình hình lao động liên tục diễn biến không ổn định, Chính phủ Nhật Bản cũng đã liên tiếp phê duyệt 3 gói ngân sách của tài khóa 2020 để thực hiện chương trình trợ cấp việc làm với tổng chi ngân sách là gần 4.000 tỷ yên. Nhận định tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp, mới đây nước này đã quyết định phê duyệt chi 35,8 nghìn tỷ Yên ngân sách năm 2021 cho lĩnh vực an sinh xã hội, chiếm tỷ trọng chi lớn nhất tới 33,6% trong tổng chi ngân sách của cả năm (106,6 nghìn tỷ Yên) và tăng 150,7 tỷ Yên so với năm 2020.

Ở Trung Quốc, các biện pháp an sinh xã hội là một thành phần quan trọng trong ứng phó khẩn cấp của chính phủ thời đại dịch. Vào cuối tháng 3/2020, nước này đã phân bổ 9,3 tỉ nhân dân tệ (131,58 triệu USD) trợ cấp thất nghiệp cho 2,3 triệu lao động



mất việc. Ngoài ra, khoảng 67.000 người ngoại tỉnh thất nghiệp còn nhận được khoản trợ cấp sinh hoạt tạm thời trị giá 410 triệu nhân dân tệ (58 triệu USD) để trang trải cuộc sống trong giai đoạn khó khăn. Bên cạnh đó, quốc gia này đã tăng cường trợ cấp an sinh xã hội, cung cấp một khoản lên đến 80% số tiền trợ cấp thất nghiệp cho những người đã hết thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp và gia hạn nhận trợ cấp thất nghiệp cho những người một năm nữa là về hưu cho đến khi họ nghỉ hẳn. Đồng thời, yêu cầu trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp trực tuyến đã được chấp nhận ở 297 thành phố, tạm thời thay thế thủ tục bắt buộc thông thường cho phép người thất nghiệp đăng ký với các cơ quan dịch vụ công và chứng minh nỗ lực tìm kiếm việc làm của họ.

Để giải quyết vấn đề thất nghiệp chung đang diễn ra trong khu vực, tại Hội nghị Ban chấp hành Hiệp hội An sinh xã hội Đông Nam Á (ASSA 37) diễn ra tháng 11/2020 vừa qua, các nước thành viên ASEAN cho biết đã thực hiện nhiều giải pháp góp phần mở rộng diện bao phủ, đảm bảo an sinh xã hội trong khu vực, đặc biệt đối với người lao động tại khu vực phi chính thức, nhóm đối tượng yếu thế.

Cụ thể, trong tháng 2/2020, Malaysia đã công bố gói cứu trợ, trị giá 4,7 tỷ USD, bao gồm việc giảm thuế và tái bố trí kế hoạch hoạt động của các doanh nghiệp. Sang tháng 3/2020, Chính phủ Malaysia thông báo bổ sung 230 triệu USD trong gói cứu trợ nhằm hạn chế tác động của dịch Covid-19, giúp chi trả lương của người lao động phải nghỉ việc, giảm giá điện, các gói cứu trợ tài chính công.

Tại Indonesia, trong cuộc họp vào giữa tháng 3/2020, Tổng thống quốc gia này đã chỉ thị tất cả các bộ, ngành nước này hạn chế

chi tiêu ngân sách để lấy kinh phí nhằm duy trì sức mua của người dân trong đại dịch Covid-19. Theo đó, ít nhất 40.000 tỷ Rp (2,66 tỷ USD) ban đầu được chuẩn bị cho các chuyển công tác và các cuộc họp của quan chức được giải ngân cho người dân để duy trì sức mua. Ngoài ra, các tổ chức có liên quan cũng được yêu cầu giải ngân trợ cấp xã hội của chính phủ (khoảng 31.300 tỷ Rp) cho các hộ gia đình có thu nhập thấp thông qua Chương trình Hy vọng gia đình.

Nhận thấy rõ việc mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội là cần thiết trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Chính phủ Hoàng gia Campuchia đã yêu cầu Quỹ An sinh xã hội Quốc gia Campuchia (NSSF) đưa ra những giải pháp cụ thể để đảm bảo sự tiếp cận thiết yếu, đảm bảo phúc lợi cho người lao động, kể cả người lao động nhập cư. Trong đó, tăng cường mở rộng chính sách cho người dân, người lao động nhằm mang lại hệ thống an sinh xã hội tốt nhất bằng các giải pháp mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho người lao động thuộc nhóm yếu thế, mất việc, hoãn việc do Covid-19...

Trong khi đó, bên cạnh gói hỗ trợ tài chính cho các khoản vay không lãi suất đối với nông dân và ngư dân bị ảnh hưởng, Cơ quan An sinh xã hội Thái Lan (SSO) đã phát huy hiệu quả kết nối trong bối cảnh phải hạn chế việc tiếp xúc trực tiếp, lập đường dây nóng, trung tâm chăm sóc khách hàng trực 24/7; sử dụng mạng lưới đối tác xã hội nhằm duy trì mối tương tác hai chiều với SSO...

Tại Việt Nam, ngay khi dịch bệnh bùng phát, Chính phủ Việt Nam cũng đã nhanh chóng ban hành Nghị quyết 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do

đại dịch Covid-19, và thực hiện gói hỗ trợ an sinh 62.000 tỷ đồng cho những đối tượng gặp khó khăn do ảnh hưởng dịch Covid-19 là người có công, bảo trợ xã hội, người thuộc hộ nghèo và cận nghèo, nhóm lao động tự do... Bên cạnh gói hỗ trợ chung của Chính phủ trên phạm vi cả nước, trên cơ sở tình hình thực tế, một số địa phương đã thông qua chính sách hỗ trợ cho người dân trên địa bàn. Điển hình là vào tháng 9/2020, ngoài kinh phí hỗ trợ cho những đối tượng hưởng trợ cấp theo Nghị quyết 42/NQ-CP, Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng đã thông qua chính sách hỗ trợ cho những đối tượng đặc thù gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trong tháng 8 và tháng 9/2020 bởi đợt dịch bùng phát trở lại vào cuối tháng 7/2020, khiến nhiều doanh nghiệp phải cho người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương. Ngoài ra, trong bối cảnh dịch diễn biến phức tạp, năm 2020 Ngân hàng Chính sách xã hội đã thực hiện giải ngân 31,6 tỷ đồng cho 207 doanh nghiệp để trả lương cho 8.529 người lao động bị ngừng việc.

Cùng với những gói kích thích nền kinh tế, những biện pháp trên đây của các nước thực tế đã góp phần làm chậm lại sự gia tăng tỷ lệ thất nghiệp, giúp nhiều người lao động vượt qua giai đoạn khó khăn nhất. Tuy nhiên cho đến nay, hệ thống phúc lợi ở nhiều quốc gia đã có dấu hiệu không thể chống đỡ nổi bởi nền kinh tế phục hồi khá chậm, nguồn lực thực hiện các chương trình hỗ trợ người lao động đang ngày càng thu hẹp, nhất là khi đến nay cuộc chiến Covid-19 vẫn chưa kết thúc, hàng loạt quốc gia tiếp tục phải đối mặt với sự bùng phát đợt dịch mới do các biến thể mới của virus liên tục được phát hiện./.

CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ I - 02/2021 (591) Ra hàng tháng. Năm thứ 60

Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG - Phó Tổng biên tập: BÙI BÍCH THỦY - NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN

Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội **ĐT:** (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971

Fax: 84-24-37344969 **Email:** consosukien@gso.gov.vn

Giấy phép xuất bản số 905/GP-BTTTT ngày 14-6-2011. Số lượng in: 1.200 bản

In tại Công ty TNHH In Tân Thăng Long

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Khai mạc trọng thể Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng
2. Ngành Thống kê tổ chức Hội nghị Triển khai kế hoạch công tác năm 2021
4. Tổng cục Thống kê khai mạc Hội nghị tập huấn Tổng điều tra kinh tế năm 2021
6. Thống kê Việt Nam - Nỗ lực vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2020
10. Phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng Ngành Thống kê giai đoạn 2016-2020
13. Công tác Vì sự tiến bộ phụ nữ ngành Thống kê giai đoạn 2016-2020 - Những dấu ấn tự hào

KINH TẾ - XÃ HỘI

16. Kinh tế - xã hội Việt Nam: Dấu ấn 5 năm
Thu Hường
20. Tình hình kinh tế - xã hội tháng 01 năm 2021
22. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 01 năm 2021
23. Kinh tế hợp tác, hợp tác xã Liên kết, hợp tác cùng phát triển và hội nhập
Hùng Đạt
25. Năm 2021: Việt Nam kỳ vọng tiếp tục là nơi gửi gắm niềm tin của các nhà đầu tư nước ngoài
ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh
28. Giải pháp phát triển ngành Mía đường trong tình hình mới
Thu Hòa

31. Lao động ngành Trí tuệ nhân tạo - Thị trường giàu tiềm năng
Minh Hà

33. Trà Vinh: Phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020, định hướng giai đoạn 2021-2025
Lê Thanh Nam

36. Kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016-2026 Tọa đà và bứt phá
Lê Gia Phong

40. Thành phố Hồ Chí Minh - Chính sách tín dụng ưu đãi tạo việc làm giai đoạn 2015-2020
ThS. Mai Thị Quế - Nguyễn Thanh Bình

BẮC KẠN HƯỚNG TỚI MỤC TIÊU GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

43. Bắc Kạn: Tập trung đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp
Trịnh Long
44. Huyện Ba Bể: Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và xóa đói giảm nghèo
Trọng Nghĩa
46. Ngành Tài chính tỉnh Bắc Kạn: Nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao
47. Hướng đi trong phát triển kinh tế - xã hội và giảm nghèo của huyện Na Rì

QUỐC TẾ

49. Covid-19 phép thử sức bền hệ thống an sinh xã hội của nhiều quốc gia
Ngọc Linh

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH BẮC KẠN

NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ CHẤT LƯỢNG KHÁM CHỮA BỆNH

Là đơn vị điều trị tuyến cuối của Tỉnh, những năm qua Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Kạn luôn quan tâm nâng cao chất lượng dịch vụ chuyên môn, triển khai các kỹ thuật mới, kỹ thuật cao, kỹ thuật chuyên sâu... không ngừng cải tiến chất lượng khám, chữa bệnh, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao nhiệm vụ chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Kạn có 33 khoa phòng, trong đó có 5 phòng chức năng, và 20 khoa lâm sàng trong đó có 01 đơn nguyên sơ sinh, 05 khoa cận lâm sàng và 03 khoa hỗ trợ phục vụ, tổng số cán bộ, viên chức, người lao động của Bệnh viện là 450 người. Với quy mô 500 giường nhưng khả năng thu dung mở rộng 600 đến 800 giường bệnh, trung bình mỗi ngày Bệnh viện tiếp nhận khám từ 350-420 người bệnh, khám điều trị bệnh mãn tính từ 80-100 người bệnh, thu dung cấp cứu và điều trị nội trú từ 80-120 người, số bệnh nhân điều trị nội trú tại các khoa lâm sàng từ trung bình 500-580 người bệnh/ngày.

Với những trang thiết bị được đầu tư, Bệnh viện đã thực hiện được 63% danh mục kỹ thuật thuộc phân tuyến và gần 300 kỹ thuật vượt tuyến; nhiều kỹ thuật mới đã được triển khai áp dụng như: phẫu thuật kết hợp gãy lồi cầu xương hàm, phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein; định lượng CA 72-4, Định lượng Cyfra 21-1. HbsAg miễn dịch tự động, định lượng TROPAIN, Cortisol, Pro-calcitonin, siêu âm Doppler mạch máu...

Trong năm 2020, Bệnh viện tiếp tục được tiếp nhận thêm một số trang thiết bị mới hiện đại như: Hệ thống phẫu thuật nội soi; Máy đốt



Thực hiện Kỹ thuật Tán sỏi thận qua da

u gan bằng sóng cao tần; Máy hàn mạch có tích hợp dao mổ điện... Nhờ đó, ngoài việc duy trì những dịch vụ kỹ thuật cơ bản, Bệnh viện tiếp tục triển khai được nhiều kỹ thuật cao mới như: Các phẫu thuật nội soi ổ bụng, tiết niệu; Các phẫu thuật nội soi trong sản khoa; Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình; Nội soi can thiệp và các chuyên khoa: Phẫu thuật Phaco; Phẫu thuật gãy lồi cầu xương hàm; phẫu thuật cắt Amygdal; Phẫu thuật nội soi mũi xoang; Phẫu thuật cắt hạt xơ dây thanh; cắt u lành tính thanh quản. Đặc biệt, Bệnh viện còn triển khai thêm được 04 kỹ thuật lâm sàng (Lọc máu liên tục;

Lọc máu thay huyết tương; Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung; Nội soi tán sỏi thận qua da) và 07 kỹ thuật cận lâm sàng (Nhuộm phiên đồ tế bào theo Papanicolaou, Cell bloc, Kỹ thuật chụp Cộng hưởng từ, Vi hệ đường ruột, HP test nhanh, Rotavirus test nhanh, Virus cúm A, B test nhanh).

Ông Trần Văn Tuyến - Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Kạn cho biết: Với việc từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ chuyên môn, triển khai thêm nhiều kỹ thuật mới, kỹ thuật cao, kỹ thuật chuyên sâu, tỷ lệ bệnh nhân của Bệnh viện phải chuyển tuyến trên giảm qua từng năm, năm 2020 giảm còn 3,9% so với năm 2019 là 4,1%, qua đó giảm chi phí điều trị cho bệnh nhân, đặc biệt là bệnh nhân nghèo.

Hiện nay, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Kạn đã đưa nhiệm vụ phát triển kỹ thuật cao vào Nghị quyết của Đảng bộ và các chi bộ, đồng thời tranh thủ hỗ trợ, giúp đỡ của các Bệnh viện đầu ngành trong việc đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao kỹ thuật, hướng dẫn chuyên môn... để từng bước nâng cao hơn nữa năng lực khám và điều trị./.



Bệnh nhân làm thủ tục khám chữa bệnh tại khu vực đón tiếp.

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH BẮC KẠN:

ĐẢM BẢO TIẾN ĐỘ VÀ CHẤT LƯỢNG CÁC DỰ ÁN GIAO THÔNG TRỌNG ĐIỂM



Ông Nguyễn Văn Hợ, Giám đốc Ban QLDA Đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Bắc Kạn

Nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy

Thực hiện Đề án vị trí việc làm phù hợp với tình hình thực tiễn tại đơn vị và quy trình quy hoạch nhân sự lãnh đạo cấp phòng nhiệm kỳ 2015 - 2020 và nhiệm kỳ 2020 - 2025 của UBND tỉnh Bắc Kạn, Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông tỉnh Bắc Kạn đã thực hiện sắp xếp lại các phòng ban chuyên môn theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối. Quá trình sắp xếp lại các phòng ban cùng việc Ban Giám đốc mới được kiện toàn đã ảnh hưởng ít nhiều đến việc điều hành và triển khai các mặt hoạt động của Ban.

Do đó, để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong công việc, cấp ủy và lãnh đạo đơn vị thường xuyên tạo điều kiện cho cán bộ, người lao động, tham gia các đợt tập huấn, học tập nâng cao trình độ chuyên môn

Xác định giao thông phải “đi trước” mở đường, những năm qua, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng (QLDA ĐTXD) công trình Giao thông tỉnh Bắc Kạn đã nỗ lực kiện toàn bộ máy, từng bước nâng cao năng lực quản lý để hoàn thành nhiệm vụ triển khai các dự án giao thông trọng điểm đúng tiến độ và chất lượng.

nghiep vụ, quản lý. Cụ thể, trong năm qua, Ban đã cử khá nhiều các bộ tham gia lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính, lớp bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu chương trình cơ bản, tập huấn triển khai phần mềm Đánh giá Chính quyền điện tử. Ngoài ra có 10 cán bộ được tham dự kỳ thi sát hạch và được cấp chứng chỉ hàng nghề hoạt động xây dựng,... Bên cạnh đó, lãnh đạo Ban cũng rất quan tâm chăm lo đời sống của cán bộ, Đảng viên, người lao động, khuyến khích mọi người làm việc hiệu quả

Đến nay, đội ngũ cán bộ, người lao động của Ban ngày càng tinh thông công việc, thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên môn như đấu thầu, giải phóng mặt bằng, giám sát thi công, khảo sát, quyết toán... Dù các dự án trải dài trên nhiều địa bàn nhưng ở đâu, cán bộ Ban cũng được các đối tác, chính quyền địa phương, cơ quan liên quan

đánh giá cao về năng lực, tác phong và tinh thần làm việc.

Đẩy nhanh tiến độ, đảm bảo chất lượng công trình

3 năm gần đây, Ban đã thực hiện tốt các nhiệm vụ và kế hoạch được giao. Trong đó, công tác giải phóng mặt bằng được Ban phối hợp với các Sở, Ban, Ngành và Hội đồng GPMB các huyện thực hiện đo đạc, thẩm định và chi trả theo đúng quy trình, quy định của Luật pháp, giải đáp kịp thời thắc mắc kiến nghị của nhân dân; Công tác quản lý dự án được thực hiện đúng quy trình, quy phạm và quy định hiện hành trong xây dựng cơ bản, đảm bảo chất lượng, yêu cầu kỹ thuật theo hồ sơ thiết kế được duyệt. Bên cạnh đó, công tác giải ngân vốn đầu tư qua các năm đều đạt kết quả cao, đáp ứng yêu cầu đề ra. Cụ thể năm 2019 số vốn giải ngân đạt 92% kế hoạch giao, năm 2020 đạt 80% số giao. Công tác chuẩn bị đầu tư cho các năm kế tiếp được đảm bảo đúng quy trình, thủ tục và tiến độ (đặc biệt với công trình trong điểm như tuyến thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể, tuyến Vũ Loan - Văn Học,...);

Một số dự án nổi bật do Ban triển khai đã hoàn thành trong những năm qua có thể kể tới như: Dự án Cải tạo, nâng cấp QL3B đoạn Xuất Hóa - Cửa khẩu Pò Mã; Dự án công trình tuyến đường ĐT.257- Đôn Phong (nay là QL3 - Đôn Phong); Dự án Đường cứu hộ, cứu nạn vùng sạt lở, lũ quét huyện Pác Nặm; Dự án nâng cấp cải tạo đường tỉnh ĐT255; Dự án cải tạo sửa chữa đường tỉnh ĐT 258B đoạn từ điểm đầu khu du lịch hồ Ba Bể đến trung tâm Vườn Quốc gia Ba Bể.... Nhìn chung, các dự án, công trình đã và đang triển khai đều đạt tiến độ, đảm bảo chất lượng góp phần tạo thuận lợi để thu hút đầu tư, thúc đẩy giao thương hàng hóa, kết nối các địa phương, quy tụ dân cư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm mới, tăng thu nhập cho đồng bào nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn./.



Tuyến Quốc lộ 3B đoạn qua phường Xuất Hóa (TP. Bắc Kạn) được thi công đảm bảo tiến độ và chất lượng

Long Đình